

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

NGUYỄN LAN PHƯƠNG

**HOÀN THIỆN THỰC THI CHÍNH SÁCH
HỖ TRỢ NÔNG DÂN GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN BA CHẾ,
TỈNH QUẢNG NINH**

ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ

HẢI DƯƠNG – 2025

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

NGUYỄN LAN PHƯƠNG

**HOÀN THIỆN THỰC THI CHÍNH SÁCH
HỖ TRỢ NÔNG DÂN GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN BA CHÈ,
TỈNH QUẢNG NINH**

Ngành: Quản lý kinh tế

Mã số: 8310110

ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS.TS. Phạm Văn Hùng

2. TS. Phạm Thị Thu Trang

HẢI DƯƠNG – 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học độc lập của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong đề án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả đề án

Nguyễn Lan Phương

LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình thực hiện Đề án Thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế với đề tài “*Hoàn thiện thực thi chính sách hỗ trợ nông dân giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh*” ngoài sự nỗ lực của bản thân, tôi còn nhận được rất nhiều sự giúp đỡ tận tình của các thầy cô, một số cơ quan ban ngành tỉnh Quảng Ninh, cơ quan chính quyền và người dân huyện Ba Chẽ, gia đình và bạn bè.

Đầu tiên, tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới Phó giáo sư. Tiến sỹ Phạm Văn Hùng và Tiến sỹ Phạm Thị Thu Trang đã tận tình hướng dẫn, chỉ bảo và giúp đỡ trong suốt quá trình thực hiện luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn các thầy cô, nhà khoa học đang công tác tại Đại học Hải Dương đã tạo điều kiện về thời gian cũng như hỗ trợ các tài liệu học tập cho tôi trong quá trình học tập và nghiên cứu.

Tôi xin gửi lời cảm ơn tới Tỉnh đoàn Quảng Ninh, Hội nông dân tỉnh Quảng Ninh, Huyện đoàn Ba Chẽ, cán bộ, công chức làm công tác giảm nghèo, các hộ gia đình người dân tộc thiểu số nghèo trên địa bàn huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh đã tạo điều kiện cho tôi phỏng vấn, nghiên cứu.

Cuối cùng, tôi xin gửi lời cảm ơn đến các bạn đồng nghiệp đã nhiệt tình hỗ trợ trong quá trình học tập, nghiên cứu.

Dù đã có nhiều cố gắng, song chắc chắn không thể tránh khỏi thiếu sót. Tôi rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của quý thầy giáo, cô giáo và các nhà khoa học để đề án của tôi được hoàn thiện hơn.

Hải Dương, tháng 05 năm 2025

Tác giả đề án

Nguyễn Lan Phương

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	I
LỜI CẢM ƠN	II
MỤC LỤC	III
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	VII
DANH MỤC CÁC BẢNG	VIII
MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu	3
3. Mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu.....	4
4. Đối tượng, phạm vi và nội dung nghiên cứu.....	5
5. Phương pháp nghiên cứu.....	5
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề án.....	8
7. Cấu trúc của luận văn.....	9
CHƯƠNG 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ THỰC THI CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG	10
1. Cơ sở lý luận về thực thi chính sách giảm nghèo bền vững	10
1.1. Khái niệm về giảm nghèo bền vững.....	10
1.2. Khái niệm về chính sách giảm nghèo bền vững.....	11
1.3. Khái niệm về thực thi chính sách giảm nghèo bền vững.....	13
1.4. các bước cơ bản trong thực thi chính sách giảm nghèo bền vững.....	15
1.4.1. Xây dựng kế hoạch tổ chức thực thi chính sách giảm nghèo bền vững	15
1.4.2. Tuyên truyền, phổ biến chính sách giảm nghèo bền vững đến người dân	17
1.4.3. Phân công, phối hợp thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững.....	17

1.4.4. Tìm kiếm, huy động các nguồn lực thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững	22
1.4.5. Giám sát, đánh giá việc thực thi chính sách giảm nghèo bền vững	24
1.5. Những yếu tố ảnh hưởng tổ chức, thực thi chính sách giảm nghèo bền vững	25
1.5.1. Chất lượng văn bản chính sách	25
1.5.2. Trình độ đội ngũ cán bộ thực thi chính sách	26
1.5.3. Sự tham gia của người dân trong thực hiện chính sách	27
1.5.4. Nguồn lực cho việc thực hiện chính sách	28
1.6. Các chính sách giảm nghèo bền vững	30
1.6.1. Ở Việt Nam	30
1.6.2. Các chính sách giảm nghèo bền vững ở tỉnh quảng ninh	33
2. Kinh nghiệm thực tiễn thực thi chính sách giảm nghèo của một số địa phương và bào học kinh nghiệm cho huyện ba chẽ, tỉnh quảng ninh.....	35
2.1. Kinh nghiệm ở huyện sơn động, tỉnh bắc giang.....	35
2.2. Kinh nghiệm ở huyện phú lương, tỉnh thái nguyên.....	39
2.3. Bài học kinh nghiệm cho huyện ba chẽ, tỉnh quảng ninh.....	41
Tiểu kết chương 1	43
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG THỰC THI CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN BA CHẼ, TỈNH QUẢNG NINH	44
1. Tổng quan về đặc điểm kinh tế xã hội của huyện ba chẽ.....	44
1.1. Địa lý tự nhiên.....	44
1.2. Đặc điểm kinh tế, văn hoá, xã hội.....	44
1.3. Thực trạng nghèo ở huyện Ba Chẽ.....	45
2. Đánh giá thực trạng thực thi chính sách giảm nghèo bền vững ở huyện ba chẽ.....	49

2.1. Khái quát một số nội dung chính sách giảm nghèo bền vững ở huyện Ba Chẽ.....	49
2.2. Kết quả thực thi chính sách giảm nghèo bền vững ở huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh	60
2.3. Đánh giá kết quả thực thi chính sách giảm nghèo bền vững ở huyện Ba Chẽ	70
2.3.1. Kết quả thực thi chính sách giảm nghèo bền vững tại huyện Ba Chẽ	70
2.3.2. Phân tích Hạn chế và nguyên nhân ảnh hưởng đến thực trạng thực thi chính sách giảm nghèo.....	73
Tiểu kết chương 2.....	82
CHƯƠNG 3 GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN THỰC THI CHÍNH SÁCH ..	83
HỖ TRỢ NÔNG DÂN GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN BA CHẼ, TỈNH QUẢNG NINH	83
1. Hoàn thiện nội dung chính sách dựa trên các nội dung chuẩn nghèo mới	83
2. Đổi mới hình thức và nội dung tuyên truyền và phổ biến chính sách giảm nghèo bền vững phù hợp với đối tượng thụ hưởng.....	86
3. củng cố tổ chức bộ máy và nâng cao năng lực cán bộ thực thi chính sách giảm nghèo bền vững.....	87
3.1. Củng cố tổ chức bộ máy.....	87
3.2. Nâng cao năng lực cho các chủ thể thực thi chính sách giảm nghèo bền vững.....	88
4. Tập trung huy động và phân bổ nguồn lực cho thực thi chính sách giảm nghèo	90
5. Tăng cường giám sát và đánh giá, hoàn thiện thực thi chính sách giảm nghèo bền vững.....	91
6. Mục tiêu, nội dung và điều kiện thực hiện các giải pháp:.....	92

6.1. Mục tiêu cụ thể:	92
6.2. Nội dung và điều kiện thực hiện các giải pháp:	93
Tiểu kết chương 3	95
KẾT LUẬN	96
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	98
PHỤ LỤC	ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

DTTS	:	Dân tộc thiểu số
HĐND	:	Hội đồng nhân dân
KT-XH	:	Kinh tế - xã hội
MTQG	:	Mục tiêu quốc gia
UBND	:	Ủy ban nhân dân
XĐGN	:	Xoá đói giảm nghèo
CSXH	:	Chính sách xã hội
BHYT	:	Bảo hiểm y tế
UV BTV	:	Ủy viên Ban thường vụ
PBT	:	Phó Bí thư

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1. Biểu số liệu hộ nghèo năm 2020	46
Bảng 2.2. Bảng so sánh số hộ nghèo và tỷ lệ hộ nghèo qua các năm.....	47
Bảng 2.3. Bảng số liệu hộ nghèo năm 2017	49
Bảng 2.4. Bảng số liệu thực hiện chương trình đào tạo nghề, giải quyết việc làm từ năm 2015 đến năm 2025	50
Bảng 2.5. Bảng số liệu Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020	55

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Từ khi xuất hiện đến nay, xã hội vẫn luôn tồn tại tình trạng nghèo đói, đây là một hiện tượng phổ biến và gây ra nhiều vấn đề khác như: bất bình đẳng, phân biệt đối xử, tội phạm, thất học...Đói nghèo ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống và sự phát triển của toàn xã hội. Ở Việt Nam những năm cuối thập kỷ 1980 trở về trước, hầu hết người dân Việt Nam khi đó hẳn là sống ở mức dưới chuẩn nghèo quốc tế (1,25 đô-la một ngày). Tình trạng nghèo đói sẽ không tự thay đổi, cải thiện và biến mất lâu dài nếu thiếu những chính sách hiệu quả về xóa đói, giảm nghèo bền vững. Thời gian qua, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm và dành nhiều nguồn lực ưu tiên cho công tác giảm nghèo bền vững thông qua hệ thống các chính sách hướng tới người nghèo, người cận nghèo, các đối tượng bảo trợ xã hội...Có thể thấy, thành tựu giảm nghèo bền vững, ngăn nguy cơ tái nghèo đã góp phần tăng trưởng kinh tế và thực hiện công bằng xã hội. Tại huyện Ba Chẽ tỉnh Quảng Ninh, thời điểm năm 2015, huyện có 34,7% hộ nghèo, 16,4% hộ cận nghèo, thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn thấp (17,5 triệu đồng). Theo chủ trương chung của Đảng và Nhà nước về thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, Ba Chẽ đã và đang triển khai thực hiện Đề án *“Hoàn thiện thực thi chính sách hỗ trợ nông dân giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2020 - 2024”*. Lãnh đạo tỉnh Quảng Ninh đã chỉ đạo, triển khai các chính sách, ưu tiên tập trung nguồn lực đầu tư từ ngân sách tỉnh cho huyện Ba Chẽ xây dựng các công trình hạ tầng thiết yếu; Triển khai đồng bộ các chính sách giảm nghèo: Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi (Chương trình 135), chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở, chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn... triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp giảm nghèo, đào tạo nghề, giải quyết việc

làm; triển khai nhiều nội dung hỗ trợ người dân tiếp cận các nguồn vốn vay, chính sách an sinh xã hội; vận động hướng dẫn nhân dân áp dụng tiến bộ, khoa học kỹ thuật vào các mô hình phát triển sản xuất; vận động người dân đi lao động tại các khu sản xuất, các khu, cụm công nghiệp trong và ngoài huyện. Trong năm 2024 phát sinh 11 hộ cận nghèo (từ hộ nghèo xuống cận nghèo), do vậy đến nay hộ cận nghèo còn 62/5.718 hộ, chiếm tỷ lệ 1,08%.

Đến nay trên địa bàn huyện không còn hộ nghèo tuy nhiên xuất phát từ việc tồn tại một số bộ phận các hộ dân không muốn thoát nghèo; tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước và cộng đồng xã hội hỗ trợ đã ăn sâu vào tiềm thức của người dân do vậy sau khi giảm nghèo, vẫn tiếp diễn nguy cơ tái nghèo. Có thể thấy, mức hỗ trợ tín dụng đối với đối tượng nghèo còn thấp, chưa thực sự là yếu tố giữ vai trò thúc đẩy quá trình tự vươn lên để thoát nghèo của người dân. Mức tín dụng theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP về “*Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn*” chưa đáp ứng nhu cầu về vốn của những hộ sản xuất nông nghiệp trong phát triển kinh tế và xóa đói, giảm nghèo bền vững. Để thực hiện tốt công tác giảm nghèo bền vững, không còn tỷ lệ tái nghèo trên địa bàn huyện Ba Chẽ. Việc nghiên cứu, đánh giá và nhằm tháo gỡ khó khăn, đề xuất giải pháp mang tính bền vững nhằm thực hiện có hiệu quả chính sách giảm nghèo bền vững trong thời gian tới là vấn đề vừa có ý nghĩa lý luận, vừa có ý nghĩa thực tiễn. Đây là vấn đề thực tiễn đặt ra đòi hỏi phải có các giải pháp hoàn thiện, đồng bộ trong triển khai chính sách hỗ trợ nông dân huyện giảm nghèo bền vững, lâu dài. Xuất phát từ thực tế yêu cầu trên, tác giả chọn nghiên cứu đề tài “*Hoàn thiện thực thi chính sách hỗ trợ nông dân giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh*” để làm Đề án tốt nghiệp Thạc sỹ chuyên ngành Quản lý kinh tế.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Trong những năm qua đã có nhiều đề tài nghiên cứu liên quan đến các chính sách giảm nghèo bền vững. Từ trước năm 2000 “Giảm nghèo bền vững” đã được một số nghiên cứu đề cập, đến năm 2008 cụm từ “Giảm nghèo bền vững” mới được sử dụng chính thức trong văn bản hành chính ở Việt Nam tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ “*Về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo*”; Nghị quyết 80/NQ-CP của Chính phủ “*Về định hướng giảm nghèo bền vững giai đoạn 2011-2020*”; Quyết định 1489/QĐ-TTg ngày 8/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2011 - 2016; Nghị quyết số 13/2011/QH13 ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Quốc hội khóa XIII về Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2011 - 2011; Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ về Định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020; Quyết định số 135/2009/QĐ-TTg ngày 04 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; Quyết định số 2406/QĐ-TTg ngày 18 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2011 - 2016.

Theo nghiên cứu của Trần Đình Thiên - Viện trưởng Viện Kinh tế Việt Nam về giảm nghèo bền vững: Không thể giúp người nghèo bằng cách tặng nhà, tặng phương tiện sống... Đây là cách giảm nghèo, xóa nghèo nhanh nhưng chỉ tức thời, không bền vững. Muốn giảm nghèo, xóa nghèo bền vững thì Nhà nước, cơ quan chức năng cần phải cấp cho người nghèo một phương thức phát triển mới mà tự họ không thể tiếp cận và duy trì. Bên cạnh đó là sự hỗ trợ, ngăn ngừa, loại trừ các yếu tố gây rủi ro chứ không chỉ là sự nỗ lực

khắc phục hậu quả sau rủi ro. Đặc biệt, sự hỗ trợ giảm nghèo này phải được xác lập trên nguyên tắc ưu tiên cho các vùng có khả năng, điều kiện thoát nghèo nhanh và có thể lan tỏa sang các vùng lân cận [22].

Đề tài luận văn Thạc sĩ quản lý kinh tế “*Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Hà Giang*” của Phạm Ngọc Dũng (2011) nghiên cứu “Giảm nghèo bền vững là tình trạng đạt được mức thỏa mãn những nhu cầu cơ bản/mức sống/mức thu nhập cao hơn mức chuẩn (nghèo) và duy trì được mức thỏa mãn những nhu cầu cơ bản/mức sống/mức thu nhập trên mức chuẩn đó” [7].

Các công trình nghiên cứu trên, mỗi tác giả nghiên cứu về một vấn đề liên quan đến Giảm nghèo bền vững ở một khía cạnh cụ thể. Ngoài ra, còn có một số bài báo, công trình nghiên cứu, luận án, luận văn khác, với các cách tiếp cận khác nhau trong việc nghiên cứu, đánh giá, phân tích các chính sách hỗ trợ nông dân giảm nghèo bền vững cũng đã đề cập đến những vấn đề có liên quan đến nội dung nghiên cứu của đề tài. Các công trình đã nghiên cứu về chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững thường tập trung vào các nội dung hỗ trợ giảm nghèo, hỗ trợ thoát nghèo cho nông dân, hạn chế khả năng tái nghèo, tiến tới giảm nghèo bền vững. Nghiên cứu, đánh giá và đề xuất những giải pháp hoàn thiện các chính sách hỗ trợ cho các cơ quan, ban ngành phụ trách hoạt động an sinh xã hội có những quyết định đúng đắn và kịp thời đưa ra những chính sách hỗ trợ hiệu quả, nâng cao khả năng giảm nghèo bền vững cho nông dân. Tuy nhiên, chưa có một công trình nào đi sâu nghiên cứu việc hoàn thiện thực thi chính sách giảm nghèo bền vững cho nông dân trên địa bàn huyện Ba Chẽ tỉnh Quảng Ninh. Vì vậy, đề tài của tác giả không trùng lặp với các công trình nghiên cứu trước đó.

3. Mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục tiêu chung:

Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng thực thi chính sách hỗ trợ nông

dân giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Ba Chẽ tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2015 - 2024. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện thực thi chính sách hỗ trợ giảm nghèo hướng tới mục tiêu giảm nghèo bền vững cho nông dân huyện Ba Chẽ, góp phần nâng cao hiệu quả việc thực thi chính sách hỗ trợ nông dân giảm nghèo bền vững tại huyện Ba Chẽ nói riêng và tại tỉnh Quảng Ninh nói chung trong những năm tiếp theo.

3.2. Mục tiêu cụ thể

- Góp phần hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về thực thi chính sách hỗ trợ nông dân giảm nghèo bền vững.
- Phân tích, đánh giá thực trạng và xác định các nhân tố ảnh hưởng thực thi chính sách hỗ trợ nông dân giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Ba Chẽ.
- Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện thực thi chính sách hỗ trợ nông dân giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Ba Chẽ trong những năm tới.

4. Đối tượng, phạm vi và nội dung nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu:

Hoàn thiện thực thi chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững của Nhà nước trên địa bàn huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh.

4.2. Phạm vi nghiên cứu:

- *Về nội dung nghiên cứu:* Thực trạng thực thi chính sách hỗ trợ nông dân giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh.
- *Về không gian nghiên cứu:* được giới hạn trong huyện Ba Chẽ tỉnh Quảng Ninh.
- *Về thời gian nghiên cứu:* từ năm 2015 đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

a) Dữ liệu sơ cấp

Tác giả tiến hành thu thập dữ liệu sơ cấp thông qua phát phiếu điều tra khảo sát, bảng hỏi và phỏng vấn sâu cụ thể như sau:

- Nhóm các hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn huyện Ba Chẽ: họ là những đối tượng được thụ hưởng các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững do đó họ có đánh giá khách quan về công tác thực thi chính sách.

- Nhóm các cán bộ của các ban ngành, đoàn thể phối hợp thực hiện thực thi chính sách: là những người cùng tổ chức, thực hiện, triển khai chính sách, qua đó đánh giá chất lượng, hiệu quả của chính sách.

- Nhóm các cán bộ và nhân viên của Ủy ban nhân dân huyện Ba Chẽ: họ là những người trực tiếp tham gia trong quá trình thực thi chính sách từ khâu tổng hợp các đối tượng được hưởng chính sách, thực hiện duyệt hồ sơ thụ hưởng, hỗ trợ nông dân trong công tác giảm nghèo bền vững do vậy họ có thể giúp ta đánh giá toàn bộ các khâu trong quá trình thực thi chính sách. Hơn nữa cá nhân họ cũng tự nhìn nhận đánh giá lại toàn bộ quá trình thực thi của mình.

b) Dữ liệu thứ cấp

Tác giả tiến hành thu thập dữ liệu thứ cấp thông qua các nguồn sau:

- Từ các tài liệu, công trình nghiên cứu, luận văn, bài báo khoa học, hội thảo, kỷ yếu trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài của Đề án.

- Từ các thông tin công bố chính thức của các cơ quan nhà nước, các nghiên cứu của cá nhân, tổ chức về thực thi chính sách giảm nghèo bền vững.

- Số liệu do Ủy ban nhân dân huyện Ba Chẽ cung cấp.

- Ngoài ra, tác giả còn thu thập số liệu thông qua website chính thống.

5.2. Phương pháp dự kiến phân tích số liệu/thông tin

Tác giả sử dụng một số phương pháp chủ yếu như sau:

a) Phương pháp thống kê mô tả

Phương pháp thống kê được tác giả sử dụng với mục đích mô tả, phân tích các số liệu liên quan đến thực thi chính sách giảm nghèo bền vững thông qua hệ

thống bảng biểu (về số hộ nghèo, tỷ lệ hộ nghèo, tổng số nhân khẩu nghèo, v.v..) nhằm phản ánh chân thực và chính xác đối tượng nghiên cứu. Ngoài ra, luận văn còn tập trung thống kê các thiếu hụt mà người nghèo đang gặp phải, thống kê các nguồn lực đầu tư, các tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình thực hiện chính sách giảm nghèo..., trên cơ sở đó làm rõ hơn thực trạng về vấn đề nghèo và thực thi chính sách giảm nghèo bền vững ở huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh.

- Phân tổ thống kê: Phương pháp này được sử dụng tương đối phổ biến trong luận văn của tác giả. Các phương pháp phân tổ cụ thể được sử dụng bao gồm:

- + Phân tổ phân loại: Số lượng hộ nghèo trên từng xã
- + Phân tổ kết cấu: được sử dụng để tìm hiểu về các dự án đầu tư được triển khai tại huyện.

- Bảng thống kê: Bảng thống kê được sử dụng trong nghiên cứu này và có vai trò quan trọng trong việc phân tích thống kê. Các dữ liệu đã thu thập được sắp xếp khoa học trong bảng thống kê có thể giúp so sánh, đối chiếu, phân tích theo nhiều phương pháp khác nhau nhằm đánh giá tình hình. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện việc thực thi chính sách hỗ trợ nông dân giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh. Các loại bảng được sử dụng trong nghiên cứu này bao gồm cả bảng giản đơn, bảng phân tổ và bảng kết hợp.

b) Phương pháp so sánh

Phương pháp so sánh được dùng để đối chiếu các chỉ tiêu, các nguồn vốn tín dụng, nguồn vốn hỗ trợ nông dân vay đã được lượng hóa cùng nội dung và tính chất tương tự nhau thông qua tính toán các tỷ số, so sánh thông tin từ các nguồn khác nhau, so sánh theo thời gian, so sánh theo không gian để có được những nhận xét xác đáng về vấn đề nghiên cứu.

c) Phương pháp phân tích tỷ lệ

Trong phân tích tài chính, thì phương pháp phân tích tỷ lệ được sử dụng phổ biến vì có tính hiện thực cao với các điều kiện áp dụng ngày càng được bổ sung và hoàn thiện. Trong khuôn khổ của đề tài, tỷ lệ phần trăm của các nội dung liên quan tới công tác quản lý dự án đầu tư được sử dụng.

d) Phương pháp phỏng vấn và bảng hỏi

Phương pháp phỏng vấn được sử dụng nhằm mục đích thu thập thông tin một cách trực tiếp từ các đối tượng chịu tác động bởi chính sách, đặc biệt là hộ nghèo và người nghèo. Đối tượng phỏng vấn được tác giả lựa chọn ngẫu nhiên từ danh sách các hộ nghèo trên địa bàn huyện với số lượng là 105 hộ gia đình. Bên cạnh đó, tác giả cũng lựa chọn có chủ đích các cán bộ từ phía các cơ quan nhà nước, các tổ chức CT-XH mà chức năng, hoạt động của họ liên quan chặt chẽ với việc thực thi chính sách, bao gồm: phòng Lao động - Xã hội, Hội Nông dân, Đoàn thanh niên.

Các câu hỏi chính được sử dụng trong quá trình phỏng vấn liên quan đến những nội dung chủ yếu sau: Nhận thức của người nghèo, hộ nghèo đối với chính sách giảm nghèo bền vững đang được triển khai ở địa phương? Các dịch vụ mà người nghèo, hộ nghèo được tiếp cận từ việc thực hiện dự án? sự hài lòng hay không hài lòng của họ đối với các dịch vụ mà họ được hưởng từ chính sách? Những kết quả đạt được từ việc thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững đã đem lại cho các đối tượng thụ hưởng, các đối tượng liên quan như thế nào? ...

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề án

Về mặt lý luận: Đề án đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận chung về công tác thực thi chính sách hỗ trợ nông dân giảm nghèo bền vững, các nhân tố ảnh hưởng tới thực thi chính sách hỗ trợ nông dân giảm nghèo bền vững. Do vậy, kết quả nghiên cứu sẽ có những đóng góp nhất định vào việc hoàn thiện khung lý thuyết về thực thi chính sách hỗ trợ nông dân giảm nghèo bền vững.

Về mặt thực tiễn: Đề tài “Hoàn thiện chính sách hỗ trợ nông dân giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh” là một đề tài còn mới tại huyện Ba Chẽ, trước đây chưa có đề tài nghiên cứu về lĩnh vực hoàn thiện chính sách giảm nghèo bền vững cho huyện Ba Chẽ.

Các kết quả nghiên cứu giúp cho các huyện và các Sở, ban ngành của tỉnh có cơ sở trong việc hoạch định chính sách có liên quan đến hỗ trợ nông dân giảm nghèo bền vững cho các huyện trong tỉnh Quảng Ninh.

Ngoài ra, đề tài này có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho các huyện khác trên địa bàn huyện và các cá nhân có quan tâm.

7. Cấu trúc của Luận văn

Luận văn gồm phần mở đầu, kết luận, mục lục, tài liệu tham khảo, phụ lục; luận văn có 3 chương:

Chương 1. Cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn về thực thi chính sách giảm nghèo bền vững

Chương 2. Thực trạng thực thi chính sách giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh

Chương 3. Quan điểm và giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi chính sách giảm nghèo bền vững trong thời gian tiếp theo trên địa bàn huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ THỰC THI CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG

1. Cơ sở lý luận về thực thi chính sách giảm nghèo bền vững

1.1. *Khái niệm về giảm nghèo bền vững*

Theo quan điểm, tiếp cận mới về nghèo đa chiều, giảm nghèo bền vững là giảm nghèo sao cho những người nghèo có được nguồn thu nhập ổn định và các cơ hội có thể vươn lên thoát khỏi tình trạng nghèo và ổn định cuộc sống một cách lâu dài.

Từ trước năm 2000 “Giảm nghèo bền vững” đã được một số nghiên cứu đề cập đến năm 2008 cụm từ “Giảm nghèo bền vững” mới được sử dụng chính thức trong văn bản hành chính ở Việt Nam tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ “Về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo”; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 đã đưa ra mục tiêu tổng quát giảm nghèo đa chiều có tính bao trùm hướng tới sự bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống. Phần đầu tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều duy trì mức giảm 1-1,5%/năm; tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm trên 3%/năm; 30% huyện nghèo, 30% xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn; tỷ lệ hộ nghèo ở các huyện nghèo giảm từ 4-5%/năm. Đặc biệt, từ ngày 1-1-2022 đến ngày 31-12-2025, chuẩn nghèo mới với mức thu nhập cao hơn và chú ý đến nhiều chiều hơn được áp dụng. Theo đó, tiêu chí về thu nhập được nâng lên, ở khu vực nông thôn là 1,5 triệu đồng/người/tháng và khu vực thành thị 2 triệu đồng/người/tháng. Tăng chiều tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản: từ 5 chiều lên 6

chiều, bổ sung chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm; sửa đổi, bổ sung các chỉ số đo lường các chiều thiếu hụt về y tế, dinh dưỡng, giáo dục, đào tạo, nhà ở, nước sạch, vệ sinh, thông tin và người phụ thuộc trong hộ gia đình... Cùng với đó, cách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 cũng đã chuyển từ đầu tư giảm nghèo theo diện rộng sang đầu tư giảm nghèo theo chiều sâu, tập trung triển khai đồng bộ các dự án bảo đảm 3 yếu tố: đa chiều, bao trùm và bền vững. Theo đó, chương trình thực hiện chiến lược tập trung đầu tư trực tiếp vào con người, nâng cao năng lực người nghèo; xác định rõ nguyên nhân nghèo để giải quyết căn cơ, triệt để những vấn đề của người nghèo, vùng lõi nghèo. Do đó, tính đến thời điểm này vẫn chưa có một định nghĩa hay khái niệm chính thức về “giảm nghèo bền vững”.

Tác giả đề án đồng ý với các quan niệm trên về giảm nghèo bền vững và theo quan điểm cá nhân của tác giả: Giảm nghèo bền vững là làm cho bộ phận dân cư nghèo nâng cao mức sống về vật chất và tinh thần, đảm bảo thỏa mãn các nhu cầu cơ bản của con người (trên chuẩn nghèo) một cách ổn định lâu dài và không còn nguy cơ tái nghèo.

1.2. Khái niệm về chính sách giảm nghèo bền vững

Chính sách giảm nghèo bền vững là tập hợp các quyết định của Chính phủ nhằm đưa ra các giải pháp, công cụ chính sách để giải quyết các vấn đề về cải thiện đời sống vật chất và tinh thần đối với người nghèo, góp phần thu hẹp khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng, các dân tộc và các nhóm dân cư, thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của đất nước.

Giảm nghèo bền vững là một trong những vấn đề đòi hỏi sự quan tâm tích cực và chủ động từ phía Nhà nước, bởi nó tác động, ảnh hưởng rất lớn đến sự ổn định và phát triển bền vững của một quốc gia. Xóa đói giảm nghèo chính là một trong 8 trụ cột của mục tiêu phát triển thiên nhiên kỷ đã được

189 quốc gia phê chuẩn và là một trong 10 vấn đề của phát triển xã hội đã được thông qua tại Hội nghị thượng đỉnh về phát triển xã hội tại Copenhagen tháng 5 năm 1995. Mục đích gián tiếp của chính sách là nhằm đảm bảo an sinh, phúc lợi, công bằng xã hội, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, tạo sự bình đẳng về quyền, lợi ích và sự ổn định về chính trị.

Như vậy, có thể thấy giảm nghèo bền vững chính là một trong những vấn đề xã hội được các quốc gia đặt vào vị trí ưu tiên hàng đầu và là một trong những chính sách quan trọng trong hệ thống chính sách an sinh xã hội của các quốc gia trên thế giới. Để thực hiện mục tiêu này, chính sách giảm nghèo bền vững phải là một chính sách quan trọng trong hệ thống chính sách xã hội. Vì vậy, chính sách giảm nghèo bền vững chính là một chính sách quan trọng, gắn bó mật thiết và là nền tảng để thực hiện có hiệu quả các chính sách xã hội nói riêng và chính sách công nói chung.

** Vai trò của Chính sách giảm nghèo bền vững*

Chính sách giảm nghèo bền vững luôn được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước ta và đóng một vai trò hết sức quan trọng trong việc ổn định chính trị, xã hội. Kết quả thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững giúp cho người nghèo có được cuộc sống, bao gồm cả về văn hóa, tinh thần và vật chất tối thiểu cùng các cơ hội vươn lên. Về phương diện quản lý phát triển xã hội, sự bền vững về thoát nghèo, giảm nghèo giúp xã hội phát triển ổn định, lành mạnh và bền vững hơn. Ở nước ta, tỷ lệ giảm nghèo bền vững là 1 trong số 30 chỉ tiêu phát triển bền vững giai đoạn 2011 - 2030.

** Mục đích và ý nghĩa của chính sách giảm nghèo bền vững*

Mục đích của chính sách giảm nghèo bền vững là đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo, hạn chế tái nghèo, củng cố thành quả giảm nghèo, tạo cơ hội cho hộ đã thoát nghèo vươn lên khá giả; cải thiện một bước điều kiện sống và sản xuất ở các xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn; nâng cao chất lượng cuộc sống của nhóm hộ nghèo, hạn chế tốc độ gia tăng khoảng cách chênh lệch về thu nhập, mức

sống giữa thành thị và nông thôn, giữa đồng bằng và miền núi, giữa nhóm hộ giàu và nhóm hộ nghèo.

Việc thực hiện các chính sách giảm nghèo bền vững có ý nghĩa sâu sắc, làm cho người nghèo được hỗ trợ, cải thiện một bước về điều kiện sống, tiếp cận tốt hơn các chính sách và nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng cho phát triển kinh tế, tạo việc làm và tăng thu nhập; đáp ứng một số nhu cầu thiết yếu của người nghèo (về nhà ở, nước sinh hoạt, khám chữa bệnh, học tập...). Về lâu dài, chính sách giảm nghèo có tác động giúp người nghèo có được cơ hội tự vươn lên, tạo thu nhập ổn định để phát triển, vượt qua tình trạng nghèo, tự giải quyết những nhu cầu thiết yếu của gia đình và bản thân. Việc thực hiện có hiệu quả chính sách giảm nghèo bền vững sẽ góp phần quan trọng trong việc giữ vững ổn định chính trị và phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao vị thế của Việt Nam trong cộng đồng quốc tế. Đồng thời, việc thực hiện chính sách còn có giá trị nhân văn sâu sắc, là nét đẹp văn hóa của người dân Việt Nam; góp phần khơi dậy, phát huy truyền thống tốt đẹp về lòng nhân ái, phát huy được sức mạnh nội lực hướng thiện của cộng đồng, của cơ quan, các đoàn thể chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, các tôn giáo, các doanh nghiệp, các cá nhân; tạo sự đồng thuận, đồng lòng, chung sức của cả xã hội.

1.3. Khái niệm về thực thi chính sách giảm nghèo bền vững

Thực thi chính sách giảm nghèo bền vững là khâu quan trọng trong chu trình chính sách công nói chung, chính sách xóa đói giảm nghèo nói riêng. Thực thi chính sách giảm nghèo bền vững: Là quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nhằm cụ thể hóa các chính sách của Nhà nước về giảm nghèo bền vững vào thực tiễn đời sống xã hội, nhằm đạt được mục tiêu đã xác định. Việc thực thi chính sách giảm nghèo bền vững ở nước ta tập trung chủ yếu vào các nội dung: nâng cao dân đời sống vật chất và tinh thần cho

người nghèo; tạo điều kiện cho người nghèo thoát nghèo và vươn lên làm giàu bằng những chính sách hỗ trợ, ưu đãi trên nhiều mặt; xây dựng cơ sở hạ tầng cho các xã nghèo, vùng nghèo; xây dựng nền giáo dục công bằng, chất lượng và tạo điều kiện thuận lợi cho người nghèo tiếp cận với nền giáo dục này; nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, tăng khả năng tiếp cận và giảm gánh nặng chi phí y tế cho người nghèo; bảo vệ môi trường và duy trì cuộc sống trong lành cho người nghèo; tạo điều kiện về hạ tầng xã hội và năng lực sản xuất để các vùng phát triển, giảm chênh lệch giữa các vùng về mặt xã hội; phát triển mạng lưới an sinh xã hội, trợ giúp cho các đối tượng yếu thế và người nghèo.

Qua thực tiễn cho thấy, khi thực hiện chính sách giảm nghèo, một số khó khăn, thách thức thường gặp phải là:

- Khả năng những người thực thi chính sách không nắm bắt đúng mục đích, nhu cầu, lợi ích của nhân dân hoặc họ có thể vì lợi ích riêng mà vượt quyền, lạm quyền làm tổn hại đến mục tiêu chung. Do vậy, nếu không có được sự kiểm soát quyền lực tốt đối với hệ thống các cơ quan nhà nước - một trong những chủ thể thực hiện chính sách trong thực hiện chính sách giảm nghèo, thì quá trình này sẽ dễ đưa tới tình trạng quyền lực bị phân tán, quan liêu, tham nhũng... Dẫn đến việc thực hiện chính sách kém hiệu quả.

- Để thực hiện tốt được chính sách giảm nghèo bền vững cần phải có đủ nguồn lực cơ bản về vốn, người lao động, khoa học công nghệ và tài nguyên thiên nhiên. Nếu thiếu một trong những nguồn lực này việc thực hiện chính sách sẽ kém hiệu quả gây tổn thất cho xã hội.

- Một yếu tố không thể thiếu trong khâu thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững là cần phải có một cơ quan chuyên môn thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực giảm nghèo. Cơ quan chuyên môn này được phân cấp, phân quyền trong việc hoạch định, thực hiện, kiểm tra và giám sát

quá trình thực hiện chính sách, đảm bảo cho chính sách được thực hiện tốt và đem lại hiệu quả cao nhất.

- Muốn chính sách giảm nghèo bền vững được thực hiện một cách hiệu quả nhất cần phải có sự đồng thuận của người dân tại nơi thực hiện chính sách, đặc biệt là những người nghèo tại vùng, địa phương đó. Muốn có được điều này thì những người thực hiện chính sách phải có những hiểu biết cần thiết về phong tục, tập quán, lối sống của người dân đồng thời có những cách làm sáng tạo giúp người dân thoát nghèo; bên cạnh đó cán bộ thực hiện chính sách giảm nghèo cần tạo được niềm tin của người dân tại địa phương để người dân tin tưởng và chính sách mà Nhà nước đưa ra.

1.4. Các bước cơ bản trong thực thi chính sách giảm nghèo bền vững

Thực hiện chính sách công là giai đoạn có ý nghĩa quyết định đối với việc thành công hay thất bại của một chính sách. Thông thường việc thực hiện chính sách cần phải tuân thủ 05 bước cơ bản sau đây:

1.4.1. Xây dựng kế hoạch tổ chức thực thi chính sách giảm nghèo bền vững

Kế hoạch triển khai thực thi chính sách công được xây dựng trước khi đưa chính sách vào cuộc sống. Các cơ quan triển khai thực thi chính sách giảm nghèo bền vững từ trung ương đến địa phương đều phải xây dựng kế hoạch, chương trình thực hiện. Kế hoạch triển khai thực thi chính sách bao gồm những nội dung cơ bản sau:

- Kế hoạch tổ chức, điều hành. Kế hoạch này bao gồm những dự kiến về:
 - + Hệ thống tất cả các chủ thể, cơ quan chủ trì và phối hợp triển khai thực hiện chính sách.
 - + Số lượng và chất lượng nguồn nhân lực để tham gia thực thi chính sách.
 - + Những dự kiến về cơ chế trách nhiệm của cán bộ quản lý và công chức thực thi.

- + Cơ chế tác động giữa các cấp thực thi chính sách giảm nghèo bền vững.
 - Kế hoạch dự kiến các nguồn lực thực thi chính sách giảm nghèo bền vững. Kế hoạch này gồm:
 - + Dự kiến về các cơ sở vật chất, điều kiện trang thiết bị kỹ thuật phục vụ cho tổ chức thực thi chính sách.
 - + Dự kiến về các nguồn lực từ phía nhà nước được sử dụng để thực thi chính sách.
 - + Dự kiến các nguồn lực có thể huy động từ phía xã hội cho việc thực thi chính sách.
 - + Dự kiến các nguồn lực từ các quốc gia, các quỹ của các tổ chức quốc tế hỗ trợ cho việc thực hiện chính sách.
 - Kế hoạch thời gian triển khai thực hiện: là dự kiến về thời gian duy trì chính sách; dự kiến các bước tổ chức triển khai thực hiện từ tuyên truyền chính sách đến tổng kết rút kinh nghiệm. Mỗi bước đều có mục tiêu cần đạt được và thời gian dự kiến cho việc thực hiện mục tiêu. Có thể dự kiến mỗi bước cho phù hợp với một chương trình cụ thể của chính sách.
 - Kế hoạch kiểm tra, đôn đốc thực thi chính sách giảm nghèo bền vững. Các nội dung chính của bước này bao gồm:
 - + Dự kiến về tiến độ, hình thức, phương thức kiểm tra giám sát tổ chức thực thi chính sách.
 - + Dự kiến những nội quy, quy chế về tổ chức, điều hành hệ thống tham gia thực thi chính sách.
 - + Dự kiến về trách nhiệm, nhiệm vụ, và quyền hạn của cán bộ, công chức và các cơ quan nhà nước tham gia tổ chức điều hành chính sách.
 - + Dự kiến về các biện pháp khen thưởng, kỷ luật cá nhân, tập thể trong thực thi chính sách v.v...
- Dự kiến kế hoạch thực thi ở cấp nào do lãnh đạo cấp đó xem thông qua. Sau khi được quyết định thông qua, kế hoạch thực thi chính sách mang giá trị

pháp lý, được mọi người chấp hành thực hiện. Việc điều chỉnh kế hoạch cũng do cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch quyết định.

1.4.2. Tuyên truyền, phổ biến chính sách giảm nghèo bền vững đến người dân

Tuyên truyền, phổ biến chính sách giảm nghèo đến người dân là một khâu quan trọng trong quá trình triển khai thực hiện chính sách bởi nó góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo và để cho những người nghèo - đối tượng thụ hưởng chính sách nắm vững được quyền và nghĩa vụ của mình, từ đó khơi dậy tinh thần tự lực vươn lên thoát nghèo và huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững. Hiện nay, chính sách giảm nghèo bền vững có đối tượng hướng đến chính là những hộ nghèo, người nghèo. Họ là những người có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế kéo theo sự hạn chế trong tiếp cận thông tin, các dịch vụ truyền thông văn hóa. Do đó, việc tuyên truyền, phổ biến chính sách giảm nghèo bền vững đến những người nghèo càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Trong khi tuyên truyền phải sử dụng nhiều hình thức như tiếp xúc trực tiếp, gián tiếp trao đổi, thông qua báo, đài và nhiều hình thức khác để người dân tại địa phương, đặc biệt là người nghèo hiểu được tầm quan trọng của thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững và xem đó là trách nhiệm và nghĩa vụ của bản thân mình chứ không phải trách nhiệm của Đảng, Nhà nước, hệ thống chính trị hay của các tổ chức xã hội khác. Để việc tuyên truyền có hiệu quả, cần phải xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền có trình độ chuyên môn cao, phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức tốt, có niềm tin vào việc thực hiện chính sách và có sự hiểu biết về văn hóa, phong tục tập quán tại địa phương nơi thực hiện chính sách. Đặc biệt việc tuyên truyền phổ biến chính sách đến với đồng bào người dân tộc vùng sâu, vùng xa càng khó khăn hơn nên đòi hỏi càng phải có quyết tâm cao.

1.4.3. Phân công, phối hợp thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững

Một chính sách thường được thực hiện trên một địa bàn rộng lớn và có

nhiều chủ thể tham gia, do đó phải có sự phối hợp, phân công hợp lý để hoàn thành tốt nhiệm vụ. Các đơn vị cùng phối hợp để triển khai chính sách một cách chủ động, khoa học, sáng tạo thì sẽ đạt hiệu quả cao và duy trì ổn định.

Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020 đã quy định rõ từng bộ, ngành có trách nhiệm phối hợp đề xuất các chính sách; hướng dẫn thực hiện; kiểm tra đánh giá về lĩnh vực mình phụ trách đối với công tác giảm nghèo. Bộ Lao động Thương binh và Xã hội vừa là cơ quan thường trực Ban chỉ đạo giảm nghèo vừa phải thực hiện một số chính sách đối với người nghèo theo lĩnh vực Bộ đảm nhiệm (dạy nghề, tạo việc làm, xuất khẩu lao động). Đồng thời, các bộ, ngành sẽ cử các cán bộ tham gia Ban chỉ đạo tại Trung ương. Tại cấp tỉnh, các Sở Lao động Thương binh và Xã hội giữ chức năng thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với giảm nghèo. Tại cấp huyện là Phòng Lao động Thương binh và Xã hội, cấp xã là các công chức phụ trách lĩnh vực văn hóa - xã hội. Việc phân công, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững ở nước ta được quy định cụ thể như sau:

- Bộ Lao động Thương binh và Xã hội là cơ quan thường trực các Chương trình giảm nghèo, chủ trì, phối hợp với các Bộ liên quan tổ chức thực hiện, theo dõi, đánh giá hiệu quả của Chương trình, giúp Ban chỉ đạo Trung ương chỉ đạo thực hiện chương trình; chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng kế hoạch 5 năm và hàng năm về mục tiêu, giải pháp và nhu cầu kinh phí thực hiện chương trình báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Đôn đốc, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chính sách giảm nghèo của các Bộ, ngành trung ương, kết quả thực hiện Chương trình ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Chủ trì thực hiện các dự án: nhân rộng mô hình giảm nghèo; nâng cao năng lực và truyền thông giảm nghèo; hoạt động giám sát, đánh giá và tiêu dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các huyện nghèo, xã

ven biển và hải đảo...

- Ủy ban Dân tộc chủ trì, chỉ đạo hướng dẫn triển khai tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số; phối hợp với các bộ, ngành liên quan thực hiện các chính sách giảm nghèo liên quan đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Bộ Kế hoạch và đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ tài chính, Bộ Lao động - Thương binh, xã hội và với Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình giảm nghèo thành lập các tổ công tác liên ngành thẩm tra các đề án của huyện nghèo; nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật về đầu tư, đấu thầu phù hợp với đặc thù và năng lực tổ chức thực hiện ở các huyện nghèo; cân đối, phân bổ vốn sự nghiệp cho các huyện nghèo; nghiên cứu, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan sửa đổi cơ chế tài chính phù hợp với tình hình đặc thù và năng lực tổ chức thực hiện ở các huyện nghèo.

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với Bộ tài chính và các Bộ liên quan trình, ban hành chính sách tín dụng ưu đãi đối với các hộ nghèo, hộ sản xuất kinh doanh và các doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh trên các địa bàn huyện nghèo.

- Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ y tế và các địa phương liên quan tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho y, bác sĩ, cán bộ y tế cơ sở cho các xã thuộc huyện nghèo, xây dựng trạm xá quân dân y kết hợp; phối hợp với Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh vận động thanh niên, trí thức trẻ tình nguyện đến công tác tại các xã thuộc huyện nghèo, các khu kinh tế - quốc phòng, để tạo nguồn cán bộ cho địa phương; chỉ đạo lực lượng Bộ đội Biên phòng, các đoàn kinh tế quốc phòng, các lực lượng an ninh tham gia xây dựng các công trình hạ tầng; xây dựng trường nghề để đào tạo nghề đối với bộ đội xuất ngũ và lao động của địa phương; tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, giúp dân xây dựng nếp sống mới, bảo

đảm an ninh trật tự và an toàn xã hội trên địa bàn.

- Bộ xây dựng chủ trì, phối hợp với các Bộ nghiên cứu, sửa đổi pháp luật về xây dựng phù hợp với đặc thù và năng lực tổ chức thực hiện ở các huyện nghèo; cùng với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chỉ đạo, hướng dẫn, bố trí vốn giải quyết cơ bản nhu cầu nhà ở cho hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn các huyện nghèo.

- Bộ Giao thông vận tải rà soát, bổ sung, hoàn thiện quy định quy hoạch phát triển giao thông trên địa bàn các huyện; ưu tiên bố trí nguồn vốn để đầu tư các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ và đường giao thông đến trung tâm xã phục vụ phát triển kinh tế và đời sống trên địa bàn các huyện nghèo.

- Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Bộ liên quan trình, ban hành chính sách luân chuyển, tăng cường cán bộ chủ chốt cho các xã thuộc huyện nghèo; chính sách ưu đãi, khuyến khích thu hút trí thức trẻ, cán bộ chuyên môn kỹ thuật về làm việc tại các xã của các huyện nghèo.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Bộ liên quan chỉ đạo, hướng dẫn việc quy hoạch, sản xuất ở các huyện nghèo; quy hoạch bố trí dân cư; chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn các huyện nghèo; hướng dẫn thực hiện các cơ chế, chính sách.

- Bộ Công thương chủ trì, phối hợp với các Bộ liên quan trình, ban hành chính sách khuyến công, chính sách thu hút đầu tư phát triển các ngành công nghiệp và hướng dẫn xúc tiến thương mại, quảng bá, giới thiệu sản phẩm của các huyện nghèo.

- Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất các cơ chế, chính sách chuyển giao công nghệ, nghiên cứu phát triển các loại cây trồng, vật nuôi có hiệu quả, phù hợp với đặc thù của từng địa phương nghèo.

- Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Bộ liên quan trình, ban hành chính sách hỗ trợ pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Bộ liên quan trình, ban hành chính sách ưu đãi đối với giáo viên, học sinh; chỉ đạo ưu tiên bố trí xây dựng cơ sở vật chất các trường học cho các địa bàn nghèo.

- Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với các Bộ liên quan trình, ban hành chính sách ưu đãi về y tế cho người nghèo; chỉ đạo bố trí nguồn vốn để xây dựng bệnh viện huyện và bệnh viện đa khoa khu vực, các trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia để phục vụ người nghèo; tăng cường chỉ đạo công tác dân số và Kế hoạch hóa gia đình để nâng cao chất lượng dân số.

- Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam chủ trì, phối hợp với các tổ chức thành viên chỉ đạo các cấp hội cơ sở tổ chức tốt công tác tuyên truyền, vận động hội viên và toàn dân hưởng ứng, tham gia các cuộc vận động hỗ trợ giúp đỡ các vùng nghèo, người nghèo như phong trào ngày vì người nghèo, phong trào toàn dân xây dựng đời sống văn hoá khu dân cư..., xây dựng nông thôn mới; động viên, khích lệ tính tự chủ của người dân vươn lên thoát nghèo. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức tốt cuộc vận động phong trào thanh niên, trí thức trẻ tình nguyện đến công tác tại các xã thuộc huyện nghèo. Các phương tiện thông tin đại chúng có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Nhà nước về xoá đói giảm nghèo.

- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các hiệp hội ngành nghề chủ trì tổ chức vận động các thành viên tham gia các phong trào nhận đỡ đầu, kết nghĩa hỗ trợ các huyện nghèo về phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, đời sống nhân dân, hỗ trợ chế biến, tiêu thụ sản phẩm, dạy nghề, tạo việc làm...Khuyến khích các Tập đoàn kinh tế, các Tổng công ty nhà nước, mỗi đơn vị nhận hỗ trợ, giúp đỡ ít nhất 01 huyện nghèo để đầu tư cơ sở hạ tầng; hỗ trợ sản xuất, chuyển giao kỹ thuật; đào tạo nghề miễn phí và nhận lao động vào làm việc để tăng thu nhập cho hộ dân, góp phần giảm nghèo nhanh

và bền vững.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh có huyện nghèo, căn cứ Nghị quyết của Chính phủ tổ chức phê duyệt Đề án của các huyện nghèo; chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ xoá đói giảm nghèo, bố trí đủ vốn đầu tư cho các huyện nghèo trong tổng mức vốn được phê duyệt; chỉ đạo xây dựng và phê duyệt kế hoạch hàng năm của các huyện nghèo; hàng năm tổ chức giám sát, đánh giá kết quả thực hiện, gửi Bộ Lao động Thương binh và Xã hội tổng hợp báo cáo Chính phủ.

- Ủy ban nhân dân các địa phương căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ, cơ chế chính sách, định mức, tiêu chuẩn của Nhà nước để xây dựng Đề án hỗ trợ giảm nghèo trên địa bàn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; chỉ đạo xây dựng kế hoạch hành năm, tổng hợp nhu cầu từ dưới lên, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên, trình UBND tỉnh phê duyệt; chỉ đạo và phê duyệt kế hoạch hàng năm của cấp xã; thành lập Ban chỉ đạo của huyện (gồm lãnh đạo cấp uỷ, chính quyền, đại diện các tổ chức đoàn thể, doanh nghiệp) để chỉ đạo tổ chức thực hiện Đề án. Phân công, phân cấp trách nhiệm của từng cấp và ban, ngành trong việc tổ chức thực hiện chương trình theo nguyên tắc tăng cường phân cấp và đề cao tính chủ động, tinh thần trách nhiệm cho cơ sở, tăng cường sự tham gia của người dân. Chỉ đạo việc thực hiện lồng ghép có hiệu quả các chính sách, chương trình, dự án trên địa bàn cho mục tiêu giảm nghèo; thường xuyên kiểm tra giám sát việc quản lý thực hiện chương trình và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ.

1.4.4. Tìm kiếm, huy động các nguồn lực thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững

Việc tìm kiếm, huy động các nguồn lực là yêu cầu cần thiết để thực

hiện tốt chính sách giảm nghèo bền vững. Nếu huy động được nguồn lực mạnh, đáp ứng được nhu cầu thực hiện chính sách thì sẽ giúp người dân thoát nghèo nhanh, bền vững. Ngược lại, nếu nguồn lực thực hiện còn yếu và thiếu, thể hiện sự tham gia của các tầng lớp xã hội đối với chính sách giảm nghèo còn chưa tích cực, thì không thể tạo được động lực cho cán bộ và người dân thực hiện chính sách giảm nghèo. Nguồn lực huy động ở đây bao gồm nguồn lực về vốn, khoa học và công nghệ, lao động. Giảm nghèo bền vững là chính sách công nên nguồn vốn dành để thực hiện chính sách này ở các tỉnh, đặc biệt là tỉnh miền núi dựa chủ yếu vào ngân sách trung ương, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn ODA, vốn vay ưu đãi và ngân sách địa phương cấp. Hiện nay ở nước ta, cơ chế huy động nguồn vốn để thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững được thể hiện lồng ghép nguồn vốn của các chương trình mục tiêu quốc gia và các Chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu trên địa bàn nghèo, bao gồm:

- + Vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án hỗ trợ mục tiêu quốc gia trên địa bàn và tiếp tục triển khai trong những năm tiếp theo, bao gồm: Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm; chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; Chương trình Kế hoạch hóa gia đình; Chương trình nông thôn mới; Chương trình phòng chống ma túy; Chương trình phòng chống tội phạm; Chương trình vệ sinh an toàn thực phẩm; Chương trình giáo dục và Đào tạo, các dự án dạy nghề, dự án trồng rừng, dự án phát triển đường giao thông nông thôn...

- + Vốn ngân sách trực tiếp hỗ trợ cho chương trình, bao gồm cả vốn ODA.
- + Vốn huy động từ cộng đồng và doanh nghiệp;
- + Vốn hợp tác quốc tế trên cơ sở có cam kết hoặc đã có văn bản thỏa thuận ghi nhớ.

Khoa học và công nghệ cũng cần được chú trọng trong quá trình thực hiện chính sách, bởi nếu sử dụng tốt yếu tố này sẽ làm người nghèo thoát nghèo nhanh và bền vững, đồng thời có cơ hội cao hơn trong quá trình vươn lên làm

giàu. Nhưng với nguồn lực về khoa học và công nghệ cần lưu ý không phải cứ hiện đại, đắt tiền là hiệu quả mà cần xem xét có phù hợp với năng lực nguồn lao động tại địa phương hay không. Nguồn lao động là một yếu tố cơ bản, quan trọng trong quá trình thực hiện chính sách, đặc biệt trên huyện miền núi, vùng cao nguồn lao động chủ yếu là lao động phổ thông, chưa qua đào tạo, phần lớn lại là dân tộc thiểu số nên phải làm tốt chính sách đào tạo nguồn nhân lực mới có thể thực hiện được tốt chính sách giảm nghèo. Trong khi nguồn vốn từ ngân sách nhà nước còn nhiều khó khăn thì việc huy động sự tham gia đóng góp của người dân và doanh nghiệp trong phát triển cơ sở hạ tầng ở các vùng nghèo là rất quan trọng và cần được ưu tiên đầu tư đúng mức.

1.4.5. Giám sát, đánh giá việc thực thi chính sách giảm nghèo bền vững

Giám sát, đánh giá việc thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững là một việc làm không thể thiếu nhằm mục đích đánh giá toàn bộ quá trình thực hiện chính sách về các mục tiêu, kết quả đạt được. Giám sát để đảm bảo nguồn lực của xã hội cho giảm nghèo được sử dụng hiệu quả và bền vững, tránh thất thoát, tiêu cực, đảm bảo lợi ích của các bên tham gia vào giảm nghèo. Đồng thời, kiểm soát được những yếu tố tiêu cực ảnh hưởng tới việc chuyển các tác động của kết quả thành mục tiêu.

Đối tượng, phạm vi giám sát, đánh giá chính sách giảm nghèo bền vững, bao gồm: Đối tượng là người nghèo, hộ nghèo trên địa bàn, ưu tiên những người nghèo là người dân tộc thiểu số, người cao tuổi, người khuyết tật, phụ nữ và trẻ em. Địa bàn bao gồm huyện nghèo, xã nghèo (xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, xã biên giới và an toàn khu, thôn, bản đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi).

Nội dung giám sát, đánh giá hướng đến việc thu thập thông tin để đánh giá tiến độ thực hiện và hiệu quả các chính sách, cụ thể là:

- Kiểm tra, giám sát, xác định việc đối tượng thụ hưởng các chính sách

theo tiêu chí quy định (hộ nghèo, cận nghèo);

- Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các chính sách giảm nghèo tới từng đối tượng thụ hưởng;

- Tổ chức theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các Dự án của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững theo từng giai đoạn, đánh giá tác động, hiệu quả của việc thực hiện các chính sách, dự án giảm nghèo đến mục tiêu giảm nghèo đề ra.

Để kiểm tra, giám sát quá trình thực thi chính sách hiệu quả cần thực hiện tốt các công việc sau:

- Mỗi hoạt động hướng đến giảm nghèo bền vững đều nằm trong một chương trình nào đó và phải được tiến hành theo những dự án được soạn thảo có cơ sở khoa học về mặt mục tiêu và chi phí. Nếu không thể tách bạch chi phí thực hiện giảm nghèo ra khỏi chi phí thực hiện các mục tiêu khác thì cần lượng hóa mức độ giảm nghèo cụ thể trên cơ sở tổng chi phí cho các mục tiêu.

- Xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng chính sách để lượng hóa kết quả thực hiện chính sách thông qua so sánh các chỉ tiêu giảm nghèo bền vững trước và sau khi thực hiện chính sách.

- Dù cán bộ chỉ đạo chính sách giảm nghèo bền vững thực hiện cơ chế kiêm nhiệm thì cũng cần lượng hóa trách nhiệm cụ thể của họ với việc thực hiện thông suốt chính sách và kết quả được để có cơ sở xem xét trách nhiệm cá nhân.

- Xây dựng hệ thống chỉ tiêu đo đếm mức độ giảm nghèo có tính dài hạn để có thể so sánh giữa các thời kỳ khác nhau. Thiết lập hệ thống thu nhập, lưu giữ thông tin để có thể đánh giá trong một giai đoạn dài.

1.5. Những yếu tố ảnh hưởng tổ chức, thực thi chính sách giảm nghèo bền vững

1.5.1. Chất lượng văn bản chính sách

Văn bản chính sách là một yếu tố quan trọng cấu thành thể chế về chính sách giảm nghèo bền vững. Đây là yếu tố đầu tiên, quan trọng, là tiền đề cho toàn bộ quá trình triển khai chế độ chính sách sau này. Nếu hệ thống các văn bản chính sách đầy đủ, đồng bộ sẽ tạo thuận lợi rất lớn cho cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân triển khai thực hiện, hiệu quả đem lại đáp ứng được những yêu cầu đề ra. Nếu chính sách ban hành ra không phù hợp với thực tiễn, còn có sự chồng chéo hay bỏ trống nội dung, hoặc chính sách ban hành ra không điều chỉnh kịp thời so với thực tiễn thì khi thực hiện chính sách sẽ gặp phải nhiều cản trở, thiếu sự nhất quán, từ đó dẫn đến việc hiệu quả chính sách mang lại sẽ không cao như mục tiêu đề ra.

Để các văn bản chính sách tiếp tục phát huy tốt tác dụng, cần có sự tổng kết theo từng giai đoạn, nhằm bổ sung kịp thời những thay đổi cần thiết, nhất là về chuẩn nghèo, hướng tới giảm nghèo đa chiều bền vững.

1.5.2. Trình độ đội ngũ cán bộ thực thi chính sách

Trong mọi quá trình của xã hội, đặc biệt là trong quản lý nhà nước, con người luôn đóng vai trò nòng cốt, quyết định hiệu quả và việc đạt được các mục tiêu đề ra. Con người là chủ thể ban hành ra chính sách, tổ chức thực hiện chính sách, đánh giá hiệu quả của chính sách. Hiệu quả của chính sách phụ thuộc rất lớn vào yếu tố chủ thể. Nếu chủ thể không đủ năng lực để vận hành bộ máy, triển khai chính sách thì chính sách ban hành ra có tốt, bộ máy sắp xếp có khoa học cũng không đem lại hiệu quả trên thực tế. Vì vậy, trình độ đội ngũ cán bộ đóng vai trò quyết định trong việc thực hiện các chính sách giảm nghèo. Hiện nay, để chính sách giảm nghèo phát huy được hiệu quả trên thực tế, cần chú trọng nâng cao năng lực cho đội ngũ quản lý và cán bộ có vai trò nòng cốt. Quan tâm thích đáng tới việc bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ thực hiện chương trình giảm nghèo. Đồng thời là sự phối hợp đồng bộ của các tổ chức đoàn thể chính trị tại địa phương trong việc triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia, các chủ trương

đường lối của Đảng và Nhà nước ta. Tăng cường khả năng linh hoạt lồng ghép các nội dung khác nhau trong quá trình thực hiện các chính sách giảm nghèo bền vững và phát triển cơ sở hạ tầng ở vùng nghèo.

Vì vậy, chuyên môn của đội ngũ xây dựng và thực thi chính sách giảm nghèo bền vững cần tập trung vào những nội dung chính như sau:

Một là, tăng cường cơ hội có việc làm, bảo đảm thu nhập tối thiểu và giảm nghèo bền vững cho người lao động yếu thế thông qua hỗ trợ cá nhân và hộ gia đình phát triển sản xuất, hỗ trợ tín dụng, giải quyết việc làm và kết nối thông tin thị trường lao động.

Hai là, mở rộng cơ hội cho người nghèo tham gia hệ thống chính sách bảo hiểm xã hội để chủ động đối phó khi thu nhập bị suy giảm gặp rủi ro.

Ba là, tăng cường tiếp cận của người nghèo đến hệ thống dịch vụ xã hội cơ bản, như giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch và vệ sinh môi trường, thông tin.

1.5.3. Sự tham gia của người dân trong thực hiện chính sách

Yếu tố quan trọng tiếp theo mà chúng ta phải hết sức lưu ý đó là vai trò tham gia của người dân trong việc thực hiện các chương trình, dự án giảm nghèo. Sự tham gia của người dân vào quá trình thực hiện chính sách sẽ góp phần không nhỏ quyết định mức độ thành công của chính sách. Sự tham gia của người dân sẽ giúp cho nhà nước giảm bớt đi gánh nặng về nguồn lực và thời gian. Chính nhân dân sẽ là người biết cách tổ chức thực hiện chính sách tốt nhất nếu như những chính sách đó liên quan trực tiếp đến lợi ích của họ. Một chính sách dù có tốt đến mấy, cán bộ có tâm huyết đến mấy nhưng không được người dân ủng hộ, không có được sự tham gia thực hiện của người dân thì chính sách đó cũng thất bại.

Sự tham gia của người dân vào việc thực hiện chính sách giảm nghèo thông qua 02 nhóm đối tượng: người dân trực tiếp thụ hưởng chính sách và người dân có tác động đến chính sách (có thể thông qua Ủy ban MTTQ và các đoàn thể chính trị xã hội, những người sống xung quanh...). Đối với những

người dân là đối tượng trực tiếp thụ hưởng chính sách (nhóm người nghèo), nếu người dân nắm chắc các chính sách, chủ động tích cực phối hợp với các cơ quan chức năng trong việc tổ chức thực hiện chính sách, phát huy tính tự lực tự cường, năng động, sáng tạo, không thụ động ỷ lại sẽ giúp chính sách phát huy hiệu quả trên thực tế, được sự đón nhận của các tầng lớp nhân dân. Vì vậy, trong thời gian tới, việc nâng cao nhận thức và huy động sự tham gia tích cực của người dân, đặc biệt là người nghèo, luôn phải được ưu tiên hàng đầu, bởi họ vừa là đối tượng hưởng lợi, vừa là chủ thể quan trọng của chính sách. Đối với các tổ chức chính trị - xã hội với chức năng chính là tuyên truyền vận động hội viên thực hiện tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước, cần có sự vào cuộc tích cực, chủ động của các đoàn thể, nhất là ở cấp cơ sở để phổ biến các nội dung chính sách và vận động hội viên, người dân thực hiện tốt chính sách giảm nghèo bền vững. Hiện nay, tổ chức Hội Nông dân là tổ chức có vai trò quan trọng và tham gia tích cực, trực tiếp nhất trong việc vận động, hướng dẫn người dân giảm nghèo.

1.5.4. Nguồn lực cho việc thực hiện chính sách

Có thể khẳng định, nguồn lực là yếu tố quan trọng, quyết định đến việc thực hiện thành công chính sách giảm nghèo bền vững trên thực tế. Chỉ khi có đầy đủ nguồn lực mới có thể hoạch định được chính sách tốt và tổ chức thực hiện đầy đủ, đồng bộ, toàn diện chính sách. Nếu không có nguồn lực, sự đầu tư lẻ tẻ, thiếu tập trung sẽ không tạo được động lực giảm nghèo nhanh, bền vững. Quá trình giảm nghèo sẽ diễn ra với tốc độ chậm và không có kết quả rõ rệt, tạo ra sức ỳ và tâm lý chán nản trong đội ngũ thực hiện chính sách.

Nguồn lực cho việc thực hiện chính sách có thể kể đến bao gồm: nguồn vốn con người, vốn xã hội và vốn tài chính, nguồn lực khoa học công nghệ, nguồn lực tài nguyên thiên nhiên... cụ thể như sau:

Về vốn con người: tập trung nâng cao năng lực quản lý lãnh đạo cho

đội ngũ cán bộ địa phương, trình độ nhận thức dân trí cho người dân, tạo điều kiện để người nghèo có cơ hội tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ từ phía Nhà nước và sử dụng sự hỗ trợ đó một cách hiệu quả để thoát nghèo.

Vốn xã hội: đây là một khái niệm còn khá mới mẻ nhưng lại rất được quan tâm hiện nay. Thông qua việc duy trì và phát huy vốn xã hội của người dân có thể dễ dàng huy động các nguồn vốn khác như vốn tài chính, tạo sự đoàn kết trong các cộng đồng dân cư thông qua các mạng lưới xã hội, niềm tin của các cá nhân trong cộng đồng được duy trì và nâng cao, hỗ trợ hiệu quả hơn cho việc thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững.

Vốn tài chính: nguồn vốn này có thể huy động từ nhiều hình thức khác nhau như ngân sách nhà nước, sự đóng góp của người dân, sự tham gia của các doanh nghiệp với người dân. Hiện nay trong khi nguồn vốn từ ngân sách nhà nước còn nhiều khó khăn thì việc huy động sự tham gia đóng góp của người dân và doanh nghiệp là rất quan trọng và cần được ưu tiên đầu tư đúng mức.

Về nguồn lực khoa học công nghệ: Trong mọi quá trình phát triển, khoa học luôn là yếu tố động lực đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng, nhất là trong lĩnh vực sản xuất, kinh tế. Khi đối tượng người nghèo chủ yếu tập trung ở vùng nông thôn, ngành lao động chủ yếu là nông nghiệp, công cụ sản xuất còn thô sơ, manh mún thì khoa học công nghệ càng trở nên hữu ích hơn bao giờ hết. Việc ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất giúp giảm thiểu thời gian, chi phí sản xuất, nâng cao năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh của sản phẩm, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế góp phần nâng cao thu nhập cho người lao động. Đồng thời, việc áp dụng khoa học công nghệ vào thực hiện chính sách giảm nghèo sẽ giúp cho các cơ quan chức năng có công cụ để giám sát, đánh giá hiệu quả của việc thực hiện chính sách một cách đầy đủ, chính xác, nhanh chóng nhất. Hiện nay chủ yếu tập trung vào việc đầu tư mua sắm trang thiết bị

hiện đại nhằm tăng năng suất, hiệu quả lao động cho người dân, giúp người dân từng bước thoát nghèo.

Về nguồn lực tài nguyên thiên nhiên: Đây là nguồn lực tự nhiên, nếu biết sử dụng và phát huy đúng cách sẽ mang lại hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội rất cao. Ngược lại, nếu không biết khai thác đúng cách sẽ không những không mang lại hiệu quả kinh tế cao mà còn làm lãng phí nguồn tài nguyên, làm ảnh hưởng đến môi trường sinh thái và đánh mất nguồn tài nguyên dự trữ sau này. Hiện nay, tại các vùng núi với tỷ lệ hộ nghèo cao, Nhà nước ta đang tập trung nghiên cứu phát triển các mô hình kinh tế trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế về tài nguyên thiên nhiên, địa hình, địa chất, khí hậu nhằm tận dụng những lợi thế, phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập và đời sống của nhân dân.

1.6. Các chính sách giảm nghèo bền vững

1.6.1. Ở Việt Nam

Trên cơ sở định hướng của Đảng về giảm nghèo bền vững, Chính phủ ban hành các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững trong phạm vi cả nước. Đó là:

- Chính sách tín dụng cho người nghèo được thể hiện qua một số các văn bản: Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21/7/2015 về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo; Các thông tư quy định chi tiết về chính sách cho vay ưu đãi lãi suất theo chương trình hỗ trợ các huyện nghèo (Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ); Quy định chi tiết thi hành việc hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay của người nghèo và các đối tượng chính sách khác; Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 – 2020. Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020, Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng ngày 22/11/2014 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã

hội và Quyết định số 401/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Thứ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Lê Văn Thanh chia sẻ, thông qua vốn tín dụng chính sách, đã giúp cho gần 6,3 triệu hộ gia đình vượt qua ngưỡng nghèo, giải quyết việc làm cho hơn 5,9 triệu lao động (trong đó hơn 141 nghìn lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài). Vốn tín dụng chính sách cũng góp phần quan trọng trong việc giảm tỷ lệ hộ nghèo nhanh và bền vững theo chuẩn nghèo từng thời kỳ: giai đoạn 2011-2015 từ 14,2% xuống 4,25%, bình quân giảm 2%/năm; giai đoạn 2016-2020 từ 9,88% xuống 2,75%, bình quân giảm 1,43%/năm; đến cuối năm 2021, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 2,23%. Đến 31/8/2019, tổng dư nợ các chương trình tín dụng chính sách đạt 199.823 tỷ đồng, tăng 57.295 tỷ đồng (tăng 40,2%) so với 31/12/2015, tốc độ tăng trưởng dư nợ bình quân hàng năm đạt 9,7%, với gần 6,6 triệu khách hàng còn dư nợ. , đã có gần 8 triệu lượt hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn từ NHCSXH, với doanh số cho vay đạt 221.693 tỷ đồng; góp phần giúp trên một triệu hộ vượt qua ngưỡng nghèo; thu hút, tạo việc làm cho trên 775 nghìn lao động (trên 17 nghìn lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài); gần 200 nghìn học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được vay vốn học tập. NHCSXH tổ chức gần 11 nghìn Điểm giao dịch tại các xã, phường, thị trấn trong toàn quốc và gần 200 nghìn Tổ tiết kiệm và vay vốn hoạt động tại 100% thôn, ấp, bản, làng.

- Chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở: Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở. Tiếp đó ngày 29/10/2010 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 67/QĐ-TTg để bổ sung thêm đối tượng là các hộ nghèo, có khó khăn về nhà ở.

- Chính sách hỗ trợ y tế cho người nghèo: Chính sách này được thực hiện theo Nghị định số 62/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều Luật Bảo hiểm y tế; Quyết định 538/QĐ-TTg ngày 29/3/2013

của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thực hiện lộ trình tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân giai đoạn 2011 - 2016 và 2020. khoản 9 Điều 3 Nghị định 146/2018/NĐ-CP quy định, người thuộc hộ gia đình nghèo; người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội khó khăn; người đang sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; người đang sinh sống tại xã đảo, huyện đảo thuộc đối tượng tham gia BHYT bắt buộc theo nhóm do ngân sách nhà nước đóng.

- Chính sách hỗ trợ giáo dục cho người nghèo: Chính sách hỗ trợ giáo dục cho người nghèo được thực hiện theo Nghị định số 49/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ và Nghị định số 74/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49 quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Các đối tượng học sinh, sinh viên được miễn học phí quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP.

- Chính sách hỗ trợ đất sản xuất, kinh doanh, điện, nước sinh hoạt: Chính sách hỗ trợ đất sản xuất, nước sinh hoạt được thực hiện theo Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào DTTS nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.

- Chính sách hỗ trợ về trợ giúp pháp lý đối với người nghèo: Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với các huyện nghèo theo tinh thần Nghị quyết 30a/NQ-CP của Chính phủ. Để thực hiện chính sách này, Quốc hội khóa XII đã ban hành Luật Trợ giúp pháp lý ngày 29/6/2006, Chính phủ đã ban hành: Quyết định số 52/QĐ-CP ngày 18/8/2010 về chính sách hỗ trợ pháp lý nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật cho người nghèo, đồng bào DTTS tại các huyện nghèo giai đoạn 2011 - 2020. Năm 2011, Chính phủ cũng đã ban hành Quyết định 678/QĐ-TTg ngày 10/5/2011 phê duyệt Chiến

lược phát triển trợ giúp pháp lý ở Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững theo Quyết định số 90/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025; Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030.

1.6.2. Các chính sách giảm nghèo bền vững ở tỉnh Quảng Ninh

Giai đoạn 2016 - 2020, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 50/NQ-HĐND, ngày 7-12-2016, “Về việc bố trí nguồn lực đưa các xã, thôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”. Quyết định số 196/QĐ-UBND “Về việc phê duyệt Đề án nhiệm vụ và giải pháp đưa các xã, thôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn, hoàn thành mục tiêu, chương trình 135 giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh” (Đề án 196). Nghị quyết số 06-NQ/TU “Về phát triển bền vững kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh ở các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các quyết định, kế hoạch triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi giai đoạn 2021 - 2025; thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025 nhằm phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi; xây dựng nông thôn mới; giảm nghèo bền vững. Tỉnh xây dựng kế hoạch 5 năm (2021 - 2025) thực hiện chương trình tổng thể phát triển tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo. Xây dựng, ban hành, triển khai Đề án phát triển trường phổ thông dân tộc nội trú chất lượng cao tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Đề án thu hút bác sĩ về làm việc tại tỉnh, nhất là bác sĩ về công tác tại

vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo; Đề án bảo tồn, khôi phục và phát huy các môn thể thao dân tộc tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030; Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 - 2025...Ban hành Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND “Quy định chính sách trợ giúp pháp lý cho người dân tộc thiểu số tại các xã, thôn, bản thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2022 - 2025”.

Ban hành các chính sách đào tạo nghề cho lao động để chuyển đổi cơ cấu lao động, cơ cấu nông thôn gắn với tạo việc làm, tăng thu nhập, nhân rộng mô hình “Nông dân dạy nông dân”, dạy nghề theo phương thức các hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi trực tiếp “cầm tay chỉ việc”, ban hành một số Nghị quyết, Quyết định tạo điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách hỗ trợ các hộ nông dân phát triển sản xuất, kinh doanh; ban hành Kế hoạch số 09-KH/HNDT, ngày 09/4/2019 về nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững” giai đoạn 2019 – 2023; thực hiện các Đề án, chuyên đề triển khai thực hiện phong trào thi đua: Đề án “Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giai đoạn 2023-2028”; Chuyên đề “Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thi đua khen thưởng, giai đoạn 2023-2028”; Đề án “Phát triển các mô hình sản xuất liên kết theo chuỗi gắn với các hoạt động tư vấn, dịch vụ hỗ trợ nông dân”; Đề án “Kiện toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân theo Nghị định 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ”; Chuyên đề “Hội Nông dân tham gia bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh, giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững”; Chuyên đề “Nâng cao kỹ năng về chuyển đổi số cho cán bộ, hội viên nông dân”; Hàng năm ban hành Nghị quyết, chương trình, kế hoạch, hướng dẫn và quyết định giao chỉ tiêu trong triển

khai phong trào thi đua trong hệ thống; chủ trì, phối hợp phát động thi đua, sơ tổng kết phong trào thi đua; Ký kết các chương trình, kế hoạch phối hợp với UBND tỉnh, các sở, ngành liên quan để huy động nguồn lực phục vụ tổ chức phong trào...

2. Kinh nghiệm thực tiễn thực thi chính sách giảm nghèo của một số địa phương và bào học kinh nghiệm cho huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh

2.1. Kinh nghiệm ở huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang

Huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang là địa phương còn nhiều khó khăn với tỷ lệ hộ nghèo chiếm hơn 35% (năm 2018). Với mục tiêu giảm bình quân 5%/năm số hộ nghèo, huyện Sơn Động tập trung huy động các nguồn lực để giảm nghèo bền vững. Một trong những thành công trong công tác này là ý chí, tinh thần vươn lên thoát nghèo, làm giàu đã hình thành vững chắc trong nhân dân, được cụ thể hóa thông qua các phong trào thi đua sản xuất, kinh doanh. Với sự hỗ trợ đắc lực từ Chương trình giảm nghèo 30a, những năm gần đây, bộ mặt nông thôn huyện Sơn Động (Bắc Giang) đã có những thay đổi tích cực. Quan trọng hơn cả, đa số người nghèo đã không còn trông chờ, ỷ lại vào sự giúp đỡ của Nhà nước. Được biết, đề án giảm nghèo nhanh và bền vững của Sơn Động là bước đi cụ thể hiện thực hóa Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ về hỗ trợ đối với 61 huyện khó khăn nhất cả nước. Những gì đề án mang lại có ý nghĩa quan trọng, thay đổi cuộc sống của không ít hộ nghèo. Tổng vốn đầu tư và vốn sự nghiệp để thực hiện đề án trong 10 năm qua đạt gần 850 tỷ đồng. Riêng năm 2019, chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững có kinh phí thực hiện gần 100 tỷ đồng. Hằng năm, các nội dung, danh mục công trình đầu tư được lựa chọn kỹ, đáp ứng nhu cầu bức thiết trong nhân dân, phát huy hiệu quả thiết thực. Đến nay, đời sống nhân dân được nâng lên, thu nhập gấp 2,5 lần khi bắt đầu thực hiện đề án, tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 5%/năm, vượt kế hoạch đề ra.

Đổi thay rõ nét nhất chính là hệ thống cơ sở hạ tầng được tập trung đầu tư xây dựng, góp phần thay đổi diện mạo vùng cao, miền núi, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất nông lâm nghiệp, phát triển kinh tế. Đề án còn dành nguồn lực đáng kể cho công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động, tín dụng ưu đãi, đầu tư phát triển sự nghiệp văn hóa, xã hội...

Ông Nguyễn Quang Ngạn- Chủ tịch UBND huyện Sơn Động cho rằng, một trong những thành công trong công tác này là nhận thức về mục tiêu giảm nghèo bền vững, trách nhiệm, cách làm để đạt được kết quả của cán bộ, nhân dân có chuyển biến tích cực. Ý chí, tinh thần vươn lên thoát nghèo, làm giàu đã hình thành vững chắc, được cụ thể hóa thông qua phong trào thi đua sản xuất, kinh doanh, nhất là ở những lĩnh vực thế mạnh của huyện như lâm nghiệp, chăn nuôi. Đến hết năm nay, tỷ lệ hộ nghèo của huyện còn 28,29%, giảm 7,32 so với năm 2018; cận nghèo 20,36%; toàn bộ hộ nghèo thuộc diện gia đình chính sách, người có công đã thoát nghèo. Cũng theo ông Ngạn, thời gian tới, huyện tiếp tục thực hiện công tác giảm nghèo, sử dụng các nguồn vốn đầu tư để nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ phát triển KT-XH, tiếp tục nâng dần điều kiện sống của người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện về công tác giảm nghèo trên địa bàn. Đẩy mạnh xã hội hóa để thực hiện nhiệm vụ giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội; mời gọi đầu tư, tăng cường xúc tiến, thu hút các doanh nghiệp để phát triển sản xuất, tạo việc làm tại chỗ. Tập trung tuyên truyền, vận động, làm cho người nghèo tự ý thức, xác định quyết tâm vươn lên thoát nghèo.

Trước đây gia đình ông Chu Xuân Tuyên (SN 1958), dân tộc Tày và nhiều hộ dân ở Thôn Đồng Chu xã Yên Định (Sơn Động) đã biết đến nghề nuôi ong nhưng do kinh tế eo hẹp nên quy mô chăn nuôi nhỏ lẻ, không có điều kiện nâng số lượng đàn. Năm 2018, ông Tuyên được hỗ trợ 30 đàn ong giống theo chương trình 30a, cùng với số ong có sẵn, ông mở rộng sản xuất

lên hơn 200 đàn. Năm ngoái, ông thu được 200 lít mật; từ đầu năm đến nay, đàn ong đã mang lại cho gia đình ông hơn 300 lít mật. Với giá bán 150 nghìn đồng/lít, ông Tuyên có được khoản thu nhập đáng kể. Hơn nữa, do nuôi ong bằng nguồn hoa tự nhiên nên chất lượng mật tương đương như ong rừng, thương lái vì thế thường xuyên đến tận nhà ông thu mua, tiêu thụ dễ dàng. Theo ông Tuyên, nuôi ong vốn ít, lãi nhiều, tận dụng thế mạnh của miền núi, vùng cao có diện tích rừng lớn nên nghề này rất phù hợp với những hộ nghèo. Ông Tuyên nói: “Nhờ có hỗ trợ từ chương trình 30a, gia đình tôi có điều kiện phát triển đàn ong, mở rộng sản xuất. Nuôi ong bận rộn quanh năm, ngày nào tôi cũng phải kiểm tra các tổ, nếu có dấu hiệu bị bệnh hoặc bỏ đàn, ong đói, cắn nhau là phải dùng biện pháp xử lý ngay. Sau nhiều năm, tôi đã tích lũy được kinh nghiệm nên có thể chữa khỏi một số bệnh thường gặp ở con ong”. Hiện nay ông đang truyền nghề cho hai người con trai cùng mong muốn mở rộng mô hình, kết hợp giữa trồng rừng, cây ăn quả và chăn nuôi. Với bà con làng xóm, ông luôn sẵn sàng cung cấp giống và trao đổi kinh nghiệm, kỹ thuật nuôi ong để cùng nhau chung tay xây dựng đời sống ấm no.

Với gia đình bà Hồ Thị Linh, ở thôn Mỏ, xã An Châu, những hỗ trợ từ chương trình giảm nghèo đến nay đã có kết quả. Cùng các cán bộ kiểm lâm đến thăm gia đình bà Linh khi rừng keo 5 năm tuổi vừa cho thu hoạch, những gốc cây mới đang được trồng vào thay thế, bắt đầu lên xanh. Trên nền khu đất rộng, vài người thợ đang giúp bà Linh đổ bê tông đường vào to rộng để xây mới khu vực bếp và nhà vệ sinh. Bà Linh vui vẻ nói: “Nhờ nguồn thu hơn 100 triệu đồng từ rừng, tôi có điều kiện để cải thiện cuộc sống. Chồng tôi bị tai biến, mất sức lao động từ lâu, tôi thì già yếu, đông con. 5 năm trước, tôi được cấp cây giống và phân bón để trồng khoảng 1 ha rừng. Do trước đây là công nhân lâm nghiệp nên tôi tuân thủ đúng kỹ thuật, cây lên nhanh, chất lượng gỗ tốt”. Theo lời bà Linh, ngay sau khi thu hoạch, bà lại

tiếp tục được hỗ trợ theo chương trình giảm nghèo, gia đình bà vì thế đỡ khó khăn, không phải tự bỏ tiền ra mua giống cây, phân bón. Được biết, vài năm trước, gia đình bà Linh đã nhận 7 triệu đồng để xây dựng, cải tạo nhà ở theo chương trình hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn. Những giúp đỡ đó đã phần nào làm cho gia đình bà thoát khỏi nghèo khó, có điều kiện vươn lên.

Ông Nguyễn Văn Thịnh, cán bộ xã An Châu cho biết, trên địa bàn xã có 20 hộ được hưởng những ưu đãi như gia đình bà Linh. Ngay khi nhận được giống, vật tư trồng rừng, ông đã bàn giao cho các hộ, hằng ngày, ông đều đến kiểm tra và hướng dẫn, tư vấn về kỹ thuật trồng, chăm sóc, vận động người dân tham gia bảo vệ, phòng chống cháy rừng. (theo Molisa.gov.vn)

Ở các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Sơn Động, nhiều lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, DTTS đã mạnh dạn vay vốn, áp dụng kiến thức được đào tạo vào chăm sóc vườn, rừng, chăn nuôi gia súc, gia cầm, thoát nghèo bền vững. Năm 2024, huyện được phân bổ hơn 177 tỷ đồng từ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững để thực hiện các dự án, tiểu dự án. Huyện chỉ đạo các cơ quan tham mưu thực hiện chính sách như: Lao động - Thương binh và Xã hội, Dân tộc, Nông nghiệp và PTNT; UBND các xã, thị trấn làm tốt công tác thẩm định để lựa chọn đúng đối tượng thụ hưởng, bảo đảm có đủ năng lực quản lý, tổ chức mô hình sản xuất. Ưu tiên hỗ trợ cho người trong độ tuổi lao động còn khả năng làm việc thuộc hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo, DTTS. Với cách làm đó, từ đầu năm đến nay, huyện đã triển khai 12 dự án hỗ trợ sinh kế với hơn 62 nghìn con giống (trâu, bò, gà, lợn...) được cấp cho các hộ, giải quyết việc làm cho hơn 2,1 nghìn lao động. Ngoài ra, huyện tổ chức các lớp đào tạo nghề trồng trọt, chăn nuôi, sửa chữa máy nông nghiệp; tổ chức nhiều ngày hội việc làm, phiên giao dịch việc làm thu hút hàng nghìn lao động.

Cùng với hỗ trợ sinh kế, đào tạo nghề, tư vấn giới thiệu việc làm, địa phương quan tâm triển khai các chương trình, chính sách tín dụng, tạo điều

kiện cho người dân tiếp cận vốn vay ưu đãi. Từ đầu năm đến nay, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Sơn Động đã giải ngân hơn 264 tỷ đồng cho khách hàng vay vốn, trong đó có hơn 14 tỷ đồng cho gần 150 lao động vay vốn giải quyết việc làm. Tổng hợp từ Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện, tính đến tháng 9/2024, toàn huyện có hơn 14 nghìn lao động làm việc tại các doanh nghiệp trong, ngoài nước với thu nhập bình quân từ 8-12 triệu đồng/người/tháng (đối với lao động trong nước), từ 20-25 triệu đồng/người/tháng với trường hợp đi xuất khẩu lao động. Kết quả đó góp phần đưa tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện giảm còn hơn 15%. Năm nay, huyện phấn đấu tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 9,44%. Những ngày này, huyện Sơn Động đang tích cực điều tra, rà soát hộ nghèo, cận nghèo. Qua đánh giá sơ bộ từ các xã, thị trấn, nhờ thực hiện đồng bộ các chính sách hỗ trợ đã góp phần giảm số lượng hộ nghèo, cận nghèo. Theo bà Tổng Thị Hương Giang, Phó Chủ tịch UBND huyện, để thực hiện hiệu quả chính sách giảm nghèo trong năm 2025, hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển KT - XH cả giai đoạn 2021-2025, địa phương tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và người dân về công tác giảm nghèo. Triển khai đa dạng nội dung; hình thức tuyên truyền ngắn gọn, dễ hiểu nhằm khơi dậy trong nhân dân ý chí tự lực vươn lên, tránh tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào chính sách. Cơ quan chức năng huyện, các xã, thị trấn tiếp tục hướng dẫn hộ nghèo, cận nghèo, lao động mới thoát nghèo kiến thức chăm sóc cây trồng, vật nuôi hiệu quả, từ đó tạo thu nhập ổn định, giúp nhiều hộ dân thoát nghèo bền vững, hướng tới cuộc sống chất lượng hơn.

2.2. Kinh nghiệm ở huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, huyện Phú Lương đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm giúp các hộ nghèo có điều kiện phát triển kinh tế, vươn lên ổn định cuộc sống.

Đồng chí Nguyễn Quốc Hữu, Bí thư Huyện ủy Phú Lương, cho biết: Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Phú Lương nhiệm kỳ 2020-2025 đề ra chỉ

tiêu “Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân hằng năm cao hơn mức giảm bình quân chung của tỉnh”. Trên cơ sở đó, Ban Thường vụ Huyện ủy đã chỉ đạo, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự chung tay của cả cộng đồng để giúp đỡ người nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững. Năm 2022, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều trên địa bàn huyện là 5,39%, thì đến nay giảm còn 1,78%; tỷ lệ hộ cận nghèo giảm tương ứng từ 4,46% xuống còn 2,68%. Thực hiện nghị quyết của Đảng bộ, UBND huyện Phú Lương đã xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo theo giai đoạn và từng năm; phân bổ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện các dự án giảm nghèo; lồng ghép Chương trình xây dựng nông thôn mới với Chương trình giảm nghèo... Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo bền vững là dự án 2, thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững được UBND huyện Phú Lương triển khai hiệu quả trong thời gian qua. Theo đó, từ năm 2022 đến cuối tháng 11-2024, Phú Lương đã hỗ trợ trên 5,6 tỷ đồng, để thực hiện 19 mô hình, hỗ trợ bò lai Sind, dê lai sinh sản và trâu sinh sản cho 174 hộ tại 10 xã: Yên Trạch, Phú Lý, Ôn Lương, Hợp Thành... Bên cạnh được hỗ trợ vật nuôi, các hộ còn tham gia tập huấn kỹ thuật và thường xuyên được cán bộ chuyên môn hướng dẫn cách chăm sóc, phòng và trị bệnh cho đàn vật nuôi...

Ông Lê Đức Thuận, ở xóm Hiệp Hòa, xã Phú Lý, phấn khởi nói: Năm 2023, gia đình tôi được hỗ trợ 1 con trâu sinh sản. Cùng với chăm sóc để con trâu phát triển tốt, tôi còn cấy 3 sào ruộng, trồng rau xanh, chăn nuôi khoảng 100 con gà thương phẩm. Nhờ đó, gia đình có thêm nguồn thu nhập và thoát nghèo trong năm nay.

Bên cạnh hỗ trợ sinh kế thì việc giúp người nghèo có nơi “an cư” được xem là giải pháp thiết thực nhằm giảm nghèo bền vững. Theo đó, UBND huyện Phú Lương đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn rà soát, chủ động phối hợp với Ủy ban MTTQ huyện tích cực vận động các tổ chức, cá nhân, đơn vị, doanh nghiệp trong và ngoài địa bàn tham gia hỗ trợ kinh phí xây dựng, sửa chữa nhà ở cho các hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn. Theo kế hoạch, đến

ngày 31/12/2024, huyện Phú Lương hỗ trợ 269 gia đình thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo xây mới, sửa chữa nhà ở, với tổng kinh phí thực hiện trên 16,6 tỷ đồng. Ngoài ra, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn triển khai thực hiện hiệu quả việc cho vay vốn tín dụng chính sách giúp người nghèo có nguồn vốn để mua sắm vật tư, thiết bị, giống cây trồng, vật nuôi... phát triển sản xuất. Nguồn vốn cho vay đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng thụ hưởng, quay vòng vốn nhanh và mang lại hiệu quả thiết thực. Chỉ riêng với nguồn vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội, từ năm 2022 đến nay đã có 1.030 lượt hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn được vay với tổng số tiền là 72,933 tỷ đồng để phát triển kinh tế. Có thể thấy, các chính sách giảm nghèo được huyện Phú Lương thực hiện đồng bộ, hiệu quả đã giúp cho các hộ nghèo, cận nghèo được tiếp cận với những dịch vụ xã hội cơ bản, từ chủ động vươn lên thoát nghèo, ổn định cuộc sống. Thời gian tới, huyện tiếp tục chỉ đạo các xã, thị trấn phối hợp với các tổ chức, đoàn thể tích cực tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành và người dân trong thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững. Cùng với đó là triển khai các dự án, chính sách giảm nghèo, trong đó tập trung thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, tín dụng chính sách, tạo việc làm để tăng thu nhập cho người nghèo. Huy động vốn, lồng ghép và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho công tác giảm nghèo, trong đó ưu tiên các địa bàn có tỷ lệ hộ nghèo đa chiều còn ở mức cao...

2.3. Bài học kinh nghiệm cho huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh

Một là, quán triệt nghiêm túc đầy đủ các văn bản chỉ đạo, tăng cường sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, chủ động xây dựng các chương trình, kế hoạch triển khai sát với tình hình thực tiễn của địa phương.

Hai là, phát huy mọi nguồn lực, linh hoạt huy động sự tham gia vào cuộc của các tổ chức kinh tế, các doanh nghiệp, nhà hảo tâm về tham gia đóng góp nguồn lực đầu tư cho việc thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu đề ra.

Ba là, nâng cao trách nhiệm của cấp ủy chính quyền cơ sở, đồng thời phát huy hiệu quả phối hợp của các cơ quan, đơn vị, MTTQ và các đoàn thể với cơ sở trong công tác tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức cho người dân, nhất là đối với người nghèo về các chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước về công tác giảm nghèo, để người nghèo có ý chí vươn lên thoát nghèo.

Bốn là, tổ chức thực hiện nhiệm vụ giảm nghèo phải gắn với công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện cơ chế chính sách của Đảng, nhà nước và các chính sách ưu đãi đặc thù của tỉnh.

Năm là, kịp thời khen thưởng, biểu dương hộ nghèo có tinh thần tự lực vươn lên thoát nghèo; nhân rộng gương điển hình tiên tiến, gương tự nguyện thoát nghèo giai đoạn 2015-2020 trở thành phong trào giai đoạn 2021-2025.

Tiểu kết chương 1

Nghèo là một hiện tượng kinh tế xã hội mang tính chất toàn cầu. Nó không chỉ tồn tại ở các quốc gia có nền kinh tế kém phát triển, mà nó còn tồn tại ngay tại các quốc gia có nền kinh tế phát triển. Tuy nhiên tùy thuộc vào điều kiện tự nhiên, thể chế chính trị xã hội và điều kiện kinh tế của mỗi quốc gia mà tính chất, mức độ mà chuẩn nghèo của từng quốc gia có khác nhau. Nhìn chung mỗi quốc gia đều sử dụng một khái niệm để xác định chuẩn khổ và đưa ra các chỉ số nghèo khổ để xác định giới hạn nghèo khổ.

Đối với Việt Nam chính sách giảm nghèo bền vững là một chính sách lớn được sự quan tâm hàng đầu của Đảng, nhà nước trong những thập kỷ qua. Xóa đói, giảm nghèo theo hướng bền vững là mục tiêu xuyên suốt trong quá trình phát triển kinh tế- xã hội của đất nước.

Việc thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững ở nước ta hiện nay được đặt trong bối cảnh của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đang trong giai đoạn chuyển đổi và tái cấu trúc lại nền kinh tế, bởi vậy việc nâng cao kết quả và hiệu quả của công tác giảm nghèo là một nhu cầu bức thiết, tạo nền móng và sức bật cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

Nội dung của Chương 1 đã khái quát những vấn đề cơ bản mang tính lý luận về giảm nghèo bền vững, cách tiếp cận nghèo đa chiều và quan niệm chuẩn nghèo ở Việt Nam và trên thế giới. Từ những nghiên cứu lý luận về nghèo và chính sách giảm nghèo bền vững sẽ là cơ sở, nền tảng và điều kiện quan trọng để lựa chọn phương pháp nghiên cứu, phân tích về thực trạng tổ chức thực thi chính sách giảm nghèo bền vững tại huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh ở các chương sau.

Chương 2

THỰC TRẠNG THỰC THI CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN BA CHÈ, TỈNH QUẢNG NINH

1. Tổng quan về đặc điểm kinh tế xã hội của huyện Ba Chẽ

1.1. Địa lý tự nhiên

Huyện Ba Chẽ là huyện miền núi thuộc khu vực Đông Bắc tỉnh Quảng Ninh (cách thành phố Hạ Long hơn 80 km đi theo đường Quốc lộ 18A từ Hạ Long đi Móng Cái), có tọa độ địa lý từ 20°7'40" đến 21°23'15" Vĩ độ Bắc 107°58'5" đến 107°22'00" độ Kinh Đông. Tổng diện tích tự nhiên là 60.855,56 ha (chiếm 10% diện tích toàn tỉnh Quảng Ninh), trong đó đất lâm nghiệp 55.285,29ha, chiếm tới hơn 91% diện tích tự nhiên, diện tích đất nông nghiệp 1.348,64 ha. Ba Chẽ có địa hình núi non trùng điệp chia cắt đất đai thành nhiều vùng nhỏ (Cao nhất là núi Khau Giang cao trên 900m ở phía tây huyện). Ba Chẽ có địa hình dốc bị chia cắt mạnh bởi các dãy núi đất tạo thành các thung lũng hẹp và các con suối, sông lớn nhỏ.

1.2. Đặc điểm kinh tế, văn hoá, xã hội

1.2.1. Về kinh tế: Huyện Ba Chẽ có cơ cấu kinh tế lâm, nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Năm 2017, các ngành kinh tế tiếp tục phát triển ổn định, giá trị gia tăng đạt 15,2%; thu ngân sách trên địa bàn theo nghị quyết của HĐND huyện; vốn đầu tư XDCB tăng 3,0% so cùng kỳ; chăn nuôi đàn gia súc, gia cầm phát triển mạnh theo hướng trang trại, gia trại; trồng rừng tập trung 3.502 ha. Các sản phẩm chủ lực của địa phương, chương trình OCOP tiếp tục được triển khai nhân rộng; chương trình xây dựng nông thôn mới (NTM), chương trình 135 được triển khai với nhiều giải pháp đồng bộ. Theo đó, đã đưa xã Lương Mông hoàn thành chương trình xây dựng NTM và phấn đấu đưa xã Thanh Lâm khỏi diện ĐBKK. Triển khai Đề án 167 giai đoạn 2, số hộ dân hoàn thành xây dựng nhà ở đến nay đạt 172/158 hộ, ...

1.2.2. Về dân số: toàn huyện có 23.207 người trong đó nữ là 11.294 người chiếm 48,7% tổng dân số. Toàn huyện có 14 dân tộc anh em gồm Kinh, Tày, Thái, Hoa, Mường, Nùng, Mông, Dao, Ngái, Xơ Đăng, Sán Chay, Sán Dìu, Thổ, Co. Trong đó dân tộc Kinh chiếm 18,99%, Tày chiếm 15,6%, Dao chiếm 45,2%, Sán Chay chiếm 18,33%, còn lại các dân tộc khác chiếm số lượng không đáng kể.

1.2.3. Về giao thông: Huyện Ba Chẽ tuy không nằm trên đường Quốc lộ 18A nhưng trên địa bàn huyện có 04 tỉnh lộ đi qua: Tỉnh lộ 330: Hải Lạng - Ba Chẽ - Lương Mông - Sơn Động (Bắc Giang); Tỉnh lộ 342: Thanh Lâm (Ba Chẽ) - Kỳ Thượng (Hoành Bồ); Tỉnh lộ 329: Thị trấn Ba Chẽ - Mông Dương (Cẩm Phả); Tỉnh lộ 330B: Nam Sơn - Cầu Ba Chẽ phục vụ cho nhu cầu giao lưu kinh tế - xã hội của huyện với các địa phương lân cận. Tỉnh lộ 329, đường Cửa Cái - Cái Gian đã được đầu tư tạo thuận lợi cho thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tại TP. Cẩm Phả và TP. Hạ Long.

1.3. Thực trạng nghèo ở huyện Ba Chẽ

Huyện Ba Chẽ là huyện miền núi, dân tộc, có cơ cấu kinh tế lâm, nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Huyện có 7 xã 01 thị trấn, gồm 9 dân tộc sinh sống ở 74 thôn, khu phố, trong đó có xã Đồn Đạc là nơi tập trung đông đảo dân tộc thiểu số. Các hộ nghèo nằm trên địa bàn xã, tập trung ở vùng miền núi, nơi kinh tế còn nhiều khó khăn. Công tác giảm nghèo là yếu tố quan trọng nhằm phát triển toàn diện kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh địa phương. Trong những năm gần đây cùng với sự phát triển kinh tế chung của huyện, đời sống của nhân dân ngày được cải thiện, công tác xây dựng cơ sở hạ tầng ngày được nâng cấp. Đặc biệt là chương trình xây dựng nông thôn mới; an ninh, chính trị được ổn định. Tuy nhiên, là huyện miền núi, vùng sâu, vùng xa nên vẫn còn nhiều khó khăn, trình độ dân trí không đồng đều; tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào chính sách hỗ trợ của Nhà nước vẫn còn tồn tại ở một số bộ phận người dân; hiện tại huyện

còn 05 xã thuộc diện đặc biệt khó khăn và 02 xã khó khăn; hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng dân sinh còn thiếu thốn, bất cập, khó thu hút đầu tư; kinh tế chậm phát triển, trình độ dân trí không đồng đều.

Năm 2020, trên địa bàn huyện có tổng số **413** hộ nghèo. Tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện là 8,07. Cụ thể đối với từng địa bàn như sau:

Bảng 2.1. Biểu số liệu hộ nghèo năm 2020

Đơn vị tính: hộ

TT	Xã, Thị trấn	Số hộ nghèo	Số hộ cận nghèo	Số hộ mới thoát nghèo	Số hộ Dân tộc thiểu số	Số hộ chủ hộ là nữ
1	Lương Mông	0	0	0		
2	Thị Trấn	0	0	0		
3	Minh Cẩm	13	12	7	110	10
4	Đập Thanh	52	103	70	537	20
5	Thanh Lâm	13	43	22	369	12
6	Thanh Sơn	33	77	69	350	15
7	Nam Sơn	29	4	33	251	9
8	Đồn Đạc	273	209	265	971	30
Cộng:		413	448	466	2.588	96

Thời điểm này, hộ nghèo tập trung nhiều nhất ở xã Đồn Đạc với 273 hộ. Đây là địa bàn xã khó khăn, địa hình dốc, diện tích đất canh tác nông nghiệp nhỏ, phân tán, rất khó khăn trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng. Trình độ dân trí không đồng đều, số lao động được đào tạo nghề nông nghiệp còn thấp; ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp còn hạn chế; một bộ phận người dân không muốn thoát nghèo, ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước...do vậy xã Đồn Đạc chưa có nhiều động lực để phát triển kinh tế. Xã Lương Mông và Thị trấn Ba Chẽ đã đạt chỉ

tiêu nông thôn mới; dân số của xã ít hơn nhiều so với các địa phương còn lại. Vì vậy, cách so sánh về số hộ nghèo chỉ mang lại cách đánh giá tương đối, chưa phản ánh được hết đặc điểm nghèo của từng địa bàn xã, thị trấn của huyện. Về tỷ lệ hộ nghèo theo độ tuổi, từ 31 đến 45 tuổi có số hộ nghèo lớn nhất là 478 (chiếm 36,8%); từ 61 tuổi trở lên có số hộ nghèo lớn nhất là 189 hộ (chiếm 14,5%) . Với mục tiêu xóa bỏ hộ nghèo, huyện Ba Chẽ đã triển khai tích cực các nhiệm vụ, giải pháp giảm nghèo bền vững. Việc triển khai thực hiện hiện Chương trình giảm nghèo đã được triển khai một cách có đồng bộ, khoa học, nguồn lực bố trí cho công tác giảm nghèo của huyện chủ yếu là kinh phí điều tra rà soát hộ nghèo, kinh phí vay vốn giải quyết việc làm, các lĩnh vực khác chủ yếu là do kinh phí vận động xã hội hóa để triển khai thực hiện chương trình. Sau 5 năm thực hiện chương trình giảm nghèo, huyện đã bước đầu đạt được thành tựu khả quan.

Kết quả cụ thể được thể hiện rõ ở bảng dưới đây.

Bảng 2.2. Bảng so sánh số hộ nghèo và tỷ lệ hộ nghèo qua các năm

Đơn vị tính: hộ

STT	Năm	Số hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo (%)
1	2015	1.744	34,7
2	2016	1.350	25,91
3	2017	1.052	19,91
4	2018	502	9,44
5	2019	415	8,11
6	2020	413	8,07
7	2021	47	0,85
8	2022	195	1,85
9	2023	39	1,05
10	2024	0	chỉ còn cận nghèo 1% theo tiêu chí của tỉnh

Đến năm 2020, tổng số hộ nghèo trên toàn huyện còn 413 hộ, giảm 1.331 hộ so với năm 2015. Tỷ lệ hộ nghèo chỉ còn 8,07% giảm 26,63%.

Như vậy, chỉ sau 5 năm, số hộ nghèo huyện đã giảm từ 1.744 xuống còn 413 hộ, tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 34,7% xuống còn 8,07%, đạt 108,6% kế hoạch đề ra. Đây là một kết quả rất đáng khích lệ, thể hiện sự quyết tâm chính trị cao của cả hệ thống chính trị và sự đầu tư có hiệu quả các nguồn lực cho việc thực hiện các chính sách giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện.

Khi tiêu chí giảm nghèo đơn chiều (chỉ căn cứ vào tiêu chí thu nhập) được áp dụng để đánh giá, hộ nghèo và cận nghèo trên địa bàn huyện chưa được tiếp cận đầy đủ các chính sách hỗ trợ về giáo dục, y tế, nhà ở, tín dụng, đào tạo nghề, giải quyết việc làm v.v.. Đặc biệt là cơ sở hạ tầng, đời sống văn hoá tinh thần người dân khu vực nông thôn đã được tăng cường đầu tư nhưng chưa đồng bộ gắn với quá trình xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên, so sánh năm 2015 với năm 2017 khi áp dụng chuẩn nghèo đa chiều theo Quyết định 59 của Thủ tướng Chính phủ (tiêu chí giảm nghèo không chỉ căn cứ vào mức thu nhập mà còn căn cứ vào mức độ tiếp cận các dịch vụ thiết yếu như y tế, giáo dục, nhà ở, việc làm, v.v..), tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo của huyện Ba Chẽ có xu hướng tăng lên. Qua rà soát theo chuẩn nghèo mới, hiện toàn huyện có **1.052** hộ nghèo, chiếm **19,91%**, tăng gấp đôi so với cách tiếp cận nghèo đơn chiều. Có những hộ gia đình mức thu nhập bình quân đầu người trên 700.000,đ/người/tháng khu vực nông thôn; trên 900.000,đ/người/tháng khu vực thành thị. Nhưng khi chấm điểm tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản thì không có điểm bởi vì một bộ phận nhân dân không đầu tư xây mới, sửa chữa nhà ở, không trang sắm các vật dụng thiết yếu trong gia đình như ti vi, xe

máy, nhà tiêu hợp vệ sinh... đa số là thiếu hụt từ 03 dịch vụ trở lên.

Bảng 2.3. Bảng số liệu hộ nghèo năm 2017
theo Quyết định số 59 của Thủ tướng Chính phủ

Số TT	Đơn vị	Tổng số hộ dân trên địa bàn cuối năm 2017	Kết quả rà soát năm 2017			
			Hộ nghèo		Hộ cận nghèo	
			Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)
1	Lương Mông	382	32	8,38	36	9,42
2	Minh Cầm	136	22	16,2	33	24,26
3	Đạp Thanh	534	122	22,8	116	21,72
4	Thanh Lâm	498	39	7,83	85	17,07
5	Thanh Sơn	432	115	26,6	129	29,86
6	Nam Sơn	700	148	21,1	89	12,71
7	Đồn Đạc	1.410	554	39,3	292	20,71
8	TT Ba Chẽ	1.192	20	1,68	28	2,35
	Cộng	5.284	1.052	19,91	808	15,29

2. Đánh giá thực trạng thực thi chính sách giảm nghèo bền vững ở huyện Ba Chẽ

2.1. Khái quát một số nội dung chính sách giảm nghèo bền vững ở huyện Ba Chẽ

2.1.1. Chính sách hỗ trợ, giao đất sản xuất cho hộ nghèo DTTS thiếu đất sản xuất: Huyện đã tiến hành giao đất cho 209 hộ dân có khó khăn về đất sản xuất trên địa bàn: Trong đó: Đất lâm nghiệp: đã cấp 526,4 ha cho 189 hộ. Đất nông nghiệp: đã cấp 3,2ha (32.280,2m²) cho 20 hộ. Toàn bộ diện tích đất trên đã được bàn giao và đưa vào sản xuất có hiệu quả (trồng keo là chủ yếu), góp phần nâng cao đời sống của nhân dân các

xã vùng cao trong huyện.

2.1.2. Hỗ trợ sản xuất, dạy nghề, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người nghèo

Hàng năm UBND huyện xây dựng và triển khai thực hiện chương trình, đào tạo nghề và giải quyết việc làm, thực hiện các chính sách hỗ trợ tạo việc làm, dạy nghề cho lao động là người nghèo. Thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Tuy vậy công tác dạy nghề chưa đáp ứng yêu cầu thực tế, tỷ lệ lao động qua đào tạo còn thấp so với các địa phương trong tỉnh. Số lao động có việc làm thường xuyên 13.534/13.811 người đạt 98%; tạo việc làm mới cho 2.660 lao động, trung bình hàng năm giải quyết cho 532 lao động có việc làm ổn định; một bộ phận người nông dân được chuyển đổi nghề nghiệp tham gia vào lĩnh vực thương mại, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và công nghiệp, thu nhập nâng lên góp phần tích cực trong công tác giảm nghèo.

Bảng 2.4. Bảng số liệu thực hiện chương trình đào tạo nghề, giải quyết việc làm từ năm 2015 đến năm 2025

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2015	Kế hoạch đến hết năm 2020	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020	Thực hiện/Kế hoạch (%)	Năm 2020/2015 (%)	Dự kiến đến năm 2025
I	DẠY NGHỀ, VIỆC LÀM											
1	Dạy nghề cho LĐ nông thôn	Người	168		130	100	122	140	100			
2	Giải quyết việc làm mới	Lao động	460	500	480	510	520	550	550	110	120	550
3	Chuyển đổi nghề nghiệp NN sang phi NNN (tính lũy kế)	Lao động	255		408	535	725	978	1,228			2.100
4	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	32	60	40	46,7	53,1	63,5	65	105,8	108,3	75

2.1.3. Về chính sách bảo hiểm y tế, khám chữa bệnh cho người nghèo

Từ năm 2016 đến năm 2020 cấp 71.002 lượt thẻ (năm 2016: 15.973 thẻ ; năm 2017: 16.082 thẻ; năm 2018: 17.497 thẻ; năm 2019: 21.450 thẻ). Tổ chức khám, chữa bệnh cho 143.886 lượt người (Trạm Y tế xã, thị trấn: 70.433 lượt; Trung tâm Y tế huyện 73.453 lượt); phối hợp với 07 đơn vị bệnh viện tuyến tỉnh khám chữa bệnh và phát thuốc cho nhân dân các xã vùng cao (khám 12.944 lượt người, cấp phát thuốc cho 10.828 người); hỗ trợ 4.928 bệnh nhân nghèo với tổng số tiền chi trả là 1.757.395.600đ. Trung tâm Y tế huyện được đầu tư sửa chữa, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị y tế hiện đại với tổng kinh phí 32.816 triệu đồng. Xây mới Phân trạm Y tế Bắc Xa - xã Đạp Thanh, Trạm Y tế xã Thanh Sơn; sửa chữa, nâng cấp Trạm Y tế xã Đồn Đạc, Trạm Y tế xã Minh Cầm với tổng kinh phí trên 32.816 triệu đồng đáp ứng nhu cầu chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Đảm bảo cung ứng đủ thuốc thiết yếu theo quy định, có chất lượng đáp ứng nhu cầu phòng bệnh, chữa bệnh cho nhân dân, quản lý và sử dụng thuốc đúng quy chế, an toàn, hợp lý và hiệu quả; tinh thần thái độ phục vụ nhân dân của cán bộ,

nhân viên y tế ngày càng được cải thiện, nâng cao; 8/8 trạm y tế xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 98%.

2.1.4. Thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh nghèo về giáo dục, đào tạo

Các chế độ miễn giảm học phí và các khoản đóng góp khác cho học sinh nghèo; các chính sách cho sinh viên, học sinh con hộ nghèo theo học tại các trường đều được giải quyết theo quy định, tạo cơ hội cho người nghèo có điều kiện hơn trong học tập. Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2023-2024 thực hiện tốt các chính sách của Trung ương và của Tỉnh đối với học sinh: (1) Miễn giảm học phí cho học sinh hộ nghèo và cận nghèo: 17.269 lượt học sinh hỗ trợ 1.437.953.000đ (trong đó: 13.435 lượt học sinh con hộ nghèo hỗ trợ 1.123.463.000đ, 3.834 lượt học sinh con hộ cận nghèo hỗ trợ 314.490.000đ). (2) Hỗ trợ chi phí học tập: 17.246 lượt học sinh hỗ trợ 7.770.200.000 đ (trong đó: 10.622 lượt học sinh con hộ nghèo hỗ trợ 4.773.100.000đ, 6.624 lượt học sinh con hộ cận nghèo hỗ trợ 2.997.100.000đ). (3) Hỗ trợ tiền ăn cho học sinh bán trú: 9.007 lượt học sinh hỗ trợ 15.452.400.000đ (trong đó: 5,046 lượt học sinh bán trú tuần hỗ trợ 4.773.100.000đ, 3.961 lượt học sinh bán trú ngày hỗ trợ 2.997.100.000đ). Thông qua việc triển khai các chính sách, cơ chế đã hỗ trợ được nhiều hộ gia đình nghèo, đặc biệt là hộ ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn có thêm động lực đưa con đến trường, góp phần tăng tỷ lệ huy động trẻ đến lớp, giảm bớt khó khăn cho các hộ nghèo.

2.1.5. Thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở:

Giai đoạn 2015-2024, trên địa bàn huyện có 1.605 hộ xây mới và cải tạo nhà ở, kinh phí trên 1.073 tỷ đồng với diện tích sàn: 49.715 m², kinh phí thực hiện của các hộ là 181,312 tỷ đồng. Tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực từ ngân sách nhà nước và huy động xã hội hóa 35.380 triệu đồng để thực hiện công tác giảm nghèo, trong đó: (1) Hỗ trợ cơ sở hạ tầng

14.620 triệu đồng¹; (2) Hỗ trợ nhà ở: 20.760 triệu đồng; đã triển khai hỗ trợ 802 hộ với tổng kinh phí 20.250 triệu đồng², số kinh phí còn 510 triệu đồng tiếp tục hỗ trợ nhà cho các đối tượng năm 2020³.

2.1.6. Hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo:

Hỗ trợ tiền điện cho 5.213 lượt hộ nghèo, hộ chính sách xã hội trên địa bàn huyện với tổng số kinh phí 3.112.164.316,đ⁴.

2.1.7. Thực hiện Dự án nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo:

Trong 10 năm (2015-2024) đã tổ chức 50 lớp tập huấn cho trên 4.500 lượt cán bộ cấp huyện, cấp xã và cán bộ thôn, bản, khu phố trực tiếp làm công tác giảm nghèo, bao gồm các nội dung: chế độ, chính sách của Nhà nước về giảm nghèo; quy trình giám sát, đánh giá, bình xét, quản lý hộ nghèo; trách nhiệm của cán bộ trực tiếp làm công tác giảm nghèo. Qua lớp tập huấn các cán bộ được trang bị kiến thức làm công tác giảm nghèo và đã trực tiếp tổ chức bình xét hộ nghèo hàng năm đạt chất lượng cao hơn.

Ban chỉ đạo giảm nghèo của huyện được phân công phụ trách, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các xã, thị trấn thực hiện hoạt động giám sát, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các tiêu chí giảm nghèo bền vững ở cơ sở.

¹ (1) Xây dựng trường học 11.520 triệu đồng (Tập đoàn than KS Việt Nam hỗ trợ xây dựng trường PT DTBT THCS Nam Sơn 10.000 triệu đồng; Ban chỉ huy quân sự tỉnh hỗ trợ xây dựng điểm trường tiểu học thôn Làng Han, xã Đồn Đặc 1.000 triệu đồng và xây dựng nhà ăn điểm trường mầm non thôn Cái Gian, xã Nam Sơn 320 triệu đồng; Công đoàn Sở Lao động - TB&XH hỗ trợ xây dựng khu vui chơi trẻ em điểm trường mầm non và tiểu học thôn Làng Han, xã Đồn Đặc 200 triệu đồng); (2) Cầu lạc bộ Bóng đá than Quảng Ninh hỗ trợ làm đường Đồn Đặc 300 triệu; (3) Doanh nghiệp Cẩm Phả hỗ trợ tôn tạo di tích lịch sử Miếu Ông - Miếu Bà 2.800 triệu đồng.

² Số hộ hỗ trợ: 802 hộ; kinh phí: 20.250 triệu đồng, gồm:

(1) Hỗ trợ từ ngân sách: 141 hộ, 5.700 triệu đồng, chia ra: ngân sách tỉnh hỗ trợ 128 hộ, 4.970 triệu đồng (hỗ trợ 96 hộ người có công giai đoạn 2: 4.170 triệu đồng; hỗ trợ hộ nghèo Đề án 167 - giai đoạn 2: 32 hộ, 800 triệu đồng), ngân sách huyện hỗ trợ 13 hộ, 730 triệu đồng (hỗ trợ nhà ở NCC giai đoạn 1: 10 triệu đồng; hộ NCC tự xây dựng sửa chữa giữa 2 giai đoạn: 13 hộ, 720 triệu đồng).

(2) Nguồn lực xã hội hóa: 14.550 triệu đồng, đã hỗ trợ 661 hộ với tổng kinh phí 14.550 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn lực huy động khác tiếp nhận từ tỉnh: 428 hộ, 11.400 triệu đồng (Quỹ Vì người nghèo tỉnh: 377 hộ, 9.425 triệu đồng; Hội Bảo trợ NKT-TMC tỉnh: 07 hộ, 350 triệu đồng; Hội CTĐ tỉnh: 01 hộ, 50 triệu đồng; cơ quan, đơn vị, tổ chức, ban ngành đoàn thể tỉnh: 43 hộ, 1.575 triệu đồng);

- Nguồn do huyện huy động: 3.150 triệu đồng, đã hỗ trợ 233 hộ với 3.150 triệu đồng; còn 510 triệu đồng, tiếp tục hỗ trợ nhà cho các đối tượng năm 2020.

⁴(1) Năm 2016: 1.891 hộ (1.774 hộ nghèo, 117 hộ chính sách xã hội), kinh phí 1.111.908.000,đ. (2) Năm 2017: 1.475 hộ (1.350 hộ nghèo, 125 hộ chính sách xã hội), kinh phí 867.300.000,đ. (3) Năm 2018: 1.168 hộ (1.052 hộ nghèo, 116 hộ chính sách xã hội), kinh phí thực 716.455.000,đ. (4) Năm 2019: 679 hộ (502 hộ nghèo, 177 hộ chính sách xã hội), kinh phí 416.501.316,đ.

Việc giám sát, đánh giá về việc làm, thu nhập của lao động trong hộ nghèo, nhất là những hộ nghèo có khả năng thoát nghèo được coi trọng và quan tâm thường xuyên; trên cơ sở đó cán bộ làm công tác giảm nghèo nắm rõ tình hình và tạo điều kiện hướng dẫn, động viên họ chọn cách sử dụng nguồn lực phát triển kinh tế có hiệu quả. Mặt khác qua thực hiện giám sát, đánh giá cán bộ làm công tác giảm nghèo có điều kiện giúp đỡ hộ nghèo, người nghèo tiếp cận các nguồn tín dụng; tiếp cận kiểm tra việc thực hiện những dịch vụ xã hội của các cơ quan nhà nước dành cho mình; góp phần nâng cao hiệu quả của việc thực hiện các chế độ, chính sách đối với hộ nghèo và người nghèo.

2.1.8. Chính sách hỗ trợ người nghèo tiếp cận các dịch vụ trợ giúp pháp lý

Mục đích của việc hỗ trợ người nghèo tiếp cận các dịch vụ trợ giúp pháp lý là nhằm giúp cho người nghèo được đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của bản thân và gia đình dù không có đầy đủ các điều kiện về kinh tế, đặc biệt giúp họ nhận thức và am hiểu được về pháp luật theo chủ trương của Đảng và Nhà nước.

Trong những năm qua, được sự chỉ đạo của UBND huyện, Trung tâm Truyền thông và Văn hóa huyện đã phối hợp chặt chẽ với phòng Tư pháp và các ngành, các xã, thị trấn tổ chức tuyên truyền sâu rộng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác giảm nghèo bằng nhiều hình thức khác nhau, trong đó chú trọng đến việc phổ biến, tuyên truyền các quy định của pháp luật tới các đối tượng người nghèo, nhất là các đối tượng ở vùng núi, đồng bào dân tộc thiểu số các luật cơ bản như Luật dân sự, luật hình sự, luật hôn nhân và gia đình... góp phần nâng cao nhận thức, sự tự giác của người dân trong việc chấp hành các quy định pháp luật. Chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả hoạt động trợ giúp pháp lý giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn huyện; tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật lồng ghép với hoạt động trợ giúp pháp lý tại 8/8 xã thị trấn với 15 điểm tại các thôn, khu cho hơn 5.000 lượt người; xây dựng, cung cấp hơn 9.100 tờ gấp pháp luật, sách pháp luật tuyên truyền về Luật Trợ giúp pháp lý và các Luật khác có liên quan; 200 cuốn tài

liệu Hỏi đáp về trợ giúp pháp lý cung cấp cho các đơn vị cơ sở và nhân dân. Phối hợp với Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh thực hiện công tác tuyên truyền PBGDPL, trợ giúp pháp lý lưu động, trực tiếp cho 11 lượt xã, thị trấn với 1.427 người tham gia. Tuy nhiên, các hộ nghèo tiếp cận với các chính sách trợ giúp pháp lý còn ít, hầu hết các hộ nghèo còn chưa nhận thức được lợi ích của việc trợ giúp pháp lý, nên chưa có sự vận dụng, tiếp nhận hiệu quả chính sách hỗ trợ từ các cơ quan nhà nước.

2.1.9. Chính sách triển khai tín dụng ưu đãi:

Hoạt động tín dụng ngân hàng được mở rộng, tăng trưởng cả về số lượng và chất lượng. Tổng doanh số cho vay của các ngân hàng trong huyện đạt 1.273 tỷ đồng (bằng 175% so với năm 2015, tăng 126 tỷ đồng); tổng dư nợ vốn tín dụng 460 tỷ đồng; nợ xấu còn 312 triệu đồng (chiếm 0,068% so với tổng dư nợ). Vốn vay được sử dụng đúng mục đích, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó có trên 2.000 lượt hộ nghèo vay vốn tập trung chủ yếu cho phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; số còn lại là công nghiệp, xây dựng, thương mại, dịch vụ và nhiệm vụ khác; trên 1.300 hộ vay vốn giải quyết việc làm. Hộ nghèo đã có nhiều cơ hội tiếp cận nguồn vốn và vốn vay được sử dụng đúng mục đích, đạt hiệu quả thiết thực theo đúng chủ trương chuyển dịch cơ cấu kinh tế và thực hiện chương trình giảm nghèo của địa phương. Thông qua nguồn vốn tín dụng ưu đãi, hộ nghèo làm ăn có hiệu quả, vươn lên thoát nghèo.

Bảng 2.5. Bảng số liệu Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện Chương trình					Năm 2024
			2016	2017	2018	2019	2020	
1	2	2	4	5	6	7	8	
A	Chương trình 135		19.810	39.300	71.076	73.869	47.579	

I	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã ĐBKk, xã biên giới, xã an toàn khu; và các thôn, bản ĐBKk		17.560	30.305	61.490	72.453	47.579	
1	Tổng ngân sách, trong đó:	Triệu đồng						
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng						
	- Sự nghiệp	Triệu đồng						
1,1	Ngân sách trung ương, trong đó:	Triệu đồng						
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng						
	- Sự nghiệp	Triệu đồng						
1,2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	17.560	30.305	61.490	72.453	47.579	
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng	17.560	30.305	61.490	72.453	47.579	
	- Sự nghiệp	Triệu đồng						
1,3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng						
2	Kết quả thực hiện		17	32	36	56		
2,1	Số công trình đầu tư được khởi công mới (theo từng loại công trình)	Công trình	12	29	20	46	2	
2,2	Số công trình được đầu tư chuyển tiếp (theo từng loại công trình)	Công trình	2	3	16	4	31	
2,3	Số công trình được duy tu bảo dưỡng (theo từng loại công trình)	Công trình	3			6	2	
3	Tổng số xã	Xã	7	7	7	7		
4	Tổng số thôn bản	Thôn bản	66	66	66	65		
II	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân		2.250	8.915	9.380	1.266		36.000

	rộng mô hình giảm nghèo bền vững trên địa bàn xã ĐBK, xã biên giới, xã an toàn khu; và các thôn, bản ĐBK							
1	Tổng ngân sách	Triệu đồng						
1,1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng						
1,2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	2.250	8.915	9.380	1.266		
1,3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng						
2	Kết quả thực hiện							
	- Số dự án PTSX							
	+ Số người được hỗ trợ	Người	248	992	964	127		
	+ Số dự án được triển khai (theo từng loại dự án)	Dự án	20	13	26	15		
	- Số mô hình NRMHGN							
	+ Số người được hỗ trợ	Người						
	+ Số mô hình được triển khai (theo từng loại mô hình)	Mô hình						
III	Tiểu dự án 3: Nâng cao năng lực cán bộ cơ sở và cộng đồng trên địa bàn xã ĐBK, xã biên giới, xã an toàn khu; và các thôn, bản ĐBK			80	206	150		75.000
1	Tổng ngân sách	Triệu đồng						
1,1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng						
1,2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng		80	206	150		
1,3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng						
2	Kết quả thực hiện							

	- Hoạt động đào tạo, tập huấn cán bộ (theo các loại hoạt động)							
	+ Số lớp đào tạo, tập huấn	Lớp		1	1	1		
	+ Số cán bộ được đào tạo, tập huấn	Cán bộ		35	35	35		
	- Hoạt động đào tạo, tập huấn cộng đồng (theo các loại hoạt động)							
	+ Số lớp đào tạo, tập huấn	Lớp		1	2	1		
	+ Số người dân được đào tạo, tập huấn (cộng đồng)	Lượt người		76	150	76		
B	Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững (trên địa bàn xã ngoài Chương trình 135 và Chương trình 30a)							
1	Tổng ngân sách	Triệu đồng						
1,1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng						
1,2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	238	450	525	750	600	
1,3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng						
2	Kết quả thực hiện							
	- Số dự án PTSX							
	+ Số người được hỗ trợ	Người						
	+ Số dự án được triển khai (theo từng loại dự án)	Dự án						
	- Số mô hình NRMHGN		3	1	1	1	1	
	+ Số người được hỗ trợ	Người	45	30	35	50	40	
	+ Số mô hình được triển khai (theo từng	Mô hình						

	loại mô hình)							
--	---------------	--	--	--	--	--	--	--

2.1.10. Chính sách hỗ trợ nước sạch - vệ sinh: Ban hành một số văn bản thực hiện cơ chế hỗ trợ sử dụng nước sạch, di chuyển kết hợp xây mới hoặc xây dựng mới chuồng trại chăn nuôi, nhà tiêu hợp vệ sinh nông thôn trên địa bàn huyện. Triển khai thực hiện chương trình di dân ra khỏi vùng thiên tai, sạt lở, lũ quét trên địa bàn huyện với tổng số 73 hộ, kinh phí hỗ trợ cho các hộ dân là 2.325 triệu đồng. Các hộ dân sau khi di chuyển có cuộc sống ổn định, nhà cửa rộng rãi, đảm bảo 3 cứng, được tiếp cận các dịch vụ công ích (giáo dục, y tế, văn hóa xã hội...) và thụ hưởng các công trình công cộng có tác động tích cực đến sinh hoạt, sản xuất của nhân dân; các hộ dân có điều kiện thuận lợi để giao lưu, trao đổi, học hỏi kinh nghiệm, áp dụng các tiến bộ, khoa học kỹ thuật vào sản xuất, phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập. Tỷ lệ dân số nông thôn trên địa bàn huyện được sử dụng nước hợp vệ sinh năm 2016 là 96,5% đến năm 2019 là 99% (tăng 2,5%); tỷ lệ hộ dân nông thôn có nhà tiêu hợp vệ sinh năm 2016 là 65% đến năm 2019 là 90% (tăng 25%).

2.1.11. Hoạt động tham gia của các tổ chức đoàn thể với phong trào xóa đói, giảm nghèo

Với nhiều hình thức, nội dung thực hiện đa dạng, phong phú, hoạt động tham gia công tác giảm nghèo của Ủy ban mặt trận tổ quốc, Đoàn thanh niên huyện và các tổ chức hội, đoàn thể để giúp đỡ hội viên, đoàn viên nghèo thoát nghèo bền vững có ý nghĩa hết sức quan trọng đóng góp vào kết quả chung của chương trình. Các hoạt động tập trung vào việc vận động quần chúng thực hiện tốt các nhiệm vụ như Chương trình xây dựng nông thôn mới; vận động các hội viên, đoàn viên tham gia các mô hình phát triển sản xuất thoát nghèo, tham gia các phong trào thi đua. Thông qua các mô hình, phong trào cụ thể gắn với xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo của các Hội, tổ chức đoàn thể như Hội Nông dân với phong trào “Hộ nông dân

sản xuất kinh doanh giỏi”; công đoàn với phong trào “Doanh nghiệp giỏi-cơ quan văn hóa-Mái ấm công đoàn”; Hội Phụ nữ thực hiện mô hình “5 không 3 sạch, Mái ấm tình thương”; Đoàn thanh niên giúp các gia đình thanh niên trẻ nghèo thoát nghèo, di dời chuồng trại chăn nuôi; Hội Cựu chiến binh giúp đỡ hội viên nghèo có địa chỉ, phòng trào “Thắp sáng đường quê”; UBMTTQ với các hoạt động vì người nghèo, ngày đại đoàn kết toàn dân,...đã làm chuyển tư tưởng, nhận thức của hội viên, đoàn viên, nhân dân địa phương, đặc biệt là các hộ nghèo, từ đó đóng góp phần quan trọng trong thực hiện Chương trình giảm nghèo của huyện.

2.2. Kết quả thực thi chính sách giảm nghèo bền vững ở huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh

Trong phần này, tác giả xin phân tích một số bước cơ bản trong thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Ba Chẽ.

2.2.1. Xây dựng kế hoạch triển khai chính sách giảm nghèo bền vững

Chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện đã được các cấp uỷ Đảng, chính quyền; các ban, ngành, đoàn thể, các cơ quan, doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn huyện tích cực hưởng ứng, tham gia thực hiện nghiêm túc và đạt kết quả tốt. Trong quá trình thực hiện luôn bám sát các quy định của cấp trên và cụ thể hơn cho phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. Để triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình giảm nghèo trên địa bàn huyện, HĐND huyện đã xây dựng nghị quyết chuyên đề về giảm nghèo giai đoạn 2011 - 2016 và hàng năm. HĐND huyện đã đưa chỉ tiêu giảm nghèo hàng năm thành một chỉ tiêu KT-XH quan trọng vào Nghị quyết kỳ họp HĐND huyện đầu năm và giao cho UBND huyện thực hiện. Căn cứ Nghị quyết của HĐND huyện, UBND huyện đã phân bổ và giao chỉ tiêu kế hoạch giảm nghèo cụ thể cho các xã, thị trấn và đưa vào chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ KT-XH của huyện trong năm. Đồng

thời Huyện uỷ, HĐND, UBND huyện đã ban hành nhiều văn bản khác và quán triệt trong các hội nghị của huyện để lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chương trình giảm nghèo trên địa bàn huyện, như sau:

Ban hành Nghị quyết số 26/2011/NQ-HĐND ngày 28/12/2011 về thông qua một số cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất Nông-Lâm-Ngư nghiệp trên địa bàn huyện giai đoạn 2011-2015; Quyết định số 1962/QĐ-UBND ngày 20/10/2011 về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình giảm nghèo huyện Ba Chẽ giai đoạn 2011-2015; Quyết định số 386/2012/QĐ-UBND ngày 10/4/2012 về phân bổ vốn hỗ trợ phát triển sản xuất; Nghị quyết số 29, 30/NQ-HĐND về chính sách động viên khuyến khích hộ thoát nghèo bền vững, hỗ trợ xây công nghĩa trang nhân dân và mai táng trong nghĩa trang nhân dân giai đoạn 2012-2015; Nghị quyết số 11-NQ/HU ngày 08/3/2013 về đẩy mạnh thực hiện giảm nghèo bền vững trong đoàn viên thanh niên giai đoạn 2013-2015; Quyết định số 425-QĐ/HU ngày 28/2/2015 về thành lập Ban vận động tuyên truyền, vận động nhân dân xóa bỏ tập quán lạc hậu trên địa bàn huyện; Quyết định số 2579/QĐ-UBND ngày 16/12/2015 về việc thành lập BCD thực hiện Chương trình Giảm nghèo huyện Ba Chẽ giai đoạn 2016-2020; UBND huyện ban hành Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 02/12/2015 về Tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015; Quyết định số 2579/QĐ-UBND ngày 16/12/2015 về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình giảm nghèo huyện Ba Chẽ giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 203/KH-UBND ngày 07/9/2017 về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2017 trên địa bàn huyện; Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 09/02/2017 về việc giao chỉ tiêu giảm nghèo năm 2017; Quyết định số 2702/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện về việc phê duyệt kết quả, danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2017 trên địa bàn huyện Ba Chẽ...

Hàng năm đều ban hành đầy đủ các kế hoạch, văn chỉ đạo, điều hành và

triển khai thực hiện Chương trình giảm nghèo trên địa bàn huyện đề ra các mục tiêu và giải pháp cụ thể để tổ chức thực hiện nhằm thực hiện giảm hộ nghèo nhanh và bền vững, gắn với việc thực hiện các tiêu chí của Đề án xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện. Chỉ đạo các xã, thị trấn xây dựng Chương trình, kế hoạch thực hiện chỉ tiêu giảm nghèo hàng năm, hằng năm tổng kết, đánh giá. Các cơ quan, phòng ban chuyên môn; tổ chức hội đoàn thể chính trị xã hội làm tốt công tác tham mưu thực hiện chương trình giảm nghèo trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của đơn vị được phân công; có sự phối kết hợp chặt chẽ trong công tác chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá.

Công tác điều tra, bình xét hộ nghèo theo tiêu chí chuẩn nghèo giai đoạn 2015 - 2024 được tổ chức thực hiện tốt. Các xã và thị trấn đã cơ bản nắm được tình hình hộ nghèo để đề ra kế hoạch cho phù hợp với từng năm, từng địa phương và từng hộ. Tiến hành rà soát, đánh giá hộ nghèo hàng năm theo đúng quy định để từ đó xác định hộ thoát nghèo, tái nghèo và phát sinh nghèo, lập hệ thống sổ sách ghi chép theo dõi và đăng ký chỉ tiêu giảm hộ nghèo cho năm sau. MTTQ và các đoàn thể nhân dân từ huyện đến cơ sở đã thực hiện tốt việc tham gia thực hiện chương trình giảm nghèo. Hàng năm, từng đoàn thể đã xây dựng kế hoạch, thống nhất chương trình hành động do Ủy ban MTTQ chủ trì, cụ thể hóa vào nội dung công tác của từng đoàn thể, cơ sở để thực hiện. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của quần chúng nhân dân về chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước đối với người nghèo, động viên các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào toàn dân và cộng đồng xã hội thực hiện công tác giảm nghèo. Các nội dung tuyên truyền được tổ chức tại thôn, khu, xã thị trấn với nhiều hình thức như: sinh hoạt hội viên, đoàn viên, tuyên truyền qua hệ thống loa truyền thanh...từ đó chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước đối với người nghèo đã đi vào cuộc sống cộng đồng dân cư. Tích cực phối hợp với các cơ quan chức

năng của huyện mở các lớp tập huấn, chuyển giao kỹ thuật về chăn nuôi, trồng trọt, sử dụng giống mới...Phối hợp thực hiện tốt quỹ “Vì người nghèo”. Các đoàn thể như: Hội CCB, Hội phụ nữ, Hội nông dân đã thực hiện tốt việc đứng ra tín chấp với ngân hàng CSXH huyện cho người nghèo vay vốn phát triển sản xuất, từ đó giúp cho đoàn viên, hội viên và người nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập, góp phần tích cực vào công tác giảm nghèo của Huyện.

2.2.2. Tuyên truyền, phổ biến chính sách

Tuyên truyền thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững ở Ba Chẽ có vai trò quan trọng trong việc giáo dục, trợ giúp pháp lý nâng cao nhận thức, hiểu biết, giúp người nghèo có thể nắm bắt và hiểu được chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách XĐGN của nhà nước để họ yên tâm lao động sản xuất, tích cực, chủ động tham gia vào quá trình thực hiện chính sách hướng tới đạt được các mục tiêu của chính sách.

Công tác vận động tuyên truyền về chính sách giảm nghèo bền vững ở Ba Chẽ đã giúp cho người nghèo nhận thức được tầm quan trọng của chính sách trong phát triển kinh tế xã hội, đồng thời giúp cho người nghèo nhận thức được vai trò, trách nhiệm của mình trong việc thực hiện chính sách, tự giác vươn lên cùng với Nhà nước chung tay XĐGN cho chính bản thân mình góp phần thực hiện thành công cuộc chiến chống đói nghèo của Nhà nước. Mặt khác công tác tuyên truyền thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững đã cung cấp và trang bị cho người nghèo những kiến thức cơ bản về sản xuất, nuôi trồng qua đó xóa bỏ tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào sự giúp đỡ của nhà nước, của cộng đồng của không ít hộ nghèo, xã nghèo hiện nay. Cùng với việc ban hành kế hoạch chỉ đạo thực hiện công tác giảm

nghèo và chỉ đạo thành lập các đoàn đi rà soát, điều tra hộ nghèo và hộ cận nghèo, huyện Ba Chẽ đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho nhân dân.

Trong quá trình thực hiện công tác tuyên truyền thực hiện chính sách đã có sự tham gia tích cực, chủ động của các tổ chức chính trị - xã hội như: Mặt trận tổ quốc các cấp đã chủ trì, phối hợp với các tổ chức thành viên chỉ đạo các cấp hội cơ sở tổ chức tốt công tác tuyên truyền, vận động hội viên và toàn dân hưởng ứng, tham gia các cuộc vận động hỗ trợ giúp đỡ giảm nghèo nhanh và bền vững như: phong trào ngày vì người nghèo, phong trào toàn dân xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư..., xây dựng nông thôn mới; động viên, khích lệ tính tự chủ của người dân vươn lên thoát nghèo. Công tác vận động tuyên truyền đã được quan tâm thực hiện nhưng chưa được thường xuyên, phần lớn mới chỉ tập trung ở những khu dân cư đông đúc. Ở những vùng sâu, vùng miền núi, do điều kiện đi lại khó khăn, công tác tuyên truyền gần như được giao cho cấp xã, cấp xã lại giao cho thôn, bản. Điều này làm cho công tác tuyên truyền thiếu hẳn tính đồng bộ và khó kiểm soát. Đây cũng chính là nguyên nhân dẫn đến tình trạng người dân ở các vùng sâu, vùng xa của huyện đói thông tin về chính sách thậm chí là hiểu sai về chính sách.

Sau khi có các văn bản chỉ đạo của Trung ương và tỉnh Quảng Ninh về thực hiện Chương trình mục tiêu Giảm nghèo giai đoạn 2011-2015, 2016-2020; hàng năm UBND huyện tích cực chỉ đạo BCĐ Giảm nghèo huyện, tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về giảm nghèo đến người dân. Từ năm 2011 đến nay, các cơ quan chuyên môn của huyện, phối hợp với ngành chức năng của tỉnh in và cấp trên 8.500 tờ rơi tuyên truyền về Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2015 - 2024, tổ chức truyền thông cho trên 8.500 lượt người dân về nội dung các chính sách giảm nghèo trên địa bàn tỉnh và huyện; xây dựng các phóng sự, tin, bài tuyên truyền về công tác giảm nghèo, các mô hình, cách làm hay của người dân vươn lên

thoát nghèo... Thông qua công tác tuyên truyền đã giúp các hộ nghèo nắm rõ hơn chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác giảm nghèo, đồng thời giúp cho hộ nghèo tiếp cận và áp dụng hiệu quả khoa học kỹ thuật vào sản xuất để từng bước vươn lên phát triển kinh tế thoát nghèo và thoát nghèo bền vững.

2.2.3. Xây dựng bộ máy và đội ngũ cán bộ thực hiện chính sách

Ở huyện: thành lập Ban chỉ đạo giảm nghèo, do đồng chí Chủ tịch UBND huyện làm Trưởng ban và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong Ban chỉ đạo.

Ở cấp xã: thành lập, củng cố và nâng cao năng lực của Ban chỉ đạo giảm nghèo các xã, thị trấn; các thôn, bản đều có cán bộ tại chỗ làm công tác giảm nghèo; thường xuyên quán triệt chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước về giảm nghèo. Phối hợp các tổ chức đoàn thể, chỉ đạo việc lồng ghép, triển khai thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững ở địa phương.

Việc phân công, phối hợp trong tổ chức thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững tại huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh được thực hiện theo mô hình cơ cấu tổ chức tương đối thống nhất từ cấp huyện cho đến cấp xã, thị trấn với các ban giảm nghèo cho đến thôn, làng là các nhóm giảm nghèo.

Cơ cấu tổ chức và mối quan hệ như vậy việc thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững ở Ba Chẽ làm nổi bật một số nội dung chủ yếu sau:

- Xây dựng môi trường pháp lý cần thiết, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để các địa phương và người nghèo trong vùng tự vươn lên, hướng dẫn, huy động nguồn lực, kiểm tra, giám sát và đánh giá, điều chỉnh chính sách và cơ chế hỗ trợ nguồn lực.

- Các phòng, ban chuyên môn của Bá Chẽ được phân công đã trực tiếp phối hợp cùng với các xã để thực hiện công tác điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng tình hình kinh tế - xã hội của các xã, thị trấn để xây dựng kết hoạch tổ chức thực hiện và hướng dẫn các xã nghèo trong việc triển thực hiện chính

sách theo kế hoạch đã được thông qua.

- Các đoàn thể chính trị xã hội của huyện: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Nông dân đã nêu cao vai trò hoạt động của mình trong công tác giảm nghèo, với những nội dung và phương thức hoạt động thiết thực giúp đỡ lẫn nhau để các hộ nghèo có điều kiện về vốn, kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất, thực hiện tốt quy chế dân chủ; qua đó, đã khơi dậy trách nhiệm của cả cộng đồng dân cư với người nghèo, giúp đỡ để người nghèo có điều kiện vươn lên thoát nghèo.

Giữa các cấp, các ngành về phương diện tổ chức và hoạt động của Ban chỉ đạo có sự phân cấp và phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện cụ thể nhằm phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể trong việc tham gia, giám sát thực hiện chính sách, phân công các ban, ngành, tổ chức, đoàn thể, các doanh nghiệp giúp đỡ các xã nghèo với các nội dung thiết thực, nhất là nhiệm vụ xóa nhà tạm cho các hộ nghèo.

- Chính quyền địa phương giữ vai trò xây dựng các kế hoạch hành động cụ thể và tổ chức thực hiện mục tiêu chính sách của địa phương. Các hợp phần, dự án giảm nghèo được xây dựng từ cấp xã đã thu hút được sự tham gia của nhân dân trong việc huy động nguồn lực tại chỗ đóng góp một phần không nhỏ vào hoạt động giảm nghèo, nhân dân tích cực tham gia thực hiện và giám sát hoạt động giảm nghèo.

- Việc phối hợp và lồng ghép các chương trình, chính sách có liên quan trong từng lĩnh vực cụ thể đã được triển khai. Công tác đào tạo, xây dựng và nâng cao năng lực cán bộ cơ sở làm công tác giảm nghèo cũng đã được quan tâm thực hiện bước đầu có kết quả.

Mặc dù đã hình thành mối quan hệ hợp tác theo cả chiều ngang và chiều dọc trong quá trình thực hiện nhưng chưa thực sự thiết lập và thực hiện mối quan hệ hợp tác trong thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững giữa cấp trên với cấp dưới, giữa chính quyền với các tổ chức đoàn thể ở địa

phương với nhau, do đó chưa tạo ra cơ chế lồng ghép, tận dụng tiềm năng thế mạnh giữa các cấp chính quyền với các tổ chức đoàn thể nhân dân ở địa phương để tạo ra chuỗi gắn kết giữa chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm của các bên trong thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững.

2.2.4. Tìm kiếm, huy động các nguồn lực và hiệu quả sử dụng nguồn lực dành cho việc thực hiện chính sách

Các địa phương trong huyện đã tích cực huy động và sử dụng nguồn lực của mình cùng với sự hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước để tổ chức triển khai thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững trên địa bàn. Nguồn lực này chủ yếu tập trung vào các loại nguồn lực cơ bản là nguồn lực về tài nguyên thiên nhiên và nguồn lực vốn.

- Nguồn lực vốn: Nguồn vốn để thực hiện chính sách giảm nghèo được huy động qua các nguồn: ngân sách nhà nước và các tổ chức quốc tế; vốn của các doanh nghiệp trong và ngoài địa phương; vốn huy động từ nhân dân...

Nguồn vốn để thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững ở Ba Chẽ chủ yếu là nguồn ngân sách nhà nước. Nguồn vốn huy động từ các doanh nghiệp và các tổ chức cho chính sách giảm nghèo còn đạt tỷ lệ thấp. Hiện nay, do thiếu nguồn vốn nên việc bố trí vốn cho các nhiệm vụ giảm nghèo chưa được triển khai đồng bộ như việc thực hiện chính sách hỗ trợ sản xuất cho các hộ đăng ký được hỗ trợ máy móc, thiết bị như máy cày, máy bừa, máy say sát, máy phát cỏ, máy bơm...để phục vụ sản xuất và chế biến, bảo quản nông sản sau thu hoạch chưa được triển khai thực hiện. Trong thời gian tới, Huyện tiếp tục xây dựng các đề án để hỗ trợ các mô hình sản xuất, các hợp tác xã, nhóm liên kết nhà nông để phát triển sản xuất gắn với tìm đầu ra cho sản phẩm.

Thực hiện chương trình giảm nghèo trên địa bàn huyện, UBND huyện thường xuyên chỉ đạo huy động các nguồn lực để triển khai thực hiện chương trình đạt kết quả như vận động các doanh nghiệp hỗ trợ xây dựng sửa chữa nhà ở cho hộ nghèo, thăm tặng quà cho các cháu học sinh nghèo học giỏi vượt

khó, tặng quà cho người nghèo nhân dịp tết nguyên đán, tặng sổ tích kiệm, phương tiện sản xuất, con giống vật nuôi cây trồng và nhiều hoạt động khác, để người nghèo ổn định cuộc sống vươn lên thoát nghèo bền vững.

2.2.5. *Giám sát, đánh giá việc thực hiện chính sách*

Trong những năm qua cấp ủy và chính quyền địa phương các xã, thị trấn thuộc Ba Chẽ đã tích cực kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện chính sách giảm nghèo ở địa phương. Trong những năm từ các giai đoạn 2015 – 2020, 2021 - 2025, các địa phương đã ban hành các kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách giảm nghèo trên địa bàn mình đồng thời đơn đốc, chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể của địa phương tích cực tham gia vào công tác kiểm tra giám sát quá trình thực hiện chính sách.

Đảng ủy, Hội đồng nhân dân (HĐND) các xã đều ban hành nghị quyết về chương trình, kế hoạch giám sát việc thực hiện chính sách giảm nghèo hàng năm trên địa bàn. Nhìn chung các kế hoạch kiểm tra giám sát của các địa phương trong vùng đều có những nội dung cơ bản sau:

Thành lập các đoàn kiểm tra, giám sát với các thành viên trong đoàn là đại diện của các phòng, ban, ngành, đoàn thể có liên quan. Qua kiểm tra, giám sát, một số vi phạm trong quá trình chính sách được người dân phản ánh đã được làm rõ và xử lý như: hỗ trợ chưa thực sự đúng đối tượng chính sách, hoặc sự hỗ trợ thiếu kịp thời làm nảy sinh tâm lý không tốt từ phía người dân; việc huy động nguồn lực của xã hội, của nhân dân để thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng cho các xã nghèo nhưng chất lượng công trình không đảm bảo, việc thu chi các khoản đóng góp của dân để hỗ trợ sửa chữa nhà ở cho người nghèo chưa thực sự minh bạch; thủ tục vay vốn của người nghèo ở ngân hàng chính sách còn quá phức tạp làm cho các hộ nghèo khó tiếp cận; sự hỗ trợ về dịch vụ y tế và giáo dục cho người nghèo còn bất cập. Đây cũng là những nội dung mà khi phỏng vấn các hộ nghèo đều cho thấy sự bức xúc của họ.

Qua kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện, các địa phương đã phát hiện ra những hạn chế, bất cập trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện chính sách, Những hạn chế, bất cập được phát hiện trong quá trình kiểm tra, giám sát tập trung vào các nội dung sau:

Thứ nhất, về sự đồng bộ của chính sách. Hiện nay để hướng tới XDGN bền vững hiện có ba nhóm là: chính sách XDGN chung được áp dụng chung cho đối tượng là người nghèo trên phạm vi cả nước; chính sách XDGN cho những vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn như miền núi, hải đảo, vùng sâu vùng xa và chính sách XDGN cho những vùng có người dân là đồng bào dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu dân số.

Kết quả thực hiện chương trình XDGN còn hạn chế do hệ thống chính sách XDGN có sự trùng lặp, dàn trải, thiếu đồng bộ đã thể hiện rõ trong quá trình tổ chức thực hiện. Giữa chính sách ban hành trước và sau chưa có sự kết nối về nội dung, nhiệm vụ để tạo nên hệ thống chính sách đồng bộ, hoàn chỉnh. Nhiều nội dung của chính sách dàn trải và thiếu nguồn lực thực hiện, sự trùng lặp và thiếu thống nhất ở một số hợp phần của chính sách như định canh định cư, sắp xếp ổn định, bố trí dân cư, được thực hiện trong 03 quyết định nhưng định mức hỗ trợ hộ gia đình lại khác nhau. Bên cạnh đó mỗi hợp phần của chính sách XDGN lại quy định cơ chế quản lý, cơ quan thường trực chỉ đạo khác nhau trong cùng một giai đoạn gây khó khăn cho quá trình thực hiện kể cả việc phân bổ ngân sách. 3/5 cán bộ, công chức liên quan đến thực thi chính sách khi được phỏng vấn đã thể hiện sự bức xúc về vấn đề này.

Thứ hai về hiệu quả và tác động của chính sách. 5/5 cán bộ, công chức khi được phỏng vấn cho rằng: Các chính sách giảm nghèo hiện hành được các địa phương đánh giá cơ bản phù hợp, đáp ứng được nhu cầu của người nghèo, nhất là hộ nghèo dân tộc thiểu số; tuy nhiên, do có quá nhiều chính sách giảm nghèo dẫn đến nguồn lực bị phân tán, hiệu quả tác động đến đối tượng thụ

hưởng chưa cao, chưa rõ nét; việc chậm hướng dẫn, sửa đổi một số chính sách đã gây khó khăn cho các địa phương trong việc tổ chức thực hiện.

2.3. Đánh giá kết quả thực thi chính sách giảm nghèo bền vững ở huyện Ba Chẽ

2.3.1. Kết quả thực thi chính sách giảm nghèo bền vững tại huyện Ba Chẽ

*** Thành tựu và nguyên nhân của những thành tựu**

Căn cứ vào những số liệu thực tế, có thể thấy việc thực hiện chính sách giảm nghèo của huyện Ba Chẽ đã đạt được nhiều kết quả khả quan với những mục tiêu và cách thức triển khai rõ ràng, hiệu quả.

Trong 10 năm qua, chương trình giảm nghèo được sự vào cuộc mạnh mẽ của các cấp uỷ đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai đồng bộ, các chính sách giảm nghèo, các chương trình lồng ghép như: Chương trình 135, chương trình xây dựng nông thôn mới, Chương trình 134, hỗ trợ người nghèo vốn triển sản xuất, thực hiện các chính sách an sinh xã hội... Kinh tế-văn hoá xã hội trên địa bàn huyện đạt được hiệu quả cao, diện mạo vùng nông thôn thay đổi rõ rệt. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh, vượt chỉ tiêu so với Nghị quyết đảng bộ huyện lần thứ XXIII và chương trình giảm nghèo của huyện giai đoạn 2015 – 2025 đề ra. Đối với các hộ đã thoát nghèo, thu nhập bình quân của họ đã được tăng lên, đảm bảo ổn định cuộc sống, an sinh xã hội trên địa bàn được bảo đảm, tránh tái nghèo. Hệ thống cơ sở hạ tầng của huyện từng bước được cải thiện các thôn, khu đường liên thôn liên, liên xã được mở mang, giao thông đi lại thuận tiện góp phần vào phát triển kinh tế xã hội của huyện. Cơ sở hạ tầng ở các xã nghèo cũng được cải thiện đáng kể.

Có được những kết quả đó xuất phát từ những nguyên nhân sau:

Thứ nhất, công tác giảm nghèo của huyện, được sự chỉ đạo sâu sát,

thường xuyên của Huyện uỷ, HĐND, sự lãnh đạo và hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, kịp thời của UBND huyện, các phòng, ban, ngành, các cấp uỷ, chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể từ huyện đến xã, thị trấn quan tâm chỉ đạo và tổ chức triển khai, vận động toàn xã hội ủng hộ về kinh phí, vật chất, ngày công... để giúp đỡ hộ nghèo, hộ cận nghèo, cùng với sự ủng hộ giúp đỡ tích cực của một số doanh nghiệp, đơn vị trên địa bàn.

Thứ hai, Huyện đã tập trung triển khai tuyên truyền sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn đạt kết quả thiết thực, góp phần giảm hộ nghèo, tăng hộ khá, hộ giàu, góp phần ổn định và nâng cao đời sống của nhân dân, đảm bảo tốt an sinh xã hội, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội của huyện. Tốc độ giảm nghèo huyện so với kế hoạch đề ra đạt kết quả tốt, kinh phí hoạt động chủ yếu lấy từ nguồn vận động của địa phương. Qua việc tuyên truyền, vận động về giảm nghèo, nhận thức của nhân dân nói chung và người nghèo nói riêng đã được nâng lên rõ rệt, tạo được sự đồng thuận trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ giảm nghèo ở các cấp. Giáo dục ý thức tự lực tự cường thúc đẩy hộ nghèo vươn lên thoát nghèo

Thứ ba, căn cứ Chương trình mục tiêu Quốc gia của Tỉnh, UBND huyện đã thành lập Ban chỉ đạo triển khai thực hiện chương trình có sự phân công cho các thành viên ban chỉ đạo, trên cơ sở chức năng nhiệm vụ của các thành viên đã chủ động xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện đạt kết quả. Trong quá trình triển khai thực hiện có sự phối kết hợp giữa các cơ quan đơn vị triển khai thực hiện. Các văn bản chỉ đạo đều triển khai kịp thời có sự thống nhất cao giữa các đơn vị và UBND các xã, thị trấn. Ban chỉ đạo giảm nghèo cấp xã, thị trấn tăng cường công tác, nâng cao hiệu quả hoạt động, hướng dẫn và chỉ đạo các thôn, khu, phối hợp để triển khai thực hiện công tác điều tra rà soát hộ nghèo và thực hiện các chính sách hỗ trợ

người nghèo vươn lên thoát nghèo.

Thứ tư, công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cán bộ làm công tác giảm nghèo được quan tâm. Hàng năm cán bộ huyện, xã, thị trấn, thôn xóm được trang bị, bổ sung những kiến thức về các chính sách mới về quản lý kinh tế và kỹ năng trong công tác quản lý và điều hành thực hiện chính sách giảm nghèo. Từ đó nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ dưới cơ sở về những chủ trương chính sách của Đảng, nhà nước và tổ chức thực hiện các dự án chính sách trên địa bàn huyện đạt hiệu quả cao; cộng đồng người dân tham gia tích cực trong việc xây dựng kế hoạch quản lý, giám sát thực hiện các chương trình dự án chính sách, lao động nông thôn tham gia đào tạo nghề có cơ hội việc làm mới.

Thứ năm, việc hỗ trợ cho các hộ nghèo được thực hiện theo hướng hỗ trợ đề tạo tiền đề cho hộ nghèo vươn lên thoát nghèo bằng sức của mình, nhờ đó mà thoát nghèo bền vững. Huyện đã triển khai được nhiều mô hình phát triển kinh tế cho người nghèo, đặc biệt là vùng núi. Hỗ trợ người nghèo được tiếp cận khoa học kỹ thuật, điều kiện canh tác, kỹ năng sản xuất, kết hợp với chuyển dịch cơ cấu vật nuôi cây trồng từ đó vươn lên thoát nghèo bền vững. Điều kiện sống, thu nhập của người nghèo trên địa bàn được cải thiện rõ rệt. Người nghèo được tiếp cận những dịch vụ xã hội cơ bản như: y tế, giáo dục và đào tạo, thông tin truyền thông, vay vốn ưu đãi, hỗ trợ đào tạo nghề, tư vấn tìm việc làm.

Do vậy, có thể khẳng định việc thực hiện chính sách giảm nghèo trên địa bàn huyện Ba Chẽ trong những năm vừa qua đã thu được những kết quả hết sức tích cực. Các chỉ tiêu giảm nghèo đều hoàn thành đạt và vượt mức kế hoạch được giao tại Nghị quyết hàng năm của Ban Chấp hành Đảng bộ và HĐND huyện. Công tác giảm nghèo được sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận nhất trí cao trong mọi tầng lớp nhân dân, đồng thời có những bước đi rõ ràng, cách làm bài bản. Kết quả có được từ chính sách giảm

nghèo bền vững không chỉ giúp cho những người nghèo được thoát nghèo, từng bước nâng cao chất lượng đời sống và còn góp phần đảm bảo công bằng xã hội, thực hiện an sinh, phúc lợi xã hội, giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn, đặc biệt là ở vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

2.3.2. Phân tích Hạn chế và nguyên nhân ảnh hưởng đến thực trạng thực thi chính sách giảm nghèo

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, công tác tổ chức triển khai thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững ở huyện vẫn còn có một số hạn chế cần phải được khắc phục trong thời gian tới. Những hạn chế đó bao gồm:

Thứ nhất, trong những năm qua kinh tế gặp nhiều khó khăn, cơ cấu kinh tế của huyện chuyển dịch chậm; sản xuất các lĩnh vực còn nhỏ lẻ, manh mún, năng suất, chất lượng, hiệu quả còn thấp, chưa có nhiều vùng sản xuất hàng hóa tập trung đảm bảo nguồn nguyên liệu cung cấp ra thị trường. Chưa khai thác được hết các tiềm năng, lợi thế của địa phương trong phát triển kinh tế xã hội, việc kết nối tiêu thụ sản phẩm hàng hóa còn khó khăn. Đa số hộ nghèo, hộ cận nghèo không có trình độ chuyên môn kỹ thuật nên chưa vận dụng được khoa học kỹ thuật vào sản xuất, kinh doanh. Phần lớn là số hộ nghèo già yếu, ốm đau mắc bệnh hiểm nghèo, cô đơn, mắc các tệ nạn xã hội, không có tay nghề, không biết cách làm ăn, thiếu vốn, khả năng khó thoát nghèo hoặc tái nghèo cao.

Kết quả giảm nghèo chưa bền vững. Mức sống của hộ nghèo và hộ cận nghèo chưa có sự khác biệt đáng kể nên nguy cơ tái nghèo cao, nhất là khi có thiên tai, dịch bệnh xảy ra. Tốc độ giảm nghèo không đồng đều giữa các vùng, khu vực, tỷ lệ hộ nghèo còn chênh lệch cao, tập trung lớn ở các xã vùng cao, xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Ở các xã này chưa có điều

kiện để giảm nghèo bền vững: cơ sở hạ tầng vẫn còn nhiều khó khăn. Tiêu biểu các xã 135 (Đập Thanh, Thanh Lâm, Thanh Sơn, Nam Sơn, Đồn Đạc) và các thôn đặc biệt khó khăn của huyện kinh tế chậm phát triển, việc ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất của người dân còn rất hạn chế, cơ cấu cây trồng vật nuôi chuyển đổi chậm; có rất ít sản phẩm là hàng hoá. Tập quán canh tác, sản xuất còn lạc hậu, nhỏ lẻ, manh mún mang tính tự cấp, tự túc là chủ yếu. Đời sống đồng bào dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, trình độ dân trí còn thấp. Một bộ phận người nghèo, người dân tộc thiểu số ý chí vươn trong phát triển kinh tế chưa cao; một số thôn, bản trong việc thực hiện chính sách vẫn còn hiện tượng cào bằng chia đều, nhất là việc bình xét hộ nghèo. Việc lồng ghép các chương trình phát triển kinh tế (như xây dựng nông thôn mới, chương trình 135, chương trình hỗ trợ phát triển sản xuất...) thực hiện các chính sách cho đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn chưa mang lại kết quả như mong muốn để góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất, giảm nghèo bền vững.

Thứ hai, quá trình triển khai thực hiện và tổng hợp chính sách còn lúng túng, chưa kịp thời, năng lực của cán bộ chưa đều ở các địa phương nhất là tuyến xã, thôn khu. Một số cấp ủy Đảng, chính quyền các xã, thị trấn còn chưa thực sự giành sự quan tâm đúng mức tới công tác giảm nghèo, Ban chỉ đạo giảm nghèo ở cấp xã chưa có sự chủ động trong công tác chỉ đạo, điều hành, xây dựng kế hoạch thực hiện, báo cáo định kỳ về thực hiện chính sách giảm nghèo. Công tác tuyên truyền, phổ biến chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác giảm nghèo, chính sách an sinh xã hội ở một số địa phương (cấp xã) chưa được thường xuyên. Công tác chỉ đạo việc điều tra, rà soát, xác nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm của cấp xã còn nhiều sai sót làm cho chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo còn gặp nhiều khó khăn. Quá trình thực hiện chính sách còn thiếu kịp thời trong việc rà soát, đánh giá, sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến thực hiện chính

sách; một số ban, ngành, cán bộ thực hiện chính sách còn trông chờ, ỷ nại vào cấp trên. Việc phối hợp triển khai thực hiện chính sách giảm nghèo của các cấp, các ngành chưa thật đồng bộ, chặt chẽ.

Thứ ba, sự tham gia của các tổ chức đoàn thể ở địa phương chưa thực sự có hiệu quả, thậm chí nhiều địa phương, các tổ chức đoàn thể hoạt động tự phát hoặc tham gia với vai trò hỗ trợ cho chính quyền mà chưa tích cực chủ động tham gia sâu rộng vào quá trình thực hiện. Điều này làm giảm vai trò xung kích của các tổ chức đoàn thể nhân dân nhất là trong công tác vận động quần chúng nhân dân tham gia vào quá trình giảm nghèo tại địa phương mình.

Thứ tư, cán bộ làm công tác giảm nghèo từ huyện đến xã đều kiêm nhiệm rất nhiều việc, số lượng hạn chế; đặc biệt cán bộ làm công tác kiêm nhiệm cấp xã thường không ổn định, nên việc cập nhật chính sách, quy định về giảm nghèo không kịp thời, chưa tích lũy được nhiều kỹ năng nên ảnh hưởng nhiều đến hiệu quả trong quản lý về giảm nghèo ở cơ sở. Trong khi đó chính sách giảm nghèo rất rộng, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực. Trên thực tế cơ quan thường trực giảm nghèo các cấp cán bộ thường xuyên thay đổi; khả năng đề điều phối, xâu chuỗi mỗi các hoạt động của Chương trình còn hạn chế nên công tác tham mưu, tổng hợp không đầy đủ, kịp thời, việc đề xuất, kiến nghị để có một chính sách phù hợp với thực tế của địa phương còn hạn chế. Điều này cũng là một trong những nguyên nhân để chính sách giảm nghèo đi vào thực tiễn cuộc sống, giúp người nghèo có khả năng tiếp cận được các chính sách từ Chương trình giảm nghèo, góp phần giảm nghèo bền vững.

Năng lực quản lý của cán bộ làm công tác giảm nghèo còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ đặt ra, đó là làm thế nào để chính sách giảm nghèo ngày càng phát huy hiệu quả. Một số cán bộ ở cơ sở chưa quan tâm đúng mức đến công tác giảm nghèo nên công tác tuyên truyền, vận động

đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước chưa đến người dân; việc triển khai thực hiện các chính sách, chương trình giảm nghèo chưa đến nơi, nên hiệu quả chính sách đem lại chưa cao, việc quản lý vốn đầu tư cho các công trình, dự án chương trình có lúc còn gây lãng phí, không đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt của người dân, người dân chưa có ý thức vươn lên thoát nghèo, nên tỉ lệ hộ nghèo vẫn còn cao.

Những hạn chế trên xuất phát từ một số nguyên nhân chủ yếu như sau:

Huyện Ba Chẽ là địa phương xuất phát triển kinh tế, xã hội chậm phát triển, có nhiều khó khăn đặc thù, nguồn lực đầu tư của nhà nước còn hạn chế; tỉnh chưa có cơ chế chính sách đặc thù cho huyện miền núi vùng sâu, vùng xa vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Mặt khác huyện Ba Chẽ không có đường quốc lộ đi qua, xa trung tâm đô thị nên khó khăn trong việc thu hút đầu tư phát triển kinh tế xã hội. Điều kiện kinh tế - xã hội - địa lý của các xã nghèo, thôn nghèo còn khó khăn (kinh tế chậm phát triển; khí hậu, thời tiết khắc nghiệt; địa hình chia cắt; đất đai khô cằn, thiếu nguồn nước; trình độ dân trí thấp...), một số phong tục tập quán lạc hậu ở vùng đồng bào DTTS làm cản trở mục tiêu giảm nghèo bền vững.

Hệ thống chính sách về giảm nghèo ngày càng được hoàn thiện hơn nhưng một số vẫn còn sự chồng chéo, tính đồng bộ chưa cao, cơ chế và thủ tục hỗ trợ còn nhiều thủ tục rườm rà, phức tạp, chưa tạo cơ chế thông thoáng cho đối tượng được tiếp cận hưởng thụ.

Nhiều hộ còn để lãng phí tài nguyên đất đai, chưa tận dụng được tiềm năng, thế mạnh của đất đai trong phát triển kinh tế. Một số hộ gia đình mặc dù điều kiện kinh tế có, nhưng không chịu đầu tư xây, sửa chữa nhà ở, không làm nhà tiêu, không trang sắm đồ dùng sinh hoạt... dẫn đến thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản, đa số hộ nghèo thiếu hụt 03 dịch vụ trở lên. Phong tục tập quán của một bộ phận không nhỏ đồng bào DTTS còn lạc hậu, chưa tích cực đổi mới trong ăn ở, sinh hoạt; chưa thay đổi nếp nghĩ tự phân đầu vươn lên thoát

nghèo, vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự trợ giúp của nhà nước.

Đa số chủ hộ nghèo không có trình độ chuyên môn kỹ thuật, hoặc nắm bắt khoa học kỹ thuật còn chậm; một số đồng bào DTTS còn lưu giữ và làm việc theo các phong tục tập quán cổ xưa, lạc hậu; trình độ canh tác còn thấp kém, chưa biết vận dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất; một số hộ nghèo còn thiếu lao động, đông người ăn theo (đông con, nhưng còn nhỏ), thiếu vốn; thiếu đất sản xuất; cờ bạc rượu chè, lười lao động; không biết cách làm ăn, không có tay nghề; có lao động nhưng không có việc làm ổn định; ốm đau nặng hoặc mắc tệ nạn xã hội...

Công tác phối kết hợp giữa các cơ quan, ban ngành, Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể và UBND các xã, thị trấn trong việc thực hiện công tác giảm nghèo chưa thực sự chặt chẽ và đồng bộ. Công tác kiểm tra giám sát của cả cấp huyện và cấp xã trong việc triển khai thực hiện chương trình còn hạn chế.

2.3.3. Những vấn đề đặt ra trong thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững tại huyện Ba Chẽ

** Việc thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững còn hình thức, thiếu quyết tâm và lãng phí*

Từ thực trạng hiện nay cho thấy, chính sách giảm nghèo bền vững chưa thực sự nổi bật trong số các chính sách an sinh xã hội, phát triển kinh tế trên địa bàn huyện. Xuất phát từ sự thiếu quyết tâm nên công tác giảm nghèo vẫn chưa đi vào thực chất, chưa có những cách làm hiệu quả, vì vậy các nguồn lực được sử dụng đôi khi còn lãng phí.

Nguyên nhân về tổ chức bộ máy và phối hợp giữa các cơ quan, cơ chế phối hợp và phân cấp quản lý giữa các cơ quan thực hiện chính sách của huyện còn thiếu và yếu, nên việc phối hợp trong chỉ đạo điều hành vẫn chưa được chặt chẽ. Một số cấp uỷ, chính quyền cơ sở chưa vào cuộc mạnh mẽ, công tác chỉ đạo còn chung chung, thiếu cụ thể.

Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

và tổ chức thực hiện công tác giảm nghèo ở một số địa phương trên địa bàn huyện chưa kịp thời, thiếu đồng bộ, chưa có kế hoạch, giải pháp giảm nghèo cụ thể cho từng nhóm hộ nghèo; công tác điều tra xác nhận hộ nghèo, cận nghèo còn nhiều sai sót, có nơi còn mang tính đối phó (đưa từ hộ nghèo sang cận nghèo để giảm tỷ lệ nghèo nên tỷ lệ cận nghèo tăng mà không giảm), công tác kiểm tra, giám sát chưa thường xuyên; bộ máy tổ chức cán bộ làm công tác giảm nghèo chưa hoàn thiện, chưa có cán bộ chuyên trách, năng lực chưa đáp ứng yêu cầu.

Về cán bộ, lực lượng cán bộ thực hiện nhiệm vụ giảm nghèo yếu cả số lượng, chất lượng, thậm chí cả phẩm chất. Năng lực chuyên môn của cán bộ cơ sở chuyên trách làm công tác giảm nghèo còn nhiều vấn đề bất cập, một số cán bộ được cử đi tăng cường có trình độ chuyên môn được đào tạo không phù hợp với nhiệm vụ giảm nghèo nên không nắm vững các khâu thực hiện chính sách, đặc biệt là trong các khâu quản lý, phân bổ tài chính của chương trình.

Về cơ chế, chính sách: Có nhiều chủ trương, chính sách về giảm nghèo nhưng giao cho nhiều ngành, nhiều đơn vị cùng thực hiện nên dẫn đến sự chồng chéo trong quá trình thực hiện; nguồn lực bị phân tán, lãng phí, hiệu quả tác động đến đối tượng thụ hưởng chưa cao; tạo tâm lý trông chờ, ỷ lại của người dân, không tạo ra động lực cho người nghèo vươn lên thoát nghèo; việc lồng ghép giữa các chương trình khác với chương trình, dự án giảm nghèo còn hạn chế, nhất là đầu tư cho thôn nghèo, xã nghèo, huyện nghèo về cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất, nhân rộng mô hình giảm nghèo.

** Một tỷ lệ đáng kể người nghèo khó tiếp cận với các chương trình giảm nghèo bền vững, tỷ lệ tái nghèo có xu hướng gia tăng*

Các chương trình giảm nghèo bền vững ít được tiếp cận hiện nay bao gồm các chương trình về y tế, giáo dục, văn hóa thông tin, trợ giúp pháp lý... Thực tế hiện nay, tỷ lệ người nghèo trên địa bàn huyện phần lớn là những người không có hoặc ít có khả năng tự nuôi sống bản thân, trong đó

có những đối tượng là người già neo đơn, người khuyết tật... kéo theo việc họ khó tiếp cận với các chương trình giảm nghèo bền vững. Trong khi đó, đội ngũ cán bộ tuyên truyền, vận động thực hiện chính sách còn hạn chế về số lượng và năng lực, đặt ra vấn đề về mức độ tiếp cận các chương trình giảm nghèo của các hộ nghèo.

Hệ thống giáo dục phổ thông tuy đã được quan tâm đầu tư nhưng vẫn còn sự chênh lệch giữa khu vực thị trấn và các xã, đặc biệt là khu vực miền núi. Do khoảng cách địa lý, nhiều hộ nghèo ở cách xa trường học, do đó khó khăn trong việc cho con em mình đến trường. Vì vậy, chưa đáp ứng được yêu cầu nâng cao dân trí, chuyển biến nhận thức của người dân. Sự tham gia của đồng bào dân tộc thiểu số vào bộ máy nhà nước còn thấp, hiệu quả tuyên truyền từ cán bộ người dân tộc tới đồng bào DTTS chưa cao. Trang thiết bị y tế phục vụ cho công tác khám chữa bệnh tại các trạm xá ở tuyến xã còn thiếu thốn, sơ sài. Đội ngũ y, bác sĩ tại tuyến cơ sở tuy đủ nhưng năng lực trình độ vẫn còn hạn chế, trình độ bác sĩ vẫn là ở mức độ đào tạo chuyên tu chưa được đào tạo bài bản chính quy ngay từ đầu. Chất lượng dịch vụ y tế ở tuyến đầu như tuyến xã còn yếu kém chưa đảm bảo cho người dân, hộ nghèo được tiếp cận dịch vụ một cách nhất với những dịch vụ y tế. Trong khi thời gian và chi phí cho hộ nghèo đi ra khu vực trung tâm để khám chữa bệnh lại tốn kém so với mức thu nhập của người nghèo.

Tỷ lệ lớn người nghèo là các đối tượng bảo trợ (người cao tuổi, người khuyết tật) nên tính thụ động còn cao, chưa chủ động tiếp cận đối với các nhu cầu dịch vụ cơ bản, đặc biệt là văn hóa thông tin, trợ giúp pháp lý. Việc thực hiện các chính sách hỗ trợ vẫn theo hướng cho không, chưa tạo được động lực cho người nghèo chủ động vươn lên thoát nghèo. Đồng thời cũng gây ra tình trạng một số hộ đã thoát nghèo nhưng lại có xu hướng muốn quay trở lại hộ nghèo để được nhận hỗ trợ từ Nhà nước. Vì vậy, tuy số lượng hộ nghèo đã giảm rõ rệt, nhưng nguy cơ tái nghèo vẫn còn rất cao.

** Việc huy động nguồn lực cho thực hiện chính sách cần công khai, minh bạch*

Trong thời gian tới, vấn đề quan trọng đặt ra là làm sao huy động, khai thác tối đa và sử dụng hiệu quả hơn mọi nguồn lực có thể, hướng vào mục tiêu giảm nghèo bền vững, bao gồm: Ngân sách TW, địa phương, cộng đồng, doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ. Đảm bảo tính công khai, minh bạch trong huy động và phân bổ, sử dụng vốn cho giảm nghèo đúng đối tượng, xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm gây thất thoát, lãng phí cũng là vấn đề cần được quan tâm để tạo lòng tin xã hội cũng như huy động nguồn lực trong xã hội cho việc thực hiện chính sách giảm nghèo. Thực hiện Đề án giảm nghèo nguồn kinh phí được UBND tỉnh phê duyệt cao nhưng tổ chức thực hiện hàng năm rất thấp, gây khó khăn cho địa phương trong quá trình thực hiện Đề án.

** Sự gia tăng tình trạng thiên tai (lũ lụt, hạn hán, ...) ảnh hưởng lớn đến kết quả thực hiện chính vững giảm nghèo bền vững*

Thực tế hiện nay trên địa bàn huyện, các hộ nghèo chủ yếu làm nông nghiệp. Trong khi đó, năng suất, giá trị sản xuất nông nghiệp phụ thuộc rất nhiều vào tình hình thời tiết. Trong điều kiện hiện nay, khi cả thế giới đang phải đề ra rất nhiều chương trình, biện pháp để ứng phó với biến đổi khí hậu, thì người nghèo lại là đối tượng bị ảnh hưởng trực tiếp nhất và chịu rủi ro nhiều nhất từ biến đổi khí hậu. Tình trạng lũ lụt, mưa lớn, ngập úng, sạt lở đất, hạn hán...ảnh hưởng nhiều đến sản xuất nông nghiệp. Đáng nói đến là trận mưa lịch sử tại huyện Ba Chẽ cuối tháng 7, đầu tháng 8 năm 2015 đã làm thiệt hại gần trăm tỷ đồng của toàn huyện. Mưa lũ làm ngập 12 cầu, ngầm tràn trên tuyến tỉnh lộ 330 và các tuyến đường liên thôn, xã. Sạt lở một số tuyến kè và đường liên thôn, khối lượng khoảng 2.000m³ . . Hư hỏng 04 công trình thủy lợi nhỏ, 03 công trình cấp nước sinh hoạt. Diện tích lúa và hoa màu bị ngập úng 35 ha. Trong đợt rét đầu tháng 01 năm 2016, trên địa bàn vùng núi huyện tại xã Đạp Thanh bị thiệt hại nặng nề về sản xuất nông nghiệp. Do tập quán chăn thả gia súc, trên địa bàn xã Nam Sơn đã bị chết rét 25 con trâu bò, gây thiệt hại kinh tế cho các hộ nông dân, hộ nghèo trên địa bàn xã.

Trong xu thế biến đổi khí hậu, tình hình thời tiết khó lường, thiên

tai ngày càng có xu hướng gia tăng và khó dự báo. Do vậy, đặt ra vấn đề trong thực hiện chính sách giảm nghèo là làm sao để ngày càng giảm sự phụ thuộc trong sản xuất, sinh hoạt của hộ nghèo vào tình hình thời tiết, thiên tai, dịch bệnh.

Tiểu kết chương 2

Trong chương 2 luận văn đã khái quát được những đặc điểm tự nhiên, dân số và tình hình kinh tế - xã hội (KT-XH) cũng như đặc điểm nghèo của huyện Ba Chẽ. Đồng thời tác giả cũng đã thống kê khá đầy đủ những kết quả cụ thể trong quá trình thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững ở huyện Ba Chẽ trên tất cả các khía cạnh trong giai đoạn vừa qua. Số liệu được thu thập khá chi tiết ở mỗi bước trong quy trình tổ chức thực hiện cùng với việc đánh giá mức độ tác động của chính sách giảm nghèo đến đời sống, sinh hoạt và sản xuất của người nghèo nói riêng và toàn huyện nói chung.

Quá trình tổ chức triển khai thực hiện chính sách ở Ba Chẽ đã góp phần tích cực vào việc thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững. Tuy nhiên quá trình tổ chức triển khai thực hiện vẫn chưa mang lại kết quả và hiệu quả như mong muốn của nhà nước cũng như của các đối tượng chính sách. Điều này một mặt phụ thuộc vào các cơ chế chính sách về giảm nghèo bền vững của nhà nước mặt khác lại phụ thuộc vào quá trình tổ chức triển khai thực hiện của các cấp chính quyền tại huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh trong thời gian tới. Đây là một trong những căn cứ quan trọng để đề xuất định hướng cũng như giải pháp nhằm nâng cao kết quả thực hiện chính sách giảm nghèo ở huyện Ba Chẽ đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

Chương 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN THỰC THI CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ NÔNG DÂN GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN BA CHẾ, TỈNH QUẢNG NINH

1. Hoàn thiện nội dung chính sách dựa trên các nội dung chuẩn nghèo mới

Hiện nay, các chính sách giảm nghèo bền vững của nước ta vẫn còn có sự chông chéo trong hệ thống các chính sách, các chương trình mục tiêu. Vì vậy, việc xây dựng, hoàn thiện và hệ thống hóa chính sách giảm nghèo bền vững là việc làm đầu tiên, quan trọng, tạo tiền đề để thực hiện các bước tiếp theo. Việc xây dựng và hoàn thiện chính sách phải căn cứ vào thực tiễn nhằm xác định ai là người nghèo, họ sống ở đâu, họ làm việc gì và tại sao họ nghèo. Chỉ khi đó, các biện pháp trong chính sách được đưa ra mới có tính khả thi cao. Xây dựng chính sách giảm nghèo bền vững trên cơ sở tôn trọng quyền được tham gia của người dân, từ đó tính minh bạch sẽ được nâng cao khi các thành phần khác nhau có thể bày tỏ quan điểm của mình, tạo nên luồng thông tin đa chiều. Chính sách giảm nghèo bền vững được hoạch định phải hướng vào phát huy nội lực. Nội lực của địa phương, nội lực ngay của người nghèo, cộng đồng nghèo. Các chính sách phải có tác động tích cực đến người nghèo, cộng đồng nghèo, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho đối tượng nghèo phát triển và hưởng lợi nhiều hơn từ tăng trưởng kinh tế và trong phân phối phúc lợi xã hội. Không tạo cho người nghèo thụ động, lệ thuộc quá nhiều vào các biện pháp hỗ trợ, giúp đỡ và làm mờ đi tính tự chủ, vươn lên của họ.

Tiếp tục rà soát, củng cố và hoàn thiện các chính sách đã được triển khai. Đối với một số chính sách mà người dân đánh giá về tính hiệu quả còn thấp hoặc chưa tích cực thì cần phải được các cấp lãnh đạo, quản lý, các cơ quan chức năng từ Trung ương đến địa phương khẩn trương xem xét tìm ra

nguyên nhân, giải pháp nhằm nhanh chóng khắc phục, đổi mới. Điều này giúp giải quyết nguy cơ tái nghèo và tình trạng nghèo đang tập trung ở các xã đặc biệt khó khăn, vùng cao, vùng xa, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Thay đổi tư duy trong xây dựng chính sách, hướng các chính sách giảm nghèo vào phát triển sản xuất, tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận đầy đủ các nguồn lực để giảm nghèo và phát triển. Nội dung các chương trình, chính sách cần có sự phân định và tách biệt rõ ràng các nhóm đối tượng cần sự trợ giúp về trợ cấp xã hội như người khuyết tật, người cao tuổi không cần dính đến yếu tố nghèo để tránh việc người dân có tư tưởng "trông chờ", "ỷ lại" vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

** Các điều kiện thực hiện giải pháp*

- Đối với chính sách cho hộ nghèo vay vốn: Để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cho mục tiêu giảm nghèo bền vững cần tăng cường rà soát số hộ nghèo có nguyện vọng được vay vốn, có khả năng lao động để hỗ trợ vay vốn. Cần tăng cường nguồn vốn vay đối với hộ nghèo có người trong độ tuổi lao động, biết làm ăn, có ý chí vươn lên thoát nghèo. Bên cạnh việc hỗ trợ vốn vay, cần phải tăng cường hỗ trợ việc dạy nghề, tạo việc làm, hướng dẫn kỹ thuật, giúp hộ nghèo được vay vốn biết vận dụng vốn vay đúng mục đích, tăng thu nhập cho gia đình. Đối với những hộ nghèo được vay vốn sản xuất, đã thoát nghèo cần tiếp tục hỗ trợ cho vay vốn để duy trì, không để họ thiếu hụt dẫn đến tái nghèo.

- Đối với hỗ trợ tín dụng: Tiếp tục tăng cường thực hiện có hiệu quả các Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Chính phủ, và Quyết định của UBND tỉnh về hỗ trợ tín dụng cho người nghèo. Trong đó tăng mức vay vốn về tín dụng ưu đãi hộ cận nghèo, nhất là đối với những hộ mới thoát nghèo đảm bảo thoát nghèo bền vững và tránh tái nghèo. Ngoài ra, cần phải tăng cường hơn nữa sự hỗ trợ về nguồn vốn cho hộ nghèo, hộ cận nghèo vay vốn từ Trung ương cũng như ngân sách của địa phương thông qua ngân hàng

chính sách xã hội để đảm bảo cho hộ nghèo có đủ vốn để hoạt động sản xuất cũng như kinh doanh. Giúp hộ nghèo, cận nghèo có thể lập được dự án về sản xuất, kinh doanh theo đúng khả năng của họ từ đó mà nhà nước có những mức hỗ trợ thật sự phù hợp với từng dự án. Giúp cho hộ nghèo có thể chủ động được trong sản xuất kinh doanh dần chủ động thoát nghèo. Với những hộ đã thoát nghèo cần tiếp tục hỗ trợ về lãi xuất cũng như tiếp tục hỗ trợ về vay vốn trong những năm tiếp theo hộ nghèo thoát nghèo một cách bền vững.

- Đối với chính sách cho vay tín dụng đối với học sinh, sinh viên: Tăng cường triển khai đồng bộ chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm cho con em hộ nghèo sau khi tốt nghiệp ra trường và thời gian trả nợ vay phải tính từ sau khi các em hoàn thành xong thời gian thử việc.

- Đối với hỗ trợ giáo dục cho người nghèo: bên cạnh việc tiếp tục thực hiện các quy định hiện hành về hỗ trợ giáo dục cho người nghèo của trung ương và của tỉnh Quảng Ninh cần dần tiến tới hỗ trợ miễn học phí cho con hộ cận nghèo được miễn giảm hoàn toàn học phí tại các cơ sở giáo dục công lập.

- Đối với hỗ trợ nhà ở và cải thiện điều kiện vệ sinh: tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện các chính sách hỗ trợ cho người nghèo và tiếp tục rà soát đầu tư, triển khai thực hiện tốt công tác huy động vốn xã hội hóa từ các tổ chức, doanh nghiệp hỗ trợ kinh phí xây dựng mới và sửa chữa nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện.

- Đối với hỗ trợ về y tế: củng cố mạng lưới y tế cơ sở, nhất là y tế cấp huyện, cấp xã, tăng cường hơn nữa về trang thiết bị y tế phục vụ cho việc khám, và sơ cứu bệnh ngay từ tuyến đầu. Tăng cường đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ y bác sĩ làm việc tại tuyến cơ sở. Chỉ đạo thực hiện tốt việc khám chữa bệnh miễn phí cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, các đối tượng chính sách và hình thức khám, chữa bệnh nhân đạo do các chương trình quốc gia và các chương trình được tài trợ bởi các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước.

- Đối với chính sách hỗ trợ đất sản xuất: tiến hành rà soát nhu cầu đất sản xuất của hộ nghèo, hộ cận nghèo giúp họ có điều kiện tiếp cận đất sản xuất để họ phát triển sản xuất từ đó nâng cao thu nhập của hộ gia đình.

- Đối với trợ giúp pháp lý: tiếp tục nâng cao nhận thức, hiểu biết về pháp luật cho người nghèo thông qua các chương trình, hoạt động.

- Đối với các dự án dạy nghề cho người nghèo: Để đem lại hiệu quả các dự án đang triển khai, cần tăng cường rà soát các ngành nghề phù hợp với điều kiện phát triển ở địa phương, các cơ sở dạy nghề phải đào tạo có chất lượng, đảm bảo 100% người nghèo được học nghề, sau khi hoàn thành khóa học, biết làm việc và có được việc làm ổn định.

2. Đổi mới hình thức và nội dung tuyên truyền và phổ biến chính sách giảm nghèo bền vững phù hợp với đối tượng thụ hưởng

Xác định công tác tuyên truyền là nhiệm vụ rất quan trọng trong công tác xây dựng Đảng và cả hệ thống chính trị, là khâu trực tiếp nối liền giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Tuy đạt được nhiều thành tích trong công tác tuyên truyền và vận động chính sách xong huyện Ba Chẽ cũng còn tồn tại không ít những hạn chế cần khắc phục, đặc biệt trong giai đoạn sắp tới cần thực hiện một số biện pháp sau đây để người dân có cái nhìn đúng đắn về chính sách pháp luật của nhà nước, cụ thể:

- Làm tốt công tác tuyên truyền mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác giảm nghèo tới toàn thể cán bộ và nhân dân, làm chuyển biến sâu sắc nhận thức của cán bộ và toàn thể nhân dân tham gia thực hiện chương trình xã hội hóa công tác giảm nghèo trên địa bàn huyện.

- Tiếp tục xây dựng và củng cố hệ thống thông tin - truyền thông ở cơ sở. Đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị văn hóa thể thao, truyền thanh, truyền hình tại các xã, thị trấn.

- Phải nâng cao hơn nữa nhận thức của cấp ủy các cấp, đội ngũ cán bộ về vị trí, vai trò của công tác chính trị tư tưởng, công tác tuyên truyền, vận động. Đưa công tác tuyên truyền vào nghị quyết, chương trình, kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo của tổ chức đảng, các cấp, các ngành, các tổ chức quần chúng để hiện thực hóa quan điểm "tuyên truyền là một bộ phận rất quan trọng trong công tác xây dựng Đảng và cả hệ thống chính trị".

- Củng cố đội ngũ báo cáo viên, tăng cường lực lượng tuyên truyền viên cơ sở theo hướng lựa chọn những người có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất và năng lực thực sự với số lượng hợp lý thay thế những người không đủ chuẩn, năng lực hạn chế yếu kém trong hoạt động tuyên truyền miệng.

- Phối hợp chặt chẽ với Mặt trận và các tổ chức đoàn thể, gắn tuyên truyền với các phong trào thi đua ở đơn vị, cơ sở. Nhất là chủ động tuyên truyền gương điển hình trong "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"; tăng cường công tác kiểm tra, kịp thời động viên, khen thưởng, nhân rộng những cách làm, mô hình hay trong công tác tuyên truyền; chủ động đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, các tin đồn thất thiệt, gây hoang mang dư luận, làm mất an ninh trật tự ở địa phương.

3. Củng cố tổ chức bộ máy và nâng cao năng lực cán bộ thực thi chính sách giảm nghèo bền vững

3.1. Củng cố tổ chức bộ máy

Việc xây dựng một cơ chế phối hợp giữa các bên liên quan, đặc biệt chú trọng đến vấn đề phân cấp trong quản lý là cần thiết; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá, đo lường xác định kết quả, chất lượng trong thực hiện từng chính sách sẽ giúp phân công nhiệm vụ cần rõ ràng, rành mạch, gắn liền với trách nhiệm. Mạnh dạn phân cấp, trao quyền và giao trách nhiệm cho cơ sở; cải cách các thủ tục rườm rà, các khâu trung gian tạo điều kiện để chính sách đến với người nghèo một cách nhanh chóng và hiệu quả. Có chính sách ưu đãi và dành một khoản ngân

sách để đào tạo cán bộ cấp xã, đặc biệt là cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ nữ; giảm dần tình trạng ỷ lại vào sự giúp đỡ của cán bộ tăng cường luân chuyển từ nơi khác đến. Có chính sách đãi ngộ tốt hơn nữa cho cán bộ công tác tại các xã đặc biệt khó khăn.

Tiếp tục đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành Chương trình giảm nghèo ở các cấp trong giai đoạn 2015 - 2025, định hướng đến năm 2030, xây dựng các cơ chế chính sách cụ thể, phân cấp, phân công trách nhiệm rõ ràng cho các ngành, các địa phương, tăng cường vai trò tham gia của các hội, đoàn thể, các doanh nghiệp, mỗi đơn vị gắn với một địa phương nhằm giám sát, đánh giá và hỗ trợ địa phương khó khăn và có tỷ lệ hộ nghèo cao.

3.2. Nâng cao năng lực cho các chủ thể thực thi chính sách giảm nghèo bền vững

**** Nâng cao năng lực đối với cơ quan nhà nước***

Mỗi địa phương đều có Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo, cơ quan Thường trực: ở tỉnh là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, cấp quận, huyện là Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, cấp xã, thị trấn do cán bộ lao động - thương binh và xã hội hoặc công chức văn hóa xã hội chịu trách nhiệm làm Phó ban thường trực Ban chỉ đạo giảm nghèo ở địa phương. Các thành viên trong Ban Chỉ đạo là đại diện ở các cơ quan có liên quan đến thực hiện chính sách giảm nghèo ở địa phương như: Giáo dục và đào tạo, Y tế, NN&PTNT, Tài chính, Kinh tế - Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Ngân hàng CSXH, Thống kê.

Để nâng cao năng lực cho chủ thể là các cơ quan nhà nước trong công tác giảm nghèo cần phải lưu ý 2 vấn đề:

Thứ nhất, đối với cán bộ chuyên trách phải có hình thức đào tạo dài hạn, hiểu đầy đủ về chủ trương, chính sách giảm nghèo của Đảng và Nhà nước, có năng lực, kỹ năng hiểu biết theo dõi, giám sát, tổng hợp các

chính sách, dự án giảm nghèo của địa phương, kỹ năng đánh giá chính sách, tham mưu đề xuất thực hiện và hoàn thiện chính sách để phát huy hiệu quả chính sách ở địa phương.

Thứ hai, phải thường xuyên tập huấn cho các thành viên tham gia Ban Chỉ đạo giảm nghèo các cấp nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo, cán bộ trực tiếp thực hiện các chính sách, dự án giảm nghèo đối với cấp tỉnh và huyện. Hằng năm phải tổ chức tập huấn, đào tạo đối với chủ thể là cơ quan Nhà nước để nắm chính sách, dự án chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững đã được ban hành, từ đó tổ chức thực hiện chính sách hiệu quả. Hình thức đào tạo: 01 lớp ngắn hạn cho các thành viên các cơ quan có liên quan đến từng chính sách.

Nâng cao năng lực đánh giá chính sách giảm nghèo bền vững, đánh giá tác động của chính sách giảm nghèo đối với người nghèo cho nhóm chủ thể là cơ quan quản lý nhà nước. Để đánh giá chính sách toàn diện việc thực hiện chính sách, các bộ ngành cấp trên cần phải có cơ chế, xây dựng bộ tiêu chí đánh giá cho cụ thể, phù hợp có thể định lượng được, tránh tình trạng đánh giá kết quả chính sách chung chung như trước đây; thực hiện cải cách hành chính trong công tác giảm nghèo, nâng cao năng lực thực hiện đánh giá báo cáo về công tác giảm nghèo.

** Đối với sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội*

MTTQ Việt Nam, Hội Phụ nữ, Hội nông dân, Đoàn Thanh niên, Hội CCB các cấp hiện nay tham gia với tư cách là thành viên Ban Chỉ đạo giảm nghèo theo cơ cấu được quy định và đóng vai trò rất quan trọng trong công tác tuyên truyền, vận động người dân thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững; tham gia giám sát công tác giảm nghèo ở địa phương để chính sách đi vào cuộc sống mang hiệu quả thiết thực hơn; vận động nhân dân tham gia phát triển kinh tế để giảm nghèo. Để phát huy vai trò của các chủ thể

tham gia giám sát chính sách giảm nghèo, cần tăng cường xây dựng cơ chế giám sát phù hợp đối với các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội gắn với trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ chính trị của tổ chức đó.

** Đối với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước*

Chủ thể này có thể tham gia với tư cách là nhà tài trợ cho chính sách giảm nghèo, góp phần nâng cao hiệu quả của chính sách. Nhà nước cần tăng cường mối quan hệ hợp tác, tạo điều kiện, hành lang pháp lý để các tổ chức này hoạt động phát triển vững mạnh hơn, phát huy quan hệ hợp tác quốc tế để có thể đóng góp nguồn lực về tài chính cùng với Chính phủ tham gia tích cực trong công tác giảm nghèo của đất nước. Cho dù được các tổ chức phi Chính phủ (Ngân hàng Thế giới, UNICEF ...) có nguồn lực tài trợ lớn nhưng vai trò quyết định vẫn là Nhà nước và người nghèo.

4. Tập trung huy động và phân bổ nguồn lực cho thực thi chính sách giảm nghèo

Huy động các nguồn lực trợ giúp cho hộ nghèo, hộ thuộc diện không thể thoát nghèo (gồm những hộ cao tuổi, mất sức lao động, khuyết tật, ốm đau bệnh tật, không có sức lao động). Cho vay vốn để phát triển sản xuất kinh doanh đối với những hộ nghèo theo chuẩn nghèo của huyện và những hộ mới thoát khỏi diện hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo quốc gia quy định từng thời kỳ; mức vay và lãi suất cho vay bằng mức của nhà nước quy định cho vay đối với hộ nghèo; thời gian cho vay tối đa không quá 3 năm kể từ khi thuộc diện hộ nghèo theo chuẩn nghèo của huyện. Hằng năm huyện bố trí cân đối ngân sách ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội - Chi nhánh thực hiện.

Đề nghị lựa chọn ưu tiên, tập trung phân bổ vốn để đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ dân sinh, sớm đưa các hạng mục vào sử dụng phát huy hiệu quả giúp giảm nghèo nhanh và bền vững, tránh tình trạng phân bổ bình quân, dàn trải, công trình dở dang, kém hiệu quả như hiện nay.

Có hướng dẫn về lồng ghép các nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG), việc huy động các nguồn lực khác để thực hiện một dự án triển khai trên cùng một địa bàn để có cơ chế thống nhất trong quản lý và sử dụng nguồn vốn Chương trình MTQG. Mặt khác cần có quy định về tài chính thống nhất chung cho các chương trình MTQG để trong khâu thanh, quyết toán các chương trình được thuận lợi, nâng cao hiệu suất sử dụng vốn. Xây dựng và hoàn thiện cơ chế khuyến khích, huy động nguồn lực từ người dân, doanh nghiệp và cộng đồng xã hội trong thực hiện công tác giảm nghèo. Đề nghị Chính phủ tập trung mọi nguồn vốn cho vay ưu đãi có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước vào một đầu mối là Ngân hàng Chính sách xã hội, vì hiện tại theo quy định tại Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP thì Ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay tại ngân hàng thương mại nhà nước để trồng rừng sản xuất, với ưu đãi thấp hơn lãi suất cho vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội. Mặt khác, tiếp tục xem xét giảm lãi suất cho vay đối với một số chương trình tại Ngân hàng Chính sách xã hội (vì lãi suất hiện tại là 0,75%/tháng, cao hơn mặt bằng lãi suất của các Ngân hàng thương mại), như: cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ, cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn, cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn. Đề nghị quan tâm tạo điều kiện về cơ sở vật chất và nhân lực nhằm giúp địa phương sử dụng phần mềm quản lý chung nhằm từng bước hiện đại hóa công tác quản lý để thực hiện tốt hơn công tác giám sát, đánh giá hiệu quả giảm nghèo.

5. Tăng cường giám sát và đánh giá, hoàn thiện thực thi chính sách giảm nghèo bền vững

Thường xuyên tiến hành thanh tra, kiểm tra, giám sát và định kỳ báo cáo sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện các chương trình, chính sách giảm nghèo bền vững, có cơ chế khuyến khích để các tổ chức, đoàn thể nhân dân tham gia giám sát việc thực hiện nhằm phòng ngừa, phát hiện và xử lý vi

phạm; phát hiện kịp thời các sở hử trong cơ chế quản lý, trong chính sách pháp luật để kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền có biện pháp khắc phục kịp thời. Cần thiết lập hệ thống các chỉ số, thông tin báo cáo hợp lý ở các cấp và có phương pháp thu thập thông tin một cách khoa học để thu thập đầy đủ thông tin một cách đầy đủ, chính xác và trung thực nhất. Tăng cường chức năng phản biện của xã hội, sự giám sát của cộng đồng, vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội từ huyện đến cơ sở để hoạt động giám sát quá trình thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững trên địa bàn thực sự có chất lượng. Tăng cường sự tham gia của người dân, của các tổ chức đoàn thể và các kênh thông tin đại chúng trong việc giám sát thực hiện chính sách, nhất là việc xác định đối tượng nghèo, cận nghèo nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch trong quá trình tổ chức thực hiện chính sách. Các cơ quan chuyên môn cần tiếp tục rà soát, đánh giá công tác thực hiện chính sách giảm nghèo hiện hành, xác định các chính sách cần tiếp tục thực hiện; các chính sách cần sửa đổi, bổ sung; nghiên cứu và kiến nghị các chính sách theo hướng mở rộng các đối tượng được hỗ trợ như hộ nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ cận nghèo để giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo.

Đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của chính sách giảm nghèo ở cơ sở; nhìn nhận lại những mặt được và chưa được, phân tích là rõ nguyên nhân; đưa ra các biện pháp khắc phục những bất cập và hạn chế, chỉ đạo kịp thời để thực hiện có hiệu quả các chính sách, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

6. Mục tiêu, nội dung và điều kiện thực hiện các giải pháp:

6.1. Mục tiêu cụ thể:

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững theo chỉ tiêu của tỉnh, huyện đề ra: giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 7-8%/năm (riêng các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao giảm 11-12%/năm) theo chuẩn nghèo quốc gia giai đoạn 2025-

2030, cuối năm 2030 tỷ lệ hộ nghèo còn 0%⁵; thu nhập bình quân của hộ nghèo tăng trên 2 lần so với năm 2020. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 98% trở lên. Trung bình hằng năm giải quyết việc làm mới cho 550 lao động, trong đó tập trung tuyên truyền vận động chuyển đổi nghề nghiệp từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp cho 1.122 người, đến năm 2025 đạt 2.100 người. Hằng năm tổ chức 6-7 lớp dạy nghề cho 120 lao động nông thôn trở lên (giao chỉ tiêu tối thiểu 1 lớp/xã/năm); tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75%.

6.2. Nội dung và điều kiện thực hiện các giải pháp:

(1) Tiếp tục tuyên truyền, nâng cao nhận thức và đề cao vai trò trách nhiệm của các cấp uỷ đảng, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể và nhân dân về công tác giảm nghèo bền vững. Phát huy vai trò chủ thể của người dân trong công tác giảm nghèo, chủ động và trách nhiệm vươn lên thoát nghèo bền vững.

(2) Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo huyện chủ động tham mưu, đề xuất giải pháp phù hợp thực tiễn địa phương; nêu cao trách nhiệm của thành viên Ban chỉ đạo huyện, thường xuyên bám nắm, sâu sát, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giúp đỡ cơ sở trong việc mở lớp dạy nghề, hướng dẫn sản xuất...

(3) Phát huy vai trò gương mẫu của người đứng đầu cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương trong công tác giảm nghèo bền vững; tích cực, chủ động phối hợp với các cơ quan chuyên môn cấp huyện mở các lớp đào tạo nghề (tối thiểu 1 lớp/xã/năm), nâng tỷ lệ người lao động qua đào tạo. Các lớp đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu thị trường lao động và doanh nghiệp trên địa bàn, gắn với thế mạnh của địa phương. Triển khai công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm nghiêm túc, tránh nể nang, né tránh, kết quả phản ánh không đúng thực tế.

⁵ (1) Số hộ dân: Từ năm 2015 đến năm 2019 tăng 296 hộ, trung bình tăng 74 hộ/năm, ước cuối năm 2020 số hộ là 5.483 hộ; ước đến năm 2025 số hộ dân là 5.853 hộ.

(2) Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo (theo tiêu chí mới) ước đến năm 2020: Số hộ nghèo là 2.193/5.483 hộ chiếm 40%; số hộ cận nghèo là 1.096/5.483 hộ chiếm 20%.

(2) Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo (theo tiêu chí mới) ước đến năm 2025: Giảm 2.141/2.193 hộ nghèo, số hộ nghèo còn 52/5.853 hộ chiếm 0,89%; giảm 979/1.096 hộ cận nghèo, số hộ cận nghèo còn 117/5.853 hộ chiếm 2%.

(4) Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội gắn với giảm nghèo bền vững; công khai, minh bạch chính sách hỗ trợ và đối tượng thụ hưởng; giảm dần hỗ trợ trực tiếp cho người dân sang đầu tư cộng đồng cùng hưởng lợi. Chú trọng và ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc trên cơ sở khai thác có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư của nhà nước và các nguồn huy động khác.

(4) Tập trung tuyên truyền, vận động thanh niên trong độ tuổi 18-35 chuyển đổi nghề nghiệp từ lâm nông nghiệp sang lĩnh vực du lịch, thương mại và công nghiệp, trong đó ưu tiên tuyển dụng lao động vào sản xuất tại Cụm công nghiệp Nam Sơn và ngành than trên địa bàn tỉnh góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của hộ gia đình.

(5) Đề nghị Cơ quan khối Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị huyện phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân, chủ động chỉ đạo MTTQ và các đoàn thể cơ sở tăng cường công tác tuyên truyền đoàn viên, hội viên tích cực tham gia công tác giảm nghèo bền vững.

(6) Tăng nguồn kinh phí cho công tác đào tạo nghề cho người nghèo (nâng mức hỗ trợ cho học viên), có chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho các doanh nghiệp.

(7) Giảm dần hỗ trợ trực tiếp cho các hộ nghèo sang đầu tư cho cộng đồng (ví dụ: chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo).

(8) Hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm y tế cho nhân dân trên địa bàn các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số để nhân dân được chăm sóc sức khỏe, nâng cao chất lượng dân số.

Tiểu kết chương 3

Chính sách giảm nghèo bền vững được xây dựng và tổ chức thực hiện phải dựa trên nền tảng và bám sát các quan điểm, yêu cầu của Đảng và Nhà nước. Do vậy, luận văn đã đưa ra các quan điểm định hướng cho toàn bộ quá trình thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững, tạo cơ sở khoa học để đề xuất các giải pháp trong thực hiện chính sách giảm nghèo tại huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020 và những năm tiếp theo.

Với mục tiêu thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững tại huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020 và những năm tiếp theo, luận văn đã nghiên cứu xây dựng hệ thống các giải pháp vừa mang tính lý luận vừa mang tính thực tiễn nhằm nâng cao kết quả thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững tại huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh. Hệ thống các giải pháp được tác giả nghiên cứu, xây dựng thành các giải pháp cụ thể nhằm tạo ra kết quả và hiệu quả cao nhất cho quá trình tổ chức thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững ở Ba Chẽ, vừa đảm bảo phù hợp với các bước trong quá trình tổ chức thực hiện mặt khác lại phù hợp với tính đặc thù về điều kiện thực tiễn của vùng trên cơ sở hướng đến kết quả đầu ra của quá trình thực hiện chính sách giảm nghèo.

Để chính sách giảm nghèo bền vững tại huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh đạt hiệu quả cao trong thực tế đòi hỏi cần phải có sự chung tay tích cực và có hiệu quả của các cấp ủy Đảng, chính quyền các địa phương và cả hệ thống chính trị trong đó có sự chủ động tích cực tham gia của chính người nghèo vào quá trình thực hiện chính sách nhằm giảm nghèo bền vững tại Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh trong thời gian tới.

KẾT LUẬN

Thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững ở nước ta đã từng bước đem lại những thành quả đáng kể. Bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững vẫn còn những hạn chế, bất cập cần tập trung khắc phục; tỷ lệ giảm nghèo nhanh nhưng chưa bền vững, nguy cơ tái nghèo còn cao. Đối với huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh là huyện miền núi vùng cao, qua 8 năm thực hiện Nghị quyết 30a/NQ-CP và 6 năm Nghị quyết 80/NQ-CP của Chính phủ đã giúp cho huyện Ba Chẽ từng bước giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người nghèo, thu hẹp dần khoảng cách chênh lệch giàu nghèo của địa phương. Để tiếp tục thực hiện định hướng giảm nghèo bền vững trong thời gian tới; luận văn đánh giá việc thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững của huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh. Đóng góp của luận văn là phân đánh giá việc tổ chức thực thi chính sách giảm nghèo bền vững từ thực tiễn huyện Ba Chẽ trong thời gian từ 2015 đến 2024; đánh giá những mặt được và chưa được trong từng công cụ chính sách giảm nghèo tại huyện. Đây là cơ sở thực tiễn cho việc hoàn thiện thực thi chính sách hỗ trợ nông dân của huyện giảm nghèo bền vững trong thời gian tới.

Trên cơ sở đánh giá thực hiện chính sách giảm nghèo của huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh, luận văn đã đề xuất 5 nhóm giải pháp nâng cao chất lượng thực thi chính sách giảm nghèo bền vững huyện Ba Chẽ từ nay đến năm 2030, với mong muốn chính sách ngày càng đem lại hiệu quả, nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về giảm nghèo, góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo theo hướng bền vững của địa phương. Đây cũng là một số giải pháp cần thiết mà các địa phương của các tỉnh, thành đang thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về giảm nghèo có thể tham khảo, vận dụng những điểm phù hợp thiết thực đối với địa phương mình. Mặc dù đã có nhiều

cố gắng song do hạn chế về thời gian cũng như năng lực và kinh nghiệm nghiên cứu, nên những vấn đề được đề cập mới chỉ ở mức nghiên cứu ban đầu của học viên, do đó không thể tránh khỏi những thiếu sót và hạn chế. Học viên rất mong nhận được những đóng góp của các Quý Thầy Cô để có thể phát triển hướng nghiên cứu này tốt hơn trong tương lai.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội (2015) *Báo cáo tổng quan về giảm nghèo ở Việt Nam năm 2015*.
2. Chính phủ (2008), *Nghị quyết 30a/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo*.
3. Chính phủ (2011), *Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020*, Hà Nội.
4. Đại hội đại biểu toàn quốc (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng*, Hà Nội.
5. Đại hội đại biểu toàn quốc (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*.
6. Đại học Kinh tế Quốc dân (2010), *Những lý luận chung về đói nghèo và xóa đói giảm nghèo*”, Nxb Đại học kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
7. Đảng bộ huyện Ba Chẽ (2015), *Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Ba Chẽ lần thứ XXIV*
8. Liên Hợp quốc (1995), *Phát triển xã hội*, Copenhaghen, Đan Mạch.
9. Liên Hợp quốc (2011), *Chương trình phát triển Liên Hợp quốc (UNDP)*.
10. Lê Quốc Lý (Chủ biên) (2012), *Chính sách xóa đói giảm nghèo, thực trạng và giải pháp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. Lê Chi Mai (2001), *Những vấn đề cơ bản về chính sách và qui trình thực thi chính sách*, Nxb Đại học quốc gia, Thành phố Hồ Chí Minh.
12. Ngô Quang Minh (1999), *Tác động kinh tế của Nhà nước góp phần xóa đói, giảm nghèo trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
13. Ngân hàng phát triển Châu Á (2008), *Tổng quan tác động của hội nhập kinh*

- tế quốc tế tiểu vùng sông mê công đến đói nghèo*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
14. Ngân hàng Thế giới (2004), *Báo cáo nghiên cứu chính sách của Ngân hàng thế giới về chính sách đất đai cho tăng trưởng và xóa đói, giảm nghèo*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
 15. Nguyễn Tiệp (2008), "Một số giải pháp giảm nghèo bền vững đối với các huyện nghèo", *Tạp chí Lao động và xã hội*, (332).
 16. Trương Văn Thành (2000), *Thực trạng và giải pháp xóa đói, giảm nghèo ở Tây Ninh hiện nay*, Luận văn thạc sĩ Kinh tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
 17. Trần Đình Thiên (2009), "Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2011-2020: Ý tưởng và hiện thực" tại trang <https://www.baomoi.com> › *Kinh tế* › *Lao động - Việc làm*, truy cập ngày 10/7/2017.
 18. Thủ tướng Chính phủ (2007), *Quyết định số 167/2007/QĐ-TTg ngày 12/12/2007 của Thủ tướng Chính phủ*, Hà Nội.
 19. Thủ tướng Chính phủ (2011), *Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015*.
 20. Thủ tướng Chính phủ (2015), *Quyết định 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020*, Hà Nội.
 21. Ủy ban Dân tộc và Miền núi (1997), *Quyết định 68/UBQĐ năm 1997 công nhận các xã, huyện, tỉnh là miền núi, vùng cao do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi ban hành ngày 09 tháng 08 năm 1997*, Hà Nội.
 22. Ủy ban Dân tộc và Miền núi (1998), *Quyết định 26/1998/QĐ-UB công nhận 3 khu vực Miền núi, vùng cao*, Hà Nội.
 23. Ủy ban Dân tộc và Miền núi (2005), *Quyết định 393/2005/QĐ-UBDT về*

tiêu chí phân định vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển, Hà Nội.

24. Ủy ban Kinh tế - xã hội Châu Á - Thái Bình Dương (1993), *Chống đói nghèo ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương*, Thái Bình Dương.
25. Ủy ban nhân dân huyện Ba Chẽ, *Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2011-2015*, Quảng Ninh.
26. Ủy ban nhân dân huyện Ba Chẽ, *Báo cáo công tác điều tra hộ nghèo năm 2015, triển khai thực hiện giải pháp giảm nghèo năm 2016*, Quảng Ninh.
27. Ủy ban nhân dân huyện Ba Chẽ, *Báo cáo kết quả thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và Đề án 196 năm 2017*, Quảng Ninh.
28. Ủy ban nhân dân huyện Ba Chẽ, *Báo cáo kết quả công tác giảm nghèo năm 2017, phương hướng nhiệm vụ năm 2018*, Quảng Ninh.
29. Ủy ban nhân dân huyện Ba Chẽ (2016), *Đề án “Thực trạng và giải pháp giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Ba Chẽ, giai đoạn 2016 - 2020*, Quảng Ninh.
30. Văn phòng Chương trình quốc gia xoá đói, giảm nghèo (1993), *Báo cáo tại hội nghị chống đói nghèo*, Băng Cốc.
31. Báo cáo tổng kết, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2015-2020 và đề xuất cho giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Ba Chẽ kèm các bảng biểu minh họa.

